

Số: /NQ-BSR

Quảng Ngãi, ngày 23 tháng 05 năm 2024

Dự thảo

NGHỊ QUYẾT

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 Công ty cổ phần Lộc hóa dầu Bình Sơn

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN LỘC HÓA DẦU BÌNH SƠN

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020 và các văn bản sửa đổi, hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Lộc hóa dầu Bình Sơn (“Công ty”) đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty cổ phần Lộc hóa dầu Bình Sơn số/BB-BSR ngày 23 tháng 05 năm 2024;

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Đại hội đồng cổ đông đã thông qua các nội dung sau:

1. Thông qua Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023 và kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 (Báo cáo đính kèm), với các chỉ tiêu chính như sau:

1.1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023

a. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh

Stt	Nội dung	ĐVT	Năm 2023		
			Kế hoạch ⁽¹⁾	Kế hoạch điều chỉnh ⁽²⁾	Thực hiện
I	Chỉ tiêu sản lượng				
1	Sản lượng sản xuất	Tấn	5.624.734	6.765.415	7.367.305
2	Sản lượng tiêu thụ		5.624.734	6.765.415	7.340.677
II	Chỉ tiêu tài chính (hợp nhất)				
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	95.644,8	145.102,4	150.116,0
2	Nộp NSNN		9.825,3	15.703,3	17.419,9
3	Lợi nhuận trước thuế		1.820,6	5.428,3	9.639,3

⁽¹⁾ Theo Nghị quyết số 2676/NQ-BSR của ĐHĐCĐ thường niên năm 2023.

⁽²⁾ Theo Nghị quyết số 7234/NQ-BSR của HĐQT Công ty (phê duyệt theo ủy quyền của ĐHĐCĐ).

Stt	Nội dung	ĐVT	Năm 2023		
			Kế hoạch ⁽¹⁾	Kế hoạch điều chỉnh ⁽²⁾	Thực hiện
4	Lợi nhuận sau thuế		1.628,4	4.867,7	8.592,6
III	Chỉ tiêu tài chính Công ty mẹ				
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	95.370,8	145.013,8	150.073,2
2	Nộp NSNN		9.812,8	15.692,3	17.409,0
3	Lợi nhuận trước thuế		1.912,7	5.586,8	9.800,5
4	Lợi nhuận sau thuế		1.721,5	5.028,1	8.755,1

b. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu đầu tư

Stt	Chỉ tiêu đầu tư	ĐVT	KH	KHĐC	TH năm 2023	%TH so với KH	%TH so với KHĐC
I	Giá trị thực hiện đầu tư	Tỷ đồng	1.622,5	387,4	196,4	12%	51%
1	Dự án NCMR NMLD	Tỷ đồng	954,8	83,77	38,02	4%	45%
2	Các dự án đầu tư khác	Tỷ đồng	89,1	11,8	4,04	5%	34%
2.1	Dự án thực hiện trong năm	Tỷ đồng	47,9	10,5	3,27	7%	31%
2.2	Dự án chuẩn bị đầu tư	Tỷ đồng	41,2	1,3	0,77	2%	59%
3	Mua sắm TSCĐ	Tỷ đồng	578,6	291,8	154,31	27%	53%
II	Giá trị giải ngân	Tỷ đồng	1.622,5	387,4	217,93	13%	56%
1	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	1.622,5	387,4	217,93	13%	56%
2	Vốn vay + khác	Tỷ đồng	-	-	-	-	-

1.2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024

1.2.1. Chỉ tiêu sản lượng sản xuất và tiêu thụ

TT	Sản phẩm	Đvt	Sản xuất	Tiêu thụ
1.	Polypropylene	Tấn	134.485	134.485
2.	LPG	Tấn	382.703	382.703
3.	Xăng E5 RON 92	Tấn	37.388	37.388
4.	Xăng RON 91/92	Tấn	588.013	588.013
5.	Xăng RON 95	Tấn	1.731.823	1.731.823
6.	Jet A1	Tấn	417.652	417.652
7.	Diesel Oil	Tấn	2.281.113	2.281.113
8.	Fuel Oil	Tấn	151.557	84.466



TT	Sản phẩm	Đvt	Sản xuất	Tiêu thụ
9.	Lưu huỳnh	Tấn	3.000	3.000
	TỔNG	Tấn	5.727.735	5.660.644

1.2.2. Kế hoạch tài chính toàn Công ty (Hợp nhất)

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	KH năm 2024
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	95.274,4
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	1.291,3
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	1.148,2
4	Nộp NSNN	Tỷ đồng	10.597,6
5	Năng suất lao động bình quân (tính theo doanh thu)	Tỷ đồng/ người/ tháng	4,2

1.2.3. Kế hoạch Công ty Mẹ

– Kế hoạch tài chính

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2024
1	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	56.302,6
+	<i>Trong đó: -Vốn điều lệ cuối kỳ</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>31.005,0</i>
+	<i>Tỷ lệ tham gia của Tập đoàn</i>	<i>%</i>	<i>92,12%</i>
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	95.079,8
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	1.420,9
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	1.278,8
5	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn CSH	%	2,3%
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn điều lệ	%	4,1%
7	Hệ số nợ/vốn điều lệ	Lần	<3
8	Tỷ lệ chia cổ tức/Vốn điều lệ	%	3,0%
9	Cổ tức/ lợi nhuận nộp Tập đoàn	Tỷ đồng	856,9
10	Nộp NSNN	Tỷ đồng	10.585,6

Ghi chú: Kế hoạch tài chính nêu trên được lập theo phương án giá dầu là 70 USD/thùng.

– Kế hoạch vốn đầu tư

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2024
1	Tổng nhu cầu vốn đầu tư	Tỷ đồng	1.336,7
1.1	Đầu tư xây dựng cơ bản	Tỷ đồng	994,3



Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2024
1.2	Mua sắm Trang thiết bị/Tài sản cố định	Tỷ đồng	342,4
2	Nguồn vốn	Tỷ đồng	1.336,7
-	Vốn Chủ sở hữu	Tỷ đồng	1.336,7
-	Vốn vay và khác	Tỷ đồng	

1.3. Đại hội đồng cổ đông thông qua:

- Đăng ký thủ tục chuyên sàan niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) khi đủ điều kiện.
- Ủy quyền cho Hội đồng quản trị xem xét, linh hoạt phê duyệt điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 của Công ty phù hợp với tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh thực tế; báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả thực hiện ủy quyền và công bố thông tin theo quy định.

2. Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2023 và phương hướng hoạt động năm 2024 (Báo cáo đính kèm).

3. Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động của Ban kiểm soát năm 2023 và phương hướng nhiệm vụ năm 2024 (Báo cáo đính kèm).

4. Thông qua Báo cáo quyết toán quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng năm 2023 và kế hoạch tiền lương, thù lao, tiền thưởng năm 2024 của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát (Báo cáo đính kèm);

– Tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2023: 12.755.500.000 đồng.

– Kế hoạch Kế hoạch quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng năm 2024 của HĐQT và BKS sẽ được thực hiện theo đúng quy định của Nhà nước (Thông tư số 28/2016/TTBLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty cổ phần, vốn góp chi phối của nhà nước).

5. Thông qua Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023 (Tờ trình đính kèm).

6. Thông qua Tờ trình về phương án phân phối lợi nhuận năm 2023 (Tờ trình đính kèm).

TT	Khoản mục	Giá trị (đồng)
I	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2023	16.636.570.994.948
	Trong đó:	
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước	7.881.456.525.320
	- Lợi nhuận sau thuế năm 2023	8.755.114.469.628
II	Phân phối lợi nhuận	3.900.362.825.688
1	Quỹ Khen thưởng, phúc lợi	343.678.600.000
	Trong đó: - Quỹ Khen thưởng, Phúc lợi người lao động	340.787.100.000



TT	Khoản mục	Giá trị (đồng)
	- Quỹ Thưởng người quản lý	2.891.500.000
2	Chia cổ tức (3% VDL tương đương 300 đồng/cổ phiếu) (*)	930.149.884.800
3	Quỹ Đầu tư phát triển	2.626.534.340.888
III	LNST chưa phân phối năm 2023 chuyển sang năm 2024	12.736.208.169.260

(*) Vốn điều lệ: 31.004.996.160.000 đồng

Đại hội đồng cổ đông giao cho Hội đồng quản trị nghiên cứu xây dựng phương án tăng vốn điều lệ phù hợp với nhu cầu sử dụng vốn của Công ty và các quy định hiện hành, báo cáo cấp thẩm quyền xem xét, quyết định.

7. Thông qua Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 (Tờ trình đính kèm).

Đại hội đồng cổ đông thông qua và ủy quyền Hội đồng quản trị triển khai lựa chọn trong các đơn vị sau thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024:

- Công ty TNHH Deloitte Việt Nam;
- Công ty TNHH PwC (Việt Nam);
- Công ty TNHH KPMG.

8. Thông qua Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn (Tờ trình đính kèm).

- Thông qua toàn văn dự thảo Điều lệ Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn (sau khi sửa đổi, bổ sung);
- Ủy quyền cho Hội đồng quản trị chỉ đạo rà soát, sửa đổi các Quy chế quản trị nội bộ của công ty phù hợp với Điều lệ công ty sau khi sửa đổi, bổ sung. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả thực hiện.

Điều 2. Nghị quyết này được Đại hội cổ đông nhất trí thông qua tại cuộc họp và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Tất cả các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, Người Phụ trách quản trị, Thư ký Công ty, Trưởng các Ban, đơn vị trực thuộc Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở GD&ĐT Hà Nội;
- Lưu VT, VPHĐQT.

**T/M. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI
CHỦ TỊCH HĐQT**

NGUYỄN VĂN HỘI



CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN LỘC HÓA DẦU BÌNH SƠN

Thời gian: 08h00 ngày 23 tháng 05 năm 2024

Địa điểm: Khách sạn Sheraton Sài Gòn, 88 Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP Hồ Chí Minh.

Thời gian dự kiến	Thời lượng	Nội dung
	(phút)	
I. Khai mạc Đại hội		
08h00 - 09h00	30	Đón tiếp Đại biểu và Cổ đông
		Cổ đông nhận Tài liệu, Thẻ biểu quyết, Phiếu bầu cử
	30	Tuyên bố lý do, giới thiệu thành phần tham dự và Ban kiểm tra tư cách cổ đông
		Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội
		Giới thiệu và thông qua Ban chủ tọa
		Giới thiệu và thông qua Ban thư ký, Ban Bầu cử và kiểm phiếu
		Thông qua thể lệ bầu cử và biểu quyết
		Thông qua Quy chế Đại hội
Thông qua Chương trình Đại hội		
II. Nội dung Đại hội		
09h00 - 11h15	20	Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 và kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024
	5	Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023
	5	Tờ trình về phương án phân phối lợi nhuận năm 2023
	15	Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị năm 2023 và phương hướng nhiệm vụ năm 2024
	5	Báo cáo quyết toán quỹ tiền lương, thù lao năm 2023 và phương án quỹ tiền lương, thù lao năm 2024 của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát
	5	Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty cổ phần Lộc hóa dầu Bình Sơn
	10	Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát năm 2023 và phương hướng nhiệm vụ năm 2024
	5	Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024
	30	Thảo luận
	10	Biểu quyết thông qua các nội dung của Đại hội
	15	Phát biểu của Đại diện Cổ đông Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (nếu có)
	10	Công bố kết quả biểu quyết
III. Tổng kết Đại hội		
11h15 - 11h30	10	Thông qua Đại hội Biên bản họp và Nghị quyết đại hội
	5	Bế mạc đại hội

PHỤ LỤC 02

BÁO CÁO KẾT QUẢ SXKD NĂM 2023 VÀ KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2024 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN LỘC HÓA DẦU BÌNH SƠN

PHẦN I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2023

I.1. Đánh giá chung

– Năm 2023, nền kinh tế thế giới có dấu hiệu phục hồi nhưng thiếu động lực, chuỗi sản xuất công nghiệp và cung ứng bị gián đoạn, chủ nghĩa bảo hộ trở dậy, xung đột địa chính trị leo thang.

– Thị trường dầu mỏ diễn biến phức tạp và biến động nhanh, mạnh và khó tiên đoán do sự tác động của việc cắt giảm nguồn cung từ OPEC+; tăng trưởng nguồn cung từ các nước ngoài OPEC+ và các thành viên OPEC+ nhưng không bị hạn ngạch như Mỹ, Brazil, Iran; hoài nghi về khả năng phục hồi kinh tế thế giới, đặc biệt trong bối cảnh sự phục hồi của nền kinh tế Trung Quốc không như kỳ vọng; những diễn biến phức tạp trên thị trường tài chính toàn cầu; và các căng thẳng địa chính trị. Điều này là thách thức lớn cho BSR trong công tác dự báo và điều hành sản xuất, tuy nhiên cũng tồn tại những cơ hội để BSR tận dụng nhằm góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh (SXKD) của Công ty.

– Các điều kiện tài chính thắt chặt; việc thiếu hụt, gián đoạn nguồn cung các nguyên liệu, nhiên liệu đầu vào như platinum, nhôm, thép.... khiến các nhà máy sản xuất/chế tạo trên thế giới có thời gian sản xuất/chế tạo kéo dài hơn so với trước đây, thậm chí có nguy cơ phải đóng cửa. Những yếu tố này làm ảnh hưởng đến chuỗi cung ứng toàn cầu, công tác giao hàng hóa/thực hiện dịch vụ gây phát sinh chi phí SXKD và rủi ro cho an toàn vận hành Nhà máy.

Quán triệt phương châm “Quản trị biến động, mở rộng quy mô, tăng tốc chuyển đổi số, dịch chuyển mô hình, nâng cao năng suất, tái tạo kinh doanh” cùng với sự quan tâm, ủng hộ của các cấp thẩm quyền; Sự đoàn kết, quyết tâm của Tập thể lãnh đạo và Người lao động BSR; sự phân cấp thẩm quyền tối đa của HĐQT cho Ban điều hành; sự chủ động và linh hoạt trong công tác điều hành SXKD của Ban điều hành, Nhà máy lọc dầu (NMLD) Dung Quất được vận hành an toàn, ổn định, liên tục và hiệu quả ở công suất và cơ cấu sản phẩm tối ưu, phù hợp với nhu cầu thị trường; v.v... Năm 2023, BSR đã đạt và vượt tất cả các chỉ tiêu về sản xuất và tài chính, trong đó Lợi nhuận sau thuế (LNST) hợp nhất đạt 8.592,58 tỷ đồng [tương đương đạt 528% KH được Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thông qua tại Nghị quyết số 2676/NQ-BSR và 177% so với KH điều chỉnh], nộp NSNN hợp nhất đạt 17.419,9 tỷ đồng (tương đương đạt 177% kế hoạch được ĐHĐCĐ thông qua và 111% so với KH điều chỉnh).

Một số yếu tố, điều kiện ảnh hưởng tới hoạt động SXKD của BSR như sau:

I.1.1. Thuận lợi

a) Nhận được sự quan tâm, ủng hộ/hỗ trợ tháo gỡ khó khăn của các cấp thẩm quyền,



sự chỉ đạo sát sao của các cấp Lãnh đạo.

b) Kinh tế vĩ mô của Việt Nam ổn định, các chính sách của Đảng/Nhà nước đã và đang hỗ trợ tích cực cho các doanh nghiệp phục hồi sau đại dịch và tốc độ phục hồi của nền kinh tế Việt Nam ở mức cao.

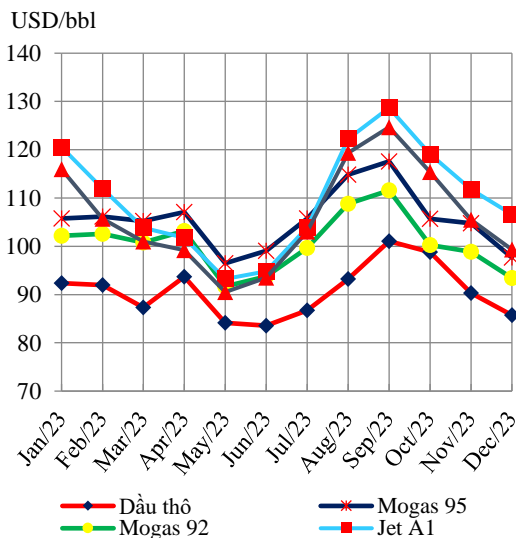
c) Hệ thống quản trị ngày càng được hoàn thiện và tối ưu; Hội đồng quản trị và Ban điều hành BSR luôn đoàn kết, thống nhất cao trong mọi hành động; công tác điều hành/ứng phó với các biến động thị trường linh hoạt, kịp thời và ngày càng hiệu quả; Đội ngũ lao động lành nghề, tích lũy nhiều kinh nghiệm, tập thể lãnh đạo và người lao động luôn đoàn kết và sáng tạo.

d) Nhu cầu tiêu thụ xăng dầu trong nước được duy trì ở mức cao.

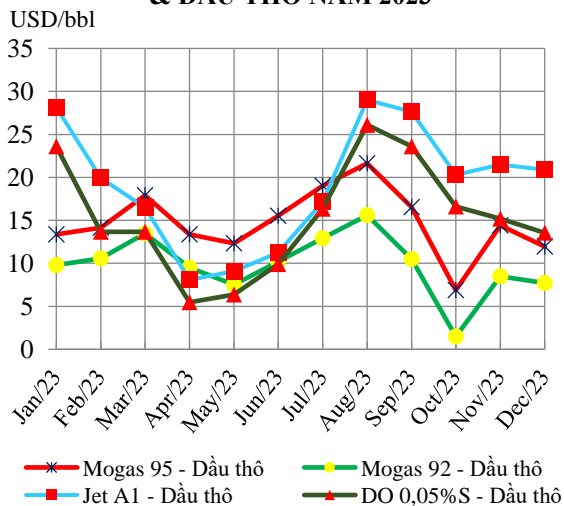
e) Giá dầu thô tăng cao và khoảng cách giá giữa giá sản phẩm xăng và dầu thô (crack margin) mở rộng hơn nhiều so với KH.

Diễn biến giá dầu thô, sản phẩm năm 2023 được thể hiện ở các biểu đồ sau:

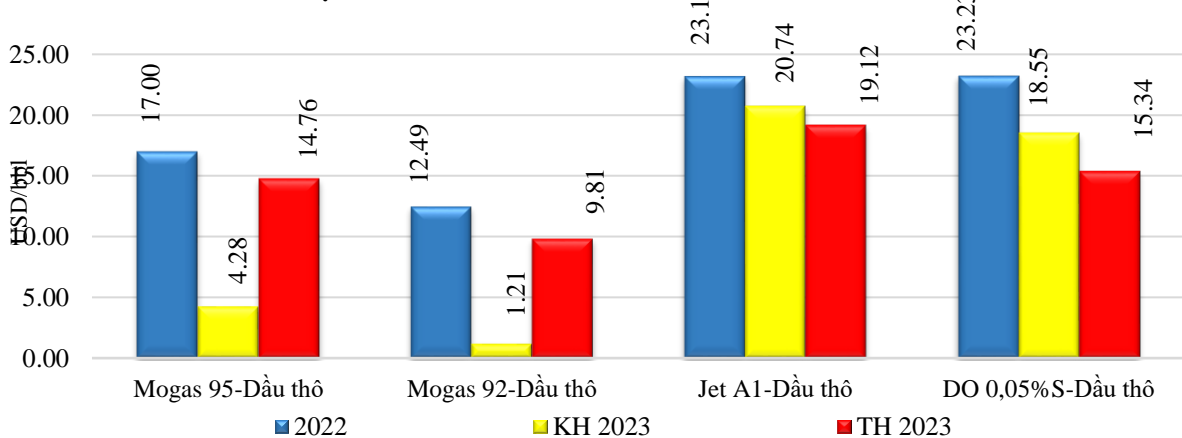
DIỄN BIẾN GIÁ DẦU THÔ & SẢN PHẨM



DIỄN BIẾN CHÊNH LỆCH GIÁ SẢN PHẨM & DẦU THÔ NĂM 2023



CHÊNH LỆCH GIÁ SẢN PHẨM VÀ DẦU THÔ NĂM 2022 VÀ 2023



BẢNG TỔNG HỢP GIÁ DẦU THÔ, GIÁ SẢN PHẨM BÌNH QUÂN NĂM 2022 VÀ KHOẢNG CHÊNH LỆCH GIÁ SẢN PHẨM VỚI GIÁ DẦU THÔ THỰC HIỆN NĂM 2023 SO VỚI KẾ HOẠCH

Đơn vị tính: USD/thùng

Stt	Nội dung	2022	2023		Chênh lệch	
			KH	TH	TH23/TH22	TH23/KH23
1	Dầu thô	108,01	78,10	90,75	-16,0%	16,2%
2	Mogas 95	125,01	82,38	105,51	-15,6%	28,1%
3	Mogas 92	120,50	79,31	100,56	-16,5%	26,8%
4	Jet A1	131,20	98,84	109,87	-16,3%	11,2%
5	DO 0,05%S	131,24	96,65	106,09	-19,2%	9,8%
6	Mogas 95-Dầu thô	17,00	4,28	14,76	-13,2%	244,9%
7	Mogas 92-Dầu thô	12,49	1,21	9,81	-21,4%	710,2%
8	Jet A1-Dầu thô	23,19	20,74	19,12	-17,6%	-7,8%
9	DO 0,05%S-Dầu thô	23,23	18,55	15,34	-34,0%	-17,3%

Ghi chú: Giá dầu thô được tính trên cơ sở giá dầu Dtd Brent + Premium + các chi phí khác có liên quan.

I.1.2. Khó khăn

a) Các khó khăn, vướng mắc liên quan đến Nghị định số 95/2021/NĐ-CP ngày 01/11/2021, Nghị định số 69/2018/NĐ-CP, Nghị định số 83/2014/NĐ-CP, Thông tư số 38/2014/TT-BTC tiếp tục ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động SXKD của Công ty.

b) Một số khách hàng nhỏ lẻ không còn đủ điều kiện tiêu thụ sản phẩm của NMLD Dung Quất.

I.2. Kết quả hoạt động SXKD năm 2023

I.2.1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh

Stt	Nội dung	ĐVT	Năm 2022	Năm 2023		
				Kế hoạch ⁽¹⁾	Kế hoạch điều chỉnh ⁽²⁾	Thực hiện
I	Chỉ tiêu sản lượng					
1	Sản lượng sản xuất	Tấn	7.010.828	5.624.734	6.765.415	7.367.305
2	Sản lượng tiêu thụ		7.003.079	5.624.734	6.765.415	7.340.677
II	Chỉ tiêu tài chính (hợp nhất)					
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	168.963,8	95.644,8	145.102,4	150.116,0
2	Nộp NSNN		19.040,7	9.825,3	15.703,3	17.419,9
3	Lợi nhuận trước thuế		15.585,8	1.820,6	5.428,3	9.639,3
4	Lợi nhuận sau thuế		14.669,3	1.628,4	4.867,7	8.592,6
III	Chỉ tiêu tài chính Công ty mẹ					
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	168.898,0	95.370,8	145.013,8	150.073,2
2	Nộp NSNN		19.027,5	9.812,8	15.692,3	17.409,0
3	Lợi nhuận trước thuế		15.750,5	1.912,7	5.586,8	9.800,5
4	Lợi nhuận sau thuế		14.836,2	1.721,5	5.028,1	8.755,1

⁽¹⁾ Theo Nghị quyết số 2676/NQ-BSR của ĐHĐCĐ thường niên năm 2023.

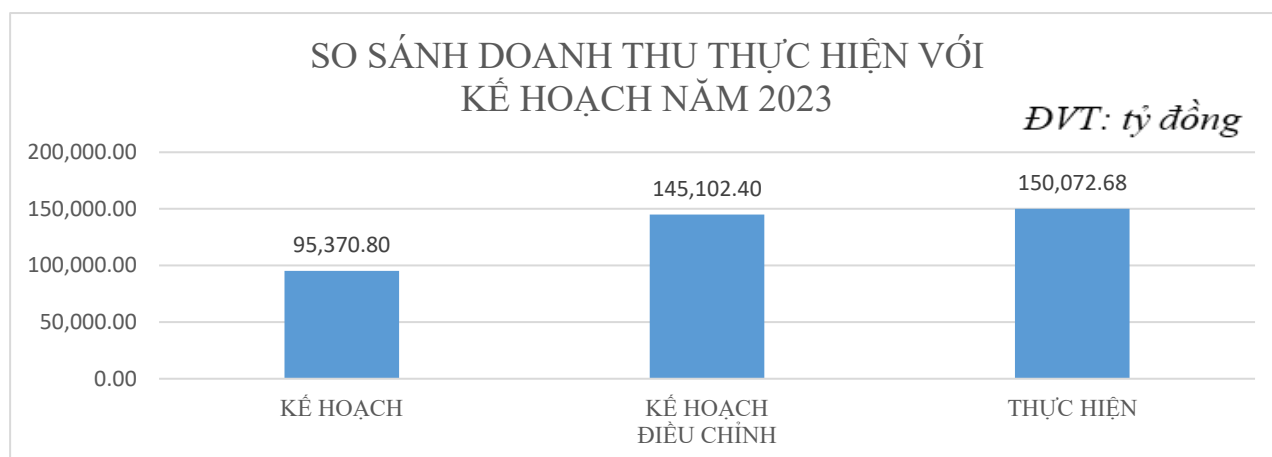
⁽²⁾ Theo Nghị quyết số 7234/NQ-BSR của HĐQT Công ty (phê duyệt theo ủy quyền của ĐHĐCĐ).



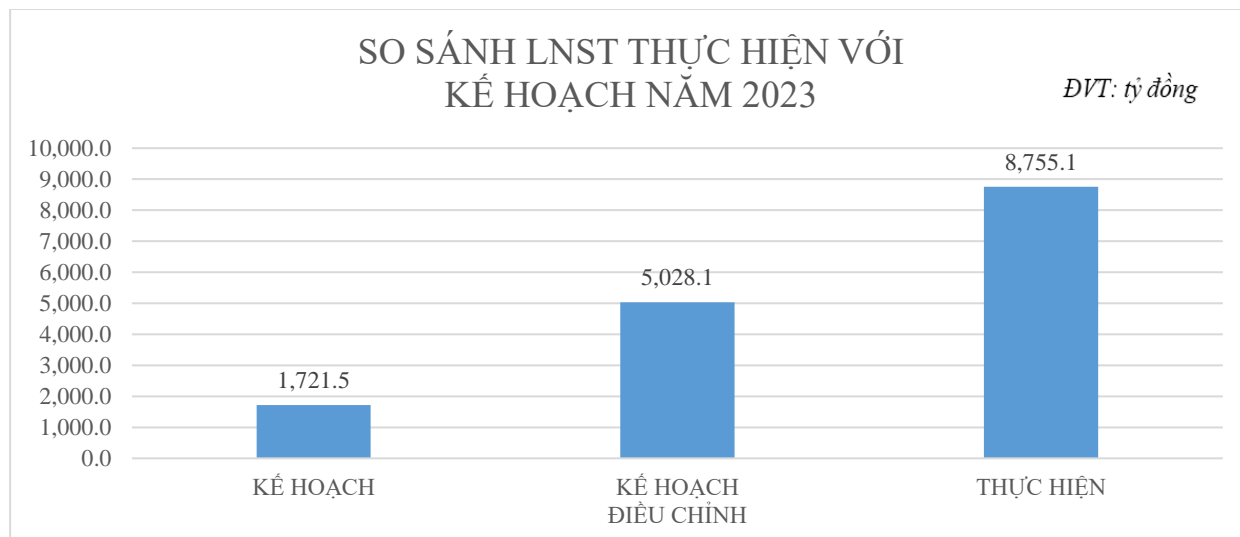
So với Kế hoạch SXKD năm 2023, tất cả các chỉ tiêu SXKD của BSR đều vượt xa kế hoạch được ĐHĐCĐ thông qua tại NQ số 2676/NQ-BSR (NQ2676) và vượt Kế hoạch điều chỉnh theo ủy quyền của ĐHĐCĐ cho HĐQT phê duyệt tại NQ số 7324/NQ-BSR (NQ7324), cụ thể như sau:

– Sản lượng sản xuất đạt 131% KH tại NQ2676 và đạt 109% KH điều chỉnh tại NQ7324.

– Tổng doanh thu Công ty mẹ đạt 157% KH tại NQ2676 và 103% so với KH điều chỉnh tại NQ7324.

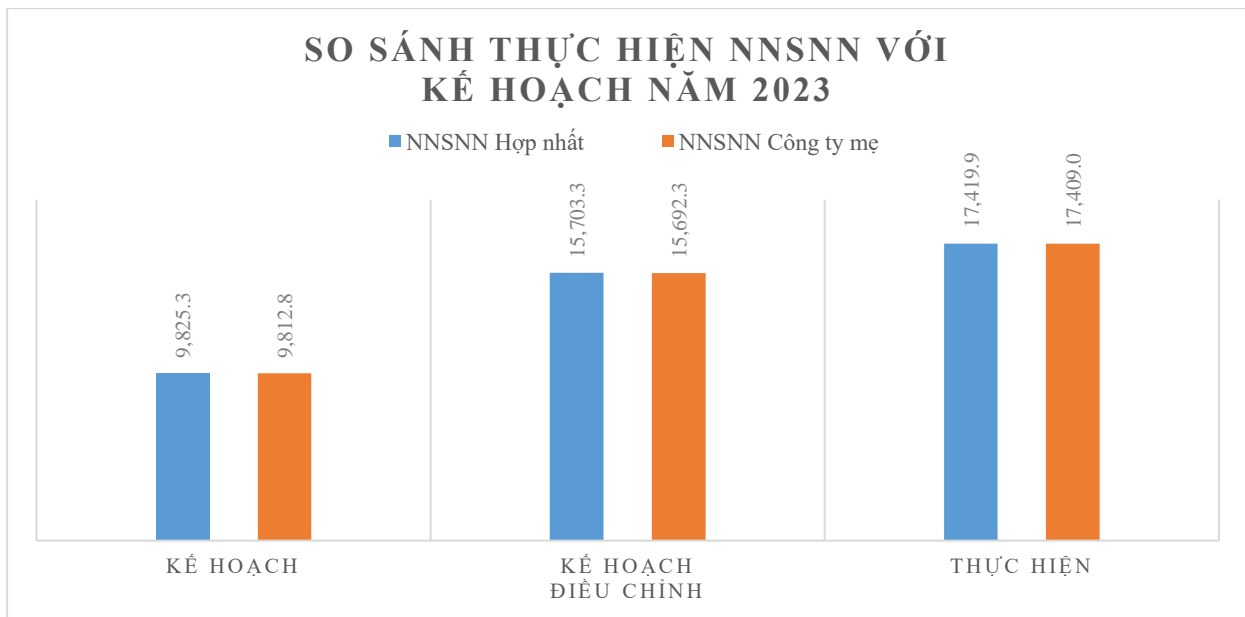


– Chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ đạt 509% KH tại NQ2676 và 174% so với KH điều chỉnh tại NQ7324.



– Chỉ tiêu nộp ngân sách nhà nước Công ty mẹ đạt 177% kế hoạch được ĐHĐCĐ thông qua tại Nghị quyết số 2676/NQ-BSR và 111% so với kế hoạch điều chỉnh.





I.2.2. Công tác an ninh, an toàn, môi trường và phòng chống cháy nổ

Năm 2023, công tác An ninh, an toàn, môi trường và phòng chống cháy nổ (ATSKMT) đã được thực hiện tốt, đảm bảo không có sự cố mất an ninh, không có sự cố cháy nổ, không có sự cố môi trường và không có sự cố mất ngày công lao động.

Tính đến 31/12/2023, BSR đạt khoảng 42,2 triệu giờ công an toàn không có tai nạn lao động mất ngày công (LTI).

I.2.3. Công tác vận hành và bảo dưỡng sửa chữa

I.2.3.1. Công tác vận hành

–Trong năm 2023, BSR đã tổ chức vận hành nhà máy an toàn, ổn định, liên tục và hiệu quả ở công suất tối ưu (công suất vận hành trung bình của Nhà máy và các phân xưởng công nghệ chính CDU/CCR/RFCC/PP tương ứng đạt là 111% và 110%/110%/101%/115% công suất thiết kế), cơ cấu sản phẩm tối ưu phù hợp với kế hoạch sản xuất được duyệt, với nhu cầu thị trường cũng như góp phần mang lại hiệu quả tối đa cho BSR.

–Thực hiện nhận diện từ sớm, xử lý từ xa mọi mối nguy, giảm thiểu khả năng dừng không có kế hoạch/mất ổn định Nhà máy/phân xưởng.

I.2.3.2. Bảo dưỡng sửa chữa

Trong năm 2023, BSR đã tổ chức triển khai công tác BDSC theo đúng kế hoạch đề ra đảm bảo nhà máy vận hành an toàn, ổn định và tin cậy. Các kết quả đạt được điển hình như sau:

–Hoàn thành công tác đánh giá tối ưu thời điểm TA5 làm cơ sở để cấp thẩm quyền quyết định điều chỉnh thời điểm thực hiện TA5 từ tháng 6/2023 sang tháng 3/2024. Hoàn thành công tác tổ chức đánh giá lựa chọn nhà thầu các gói thầu chính TA5, thực hiện kiểm soát tốt công tác kế hoạch và tiến độ triển khai công việc chuẩn bị TA5.

–Cung cấp 37 nhân sự chất lượng cao cho Nhà thầu để triển khai công tác BDTT của



Tổ hợp lọc hóa dầu Nghi Sơn, góp phần tăng doanh thu cho BSR hơn 10 tỉ đồng.

–Thực hiện sửa chữa, bảo dưỡng, đại tu, làm sạch và gia công vượt tiến độ, gia công mới nhiều hạng mục, chi tiết thiết bị như công trình biển, van an toàn, thiết bị cơ khí tĩnh, quay, thiết bị điện và công tác chế tạo cho các dự án cải hoán như hoàn thành công việc chế tạo khẩn theo các MOC.

I.2.4. Công tác tối ưu hóa

Trong năm 2023, BSR đã thực hiện hiệu quả công tác tối ưu hóa sản xuất, tiết giảm chi phí, hạ giá thành sản phẩm góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh, cụ thể như sau:

I.2.4.1. Tối ưu hóa năng lượng

–Giám sát chặt chẽ quá trình sản xuất để tối ưu tiêu thụ năng lượng của các khu vực trong Nhà máy. Chỉ số năng lượng EII trung bình năm 2023 là 104,6% (thấp hơn mục tiêu EII năm 2023 tối đa đạt 105%).

–Triển khai áp dụng các giải pháp tối ưu năng lượng như lắp đặt biển tần cho các động cơ điện chạy non tải, giảm tốc độ của quạt cấp gió nồi hơi, v.v...

–Hoàn thành các dự án tối ưu hóa năng lượng lắp đặt thiết bị trao đổi nhiệt tại phân xưởng U-32 và CDU.

I.2.4.2. Tối ưu hóa công nghệ

–Nghiên cứu và tổ chức vận hành khai thác tối đa công suất khả dụng các phân xưởng nhằm tăng sản lượng sản xuất và tiết giảm chi phí sản xuất: CDU 114%, NHT 137%, CCR 112%, KTU 135%, SRU2 110% công suất thiết kế.

–Nghiên cứu, sản xuất và xuất bán thành công 3 sản phẩm mới: BOPP, RFCC Naphtha, MixC4.

–Đa dạng hóa nguồn dầu thô, nguyên liệu trung gian như chế biến VGO, LSFO tại RFCC với tỷ lệ lên đến 10%, chế biến thành công 2 chủng loại dầu thô mới là Palanca và Bertam với tỉ lệ chế biến lên trên 35 % vol, nâng tỉ lệ chế biến dầu Bu Attifel lên 40% vol.

–Nghiên cứu và triển khai thử nghiệm các chủng loại HPXT và phụ gia mới nhằm đa dạng nhà cung cấp, tăng tính cạnh tranh. Đã đánh giá và thử nghiệm, góp phần giảm 9 HPXT và phụ gia độc quyền.

–Thực hiện các giải pháp tối đa chỉ số RON của RFCC Naphtha, Reformate và Isomerate để tăng sản lượng xăng Mogas 95 góp phần tăng tỷ trọng sản lượng xăng Mogas 95/Mogas 92 trên 70%/30%.

–Hoàn thành bộ tiêu chuẩn kỹ thuật và giải pháp để sẵn sàng nhập nguyên liệu và cấu tử góp phần khai thác tối đa công suất khả dụng các phân xưởng công nghệ và phối trộn với các sản phẩm của Nhà máy.

–Tối ưu hoá cơ cấu sản phẩm nhằm tăng sản lượng sản phẩm có giá trị (xăng Mogas 95, Propylene, Jet A1, Diesel) và giảm sản phẩm ít giá trị (LPG, FO).

–Thực hiện thành công nhiều giải pháp cải tiến lớn, mang lại hiệu quả cao cho nhà máy như: Trích 1 phần Naphtha (18 m3/h) từ TPA của phân xưởng CDU sang bể chứa



nguyên liệu phân xưởng NHT (TK-5112) giúp tăng khả năng chế biến dầu nhẹ và tăng công suất Nhà máy, giảm lưu lượng dòng DCO xuống 22 m³/hr.

–Hoàn thành nghiên cứu, đánh giá về thiết kế, kỹ thuật công nghệ của nhà máy làm cơ sở quyết định tối ưu thời điểm TA5 từ tháng 6/2023 sang tháng 03/2024.

–Triển khai thực hiện đúng tiến độ và chất lượng 62 dự án, giải pháp cải tiến thực hiện trong TA5.

–Nghiên cứu và triển khai các dự án đầu tư hạ tầng để tăng khả năng lưu trữ, vận chuyển nguyên liệu và sản phẩm của nhà máy nhằm tăng độ linh động và đảm bảo an toàn vận hành.

–Nghiên cứu về chuyển dịch năng lượng, giải pháp công nghệ để tăng tỷ trọng hóa dầu, hóa chất cho nhà máy trong tương lai.

I.2.4.3. Công tác chuyển đổi số

Đẩy mạnh công tác chuyển đổi số theo lộ trình, từng bước chuyển đổi phương thức làm việc, hoạt động. Gia tăng hiệu quả khai thác và các giải pháp bổ trợ-tích hợp với hệ thống ERP đảm bảo toàn bộ các nghiệp vụ sản xuất kinh doanh tài chính của Công ty hoạt động quản trị trên nền tảng số. Dùng chuyển đổi số thúc đẩy tạo các giá trị mới, văn hóa chuyển đổi/linh hoạt thích ứng cho Công ty/nhà máy, định hướng tới nhà máy sản xuất thông minh. Kết quả thực hiện chuyển đổi số năm 2023 như sau:

–Đã triển khai và đưa vào khai thác giải pháp quản lý An toàn-Sức khỏe-Môi trường tích hợp; quản lý mua sắm điện tử D-procure; văn phòng điện tử mở rộng giải pháp ký điện tử với các đối tác, ký hợp đồng điện tử, quản lý công việc; phân hệ quản lý thanh toán đồng bộ từ hóa đơn-đề nghị thanh toán-ủy nhiệm chi, kết nối ngân hàng; lập lịch trình sản xuất (PSS) tích hợp với giải pháp lập kế hoạch sản xuất (LP) và tối ưu phối trộn dầu thô, tối ưu phối trộn sản phẩm; v.v...

–Đang triển khai số hóa, xây dựng hệ thống báo cáo thông minh theo thời gian thực toàn Công ty.

–Hoàn thành nâng cấp một số hệ thống MIS/MES đã lỗi thời và không đáp ứng yêu cầu của BSR như: LIMS, RBI.

–Đang triển khai giải pháp quản lý vào ra bằng nhận diện khuôn mặt kết hợp giám sát phân tích hình ảnh phục vụ công tác an ninh an toàn.

–Tiếp tục hoàn thiện hạ tầng và điều kiện các phòng máy chủ để đảm bảo tính tin cậy sẵn sàng của hệ thống CNTT.

–Tiếp tục hoàn thiện các giải pháp/công nghệ, quy trình kiểm soát, con người đảm bảo an toàn an ninh mạng và an toàn dữ liệu.

I.2.4.4. Công tác nghiên cứu khoa học

Trong năm 2023, BSR đã triển khai và hoàn thành nhiệm vụ KHCN trong Kế hoạch hoạt động KHCN, cụ thể như sau:



–10 sáng kiến đạt giải thưởng tại Hội thi sáng tạo kỹ thuật tỉnh Quảng Ngãi lần thứ 13 (2022-2023): 01 giải nhất, 02 giải nhì, 05 giải ba, 02 giải khuyến khích.

–Gửi hồ sơ đăng ký sáng kiến cấp Tập đoàn PVN (06 sáng kiến), tham dự giải thưởng sáng tạo khoa học công nghệ Việt Nam năm 2023 (06 sáng kiến), tham dự hội thi sáng tạo kỹ thuật toàn quốc (07 sáng kiến).

–Công nhận 328 ý tưởng khả thi để áp dụng vào thực tế và 423 cải tiến thành công đang được áp dụng vào hoạt động SXKD của Công ty.

–Chương trình “01 triệu sáng kiến - nỗ lực vượt khó, sáng tạo, quyết tâm chiến thắng đại dịch Covid-19”: Bằng khen của Ban chấp hành Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam cho tập thể và 02 cá nhân tiêu biểu xuất sắc của BSR; Bằng khen của Công đoàn Dầu khí Việt Nam cho 19 cá nhân tiêu biểu xuất sắc của BSR.

–Nghiên cứu tối ưu quá trình trao đổi nhiệt tại vùng đối lưu H-1101 thông qua việc tăng sản xuất hơi thấp áp quá nhiệt và đem thay thế MPS đang dùng tại thiết bị reboiler E-2316 (DIH T-2303).

–Nghiên cứu ảnh hưởng của amin tiềm ẩn trong dầu thô đến khả năng vận hành của phân xưởng chưng cất dầu thô (CDU).

–Nghiên cứu sản xuất thử nghiệm hạt nhựa PP sử dụng làm nguyên liệu sản xuất màng BOPP, sợi thừng và vải không dệt.

–Nghiên cứu ứng dụng sơn Nano bảo vệ thiết bị và đường ống NMLD Dung Quất.

–Nghiên cứu các giải pháp giảm lượng hao hụt trong quá trình sản xuất tại phân xưởng PP.

–Nghiên cứu ứng dụng hệ thống thu hồi khí nhiên liệu từ dòng khí xả ra được đốt chính (Flare Gas Recovery Project).

I.2.5. Cung ứng dầu thô và tiêu thụ sản phẩm

I.2.5.1. Cung cấp dầu thô

Năm 2023, BSR mua khoảng 7,97 triệu tấn dầu thô trong nước và nhập khẩu trong đó khối lượng dầu Việt Nam (Bạch Hổ, Đại Hùng, Tê Giác Trắng, Sư Tử Đen, Ruby, Chim Sáo, Rạng Đông, Hải Thạch) là 5,6 triệu tấn, khối lượng dầu thô nhập khẩu các loại (Azeri, WTI Midland, Kimanis, Bu Attifel, Rabi) là 2,14 triệu tấn. Nguyên liệu trung gian là 202 nghìn tấn.

I.2.5.2. Tình hình tiêu thụ sản phẩm

Khối lượng sản phẩm tiêu thụ trong năm 2023 thể hiện ở bảng sau:

Stt	Sản phẩm	ĐVT	Năm 2023			So sánh	
			KH	KHĐC	Thực hiện	TH/KH	TH/KHĐC
1	Polypropylene	Tấn	135.106	163.164	177.297	131%	109%
2	LPG	Tấn	396.532	437.286	475.114	120%	109%

Stt	Sản phẩm	ĐVT	Năm 2023			So sánh	
			KH	KHĐC	Thực hiện	TH/KH	TH/KHĐC
3	Xăng E5 RON 92	Tấn	38.270	25.968	26.261	69%	101%
4	Xăng RON 92	Tấn	788.786	905.906	979.794	124%	108%
5	Xăng RON 95	Tấn	1.382.587	1.762.823	1.946.475	141%	110%
6	Jet A1	Tấn	428.020	520.874	560.718	131%	108%
7	Diesel Oil	Tấn	2.362.009	2.768.318	3.032.533	128%	110%
8	FO/MFO	Tấn	91.373	177.802	138.902	152%	78%
9	Lưu huỳnh	Tấn	2.052	3.274	3.582	175%	109%
	TỔNG	Tấn	5.624.734	6.765.415	7.340.677	131%	109%

–**Xăng dầu:** Năm 2023, BSR ký kết hợp đồng term/miniterm với 22 khách hàng, tổng khối lượng xăng dầu BSR đã xuất bán ra thị trường trong năm là 6.684 nghìn tấn đã bao gồm các sản phẩm nhiên liệu quốc phòng là (Xăng Ron 83, Jet A1-K và Diesel Oil L-62) vượt 31% KH theo NQ2676 và vượt 8% so với KH điều chỉnh theo NQ7324.

–**LPG:** Tổng khối lượng LPG xuất bán trong năm 2023 là 475,1 nghìn tấn vượt 20% KH theo NQ2676 và vượt 9% so với KH điều chỉnh theo NQ7324.

–**Polypropylene (PP):** Trong năm 2023, tổng sản lượng PP tiêu thụ là 177,29 nghìn tấn vượt 31% KH theo NQ2676 và vượt 9% so với KH điều chỉnh theo NQ7324.

I.2.6. Tình hình tồn kho vật tư thiết bị dự phòng, hóa phẩm xúc tác

I.2.6.1. Vật tư thiết bị dự phòng, hóa phẩm xúc tác

STT	Kho	ĐVT	Số tồn ngày 31/12/2023
1	Kho vật tư, phụ tùng	Tỷ đồng	2.230,7
2	Kho dầu mỡ bôi trơn	Tỷ đồng	5,9
3	Kho xúc tác hóa phẩm	Tỷ đồng	233,1
4	Kho hóa chất thí nghiệm	Tỷ đồng	5,9

I.2.6.2. Dầu thô, sản phẩm

Khối lượng lưu kho tại Nhà máy tồn cuối năm 2023 là 279,7 nghìn tấn dầu thô và 110,67 nghìn tấn sản phẩm các loại.

I.2.7. Công tác cơ cấu lại

BSR đã rà soát, cập nhật/bổ sung và ban hành sơ đồ tổ chức, chức năng nhiệm vụ của Ban/chi nhánh; bổ nhiệm/tái bổ nhiệm các vị trí quản lý cấp trung phù hợp với tình hình SXKD và nhu cầu phát triển BSR trong thời gian đến.

Đồng thời, BSR đã hoàn thành các thủ tục thành lập và đưa vào hoạt động Chi nhánh Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn tại TP Hà Nội (Chi nhánh Hà Nội) để triển khai thực hiện các hoạt động kinh doanh, thương mại, marketing, quảng bá thương hiệu và mở



rộng quan hệ với các đối tác kinh doanh; các hoạt động phát triển hệ thống phân phối tiêu thụ sản phẩm, dịch vụ, xúc tiến đầu tư của Công ty; công tác văn phòng và hỗ trợ các hoạt động khác của Công ty.

I.3. Triển khai vốn đầu tư

I.3.1. Tình hình thực hiện các Dự án đầu tư

Năm 2023, BSR đã tích cực triển khai các dự án đầu tư theo tiến độ được duyệt, tuy nhiên do các quy định pháp luật về đầu tư có xu hướng ngày càng chặt chẽ đòi hỏi BSR phải thực hiện thêm nhiều yêu cầu bổ sung dẫn đến tiến độ triển khai đầu tư Dự án Nâng cấp mở rộng Nhà máy lọc dầu Dung Quất (Dự án điều chỉnh) không đạt tiến độ theo kỳ vọng. Kết quả cụ thể như sau:

Stt	Chỉ tiêu đầu tư	ĐVT	KH	KHĐC	TH năm 2023	%TH so với KH	%TH so với KHĐC
I	Giá trị thực hiện đầu tư	Tỷ đồng	1.622,5	387,4	196,4	12%	51%
1	Dự án NCMR NMLD	Tỷ đồng	954,8	83,77	38,02	4%	45%
2	Các dự án đầu tư khác	Tỷ đồng	89,1	11,8	4,04	5%	34%
2.1	Dự án thực hiện trong năm	Tỷ đồng	47,9	10,5	3,27	7%	31%
2.2	Dự án chuẩn bị đầu tư	Tỷ đồng	41,2	1,3	0,77	2%	59%
3	Mua sắm TSCĐ	Tỷ đồng	578,6	291,8	154,31	27%	53%
II	Giá trị giải ngân	Tỷ đồng	1.622,5	387,4	217,93	13%	56%
1	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	1.622,5	387,4	217,93	13%	56%
2	Vốn vay + khác	Tỷ đồng	-	-	-	-	-

I.3.2. Tình hình thực hiện các dự án

I.3.2.1. Dự án NCMR NMLD Dung Quất:

–**Báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh Dự án (FS):** Ngày 20/03/2024, Bộ Công Thương đã có Công văn số 1730/BCT-DKT về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh Dự án Nâng cấp, mở rộng nhà máy lọc dầu Dung Quất. Ngày 28/03/2024, HĐQT BSR đã ban hành Quyết định số 968/QĐ-BSR về việc phê duyệt điều chỉnh Dự án Nâng cấp, mở rộng Nhà máy lọc dầu Dung Quất. BSR đang tích cực triển khai các công việc tiếp theo của Dự án.

–**Bản quyền công nghệ:** BSR/DQRE đang làm việc với các nhà bản quyền công nghệ để hoàn thiện các thủ tục ký kết hợp đồng và triển khai các bước tiếp theo trong thời gian tới.

–**Công tác thu xếp vốn:** BSR đang báo cáo Tập đoàn Dầu khí Việt Nam xem xét, trình cấp thẩm quyền phê duyệt phương án tăng vốn điều lệ của BSR từ 31 lên 50 nghìn tỷ (trả cổ tức bằng cổ phiếu) tại công văn 009/BSR-NĐD ngày 01/02/2024 (sau khi được cấp



thẩm quyền phê duyệt phương án tăng vốn điều lệ của BSR, BSR đảm bảo đủ nguồn vốn chủ từ 40%-60% Tổng mức đầu tư của dự án này). Phần vốn vay (dự kiến khoảng 40%-60%) sẽ được thu xếp từ nguồn vay ECA, thương mại trong nước và quốc tế, trái phiếu xanh cũng như các nguồn vốn phù hợp, khả thi khác..

–**Tiểu Dự án:** Tiếp tục phối hợp, đôn đốc Ban Quản lý KKT Dung Quất & các KCN Quảng Ngãi (DEZA) hoàn thành việc xử lý các vướng mắc, tồn đọng và công tác thanh quyết toán Tiểu Dự án theo thông báo kết luận cuộc họp số 494/TB-BQL ngày 28/02/2024 của DEZA.

I.3.2.2. Các Dự án đầu tư xây dựng khác

Năm 2023, BSR tổ chức triển khai các dự án nhằm nâng cao độ tin cậy, linh động vận hành; tối ưu hóa năng lượng; v.v... Hiện các dự án đang triển khai theo đúng quy định pháp luật về đầu tư và tiến độ được duyệt.

Giá trị thực hiện so với kế hoạch thấp vì các lý do sau:

– Đối với các Dự án trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư: Mặc dù các Hợp đồng được ký kết theo đúng kế hoạch, tuy nhiên do yêu cầu mở bảo lãnh để nhận tạm ứng nên các Nhà thầu lựa chọn phương án không tạm ứng (thanh toán sau khi hoàn thành Báo cáo NCKT/KTKT). Đồng thời, Dự án đầu tư xây dựng 01 bể chứa dầu thô (kế hoạch là 23,2 tỷ), nhà thầu thực hiện chậm hơn tiến độ quy định của hợp đồng nên phần thanh toán chuyển sang năm 2024; dự án đầu tư Trung tâm NCPT và tòa nhà văn phòng tại Đà Nẵng (kế hoạch 2,6 tỷ đồng – đang xin ý kiến của Tập đoàn về vị trí xây dựng); một số dự án sau khi đánh giá lại cơ hội đầu tư không còn khả thi như Dự án đầu tư bổ sung bể chứa xăng (kế hoạch 7,3 tỷ đồng), lắp đặt hệ thống điện mặt trời, xây dựng mái che cho hệ thống FM-200.

–Đối với các Dự án trong giai đoạn thực hiện đầu tư: Công tác lựa chọn nhà thầu và ký hợp đồng vào thời điểm cuối năm 2023 nên các mốc thanh toán chuyển qua năm 2024.

I.3.2.3. Đầu tư mua sắm TTB/TSCĐ

Theo kế hoạch, BSR xây dựng kế hoạch mua các TTB/TSCĐ để sử dụng/lắp đặt trong TA5. Tuy nhiên, do TA5 được tối ưu hóa thời điểm triển khai từ năm 2023 sang 2024, nên BSR đã chủ động chuyển một số hạng mục có chi phí lớn như hệ thống ICS lỗi thời, v.v...từ mua năm 2023 sang năm 2024 để tối ưu hóa dòng tiền.

I.4. Phân tích, đánh giá

Các yếu tố chính góp phần để BSR hoàn thành vượt mức kế hoạch được ĐHĐCĐ thông qua cũng như kế hoạch điều chỉnh đã được HĐQT phê duyệt (theo ủy quyền của ĐHĐCĐ), bao gồm: việc tối ưu hóa thời điểm TA5 từ 2023 sang 2024 (cho phép BSR gia tăng sản lượng sản xuất thêm 50 ngày dự kiến dừng cho TA5 và tận dụng được lợi thế thuế nhập khẩu xăng 5%); tăng sản lượng sản xuất nhờ khai thác tối ưu công suất Nhà máy/phân xưởng; tối ưu hóa cơ cấu sản phẩm (tăng tối đa sản lượng Mogas 95 và các sản phẩm có giá trị khác), tối ưu hóa nguồn nguyên liệu đầu vào (dầu thô và cấu tử trung gian) theo hướng mở rộng nguồn với hiệu quả cao hơn; sản xuất các sản phẩm mới có giá trị gia tăng



cao hơn, đặc biệt là các chủng loại sản phẩm PP; crack margin sản phẩm tốt hơn so với kế hoạch; việc tối ưu hóa dòng tiền để gia tăng doanh thu và lợi nhuận tài chính; tiết kiệm tiết giảm chi phí; v.v....



PHẦN II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024

II.1. Dự báo các nhân tố tác động đến hoạt động SXKD của BSR

II.1.1. Dự báo các nhân tố tác động trực và gián tiếp đến hoạt động SXKD và đầu tư năm 2024

– Căng thẳng địa chính trị tại nhiều nơi trên thế giới vẫn còn tiềm ẩn nhiều rủi ro và có thể gây gián đoạn nguồn cung như cuộc chiến giữa Israel và Hamas, cuộc chiến giữa Nga – Ukraine, căng thẳng tại biển đỏ vẫn chưa có dấu hiệu hạ nhiệt.

– OPEC+ có vai trò quan trọng trong việc định hướng thị trường dầu thô và sẽ tiếp tục can thiệp thị trường nếu cần thiết. Việc cắt giảm tự nguyện dự kiến kéo dài đến hết năm 2024 khiến cân bằng dầu thô toàn cầu có xu hướng tăng thâm hụt nguồn cung, đặc biệt vào mùa cao điểm đi lại. Thâm hụt nguồn cung nửa đầu năm 2024 thấp hơn nửa cuối năm 2024.

– Việc tiêu thụ sản phẩm xăng dầu từ năm 2024 chịu sự chi phối bởi Nghị định số 126/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 (thuế nhập khẩu xăng áp cho khu vực ASEAN điều chỉnh 0% từ năm 2024) và Quyết định 53/2012/TTg-QĐ ngày 22/11/2012 (thị trường tiêu thụ E5RON 92 thay vì Mogas 92).

– Kinh tế thế giới có xu hướng phục hồi tăng trưởng nhưng chưa bền vững; sự chuyển dịch năng lượng; sự tiến bộ của khoa học kỹ thuật; diễn biến địa chính trị; chính sách của các nước sản xuất dầu mỏ lớn trên thế giới; các quy định liên quan đến chống biến đổi khí hậu; v.v... tiếp tục làm cho thị trường dầu thô và sản phẩm biến động mạnh và khó tiên đoán.

– Nhà máy sẽ thực hiện Bảo dưỡng tổng thể lần 5 (TA5) trong năm 2024 dẫn đến tổng sản lượng sản xuất và xuất bán thấp hơn các năm không có TA, tuy nhiên BSR đã xây dựng kế hoạch/chiến lược rút ngắn thời gian TA khoảng 3-4 ngày góp phần gia tăng sản lượng sản xuất và tiêu thụ năm 2024 của BSR so với kế hoạch.

II.1.2. Dự báo các khó khăn, thách thức trong năm 2024

II.1.2.1. Thách thức

– Chưa có cơ chế đặc thù cho việc mua bán dầu thô trong nước để BSR được quyền ưu tiên mua các dầu nội địa phù hợp góp phần đảm bảo nguồn cung dầu thô cho Nhà máy, đặc biệt cho việc gia tăng công suất vận hành góp phần gia tăng lợi nhuận và nguồn cung cho thị trường.

– Diễn biến thị trường dầu thô và sản phẩm tiếp tục phức tạp và khó tiên đoán, đòi hỏi BSR phải thường xuyên bám sát thị trường, phân tích, đánh giá và xây dựng các giải pháp tận dụng cơ hội và quản trị rủi ro hiệu quả.

– Nhiều quy định mới ban hành vẫn tồn tại các bất cập và chưa phù hợp với đặc thù của ngành công nghiệp lọc hóa dầu gây khó khăn cho hoạt động SXKD cũng như đầu tư của BSR. Tuy nhiên, BSR sẽ tiếp tục kiến nghị các cấp thẩm quyền để được hỗ trợ và từng bước tháo gỡ các khó khăn/bất cập nêu trên.



II.1.2.2. Cơ hội

– BSR luôn nhận được chỉ đạo sát sao, kịp thời từ các cấp lãnh đạo, sự ủng hộ của các Bộ/ngành và sự phối hợp, hỗ trợ của các đơn vị trong ngành trong việc tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong hoạt động SXKD.

– Ban lãnh đạo Công ty đoàn kết, nhạy bén, linh hoạt và chủ động tổ chức xây dựng và thường xuyên cập nhật các giải pháp ứng phó diễn biến thị trường phức tạp nhằm giảm thiểu tổn thất cũng như bắt lấy cơ hội khi thị trường có dấu hiệu tích cực. Đội ngũ lao động lành nghề, tích lũy nhiều kinh nghiệm, tập thể đoàn kết, thống nhất.

– Hệ thống quản trị của Công ty ngày càng hoàn thiện, công tác chuyển đổi số được triển khai quyết liệt đã hỗ trợ cho cấp lãnh đạo quản lý điều hành BSR ngày càng linh hoạt, kịp thời, sát với thực tế SXKD và chặt chẽ/tuân thủ các quy định của pháp luật, điều lệ, quy chế/quy trình của BSR, theo đó, góp phần nâng cao hiệu quả công việc, năng suất lao động và hoạt động SXKD đồng thời đang làm nền tảng để chuyển đổi mô hình SXKD theo chiến lược phát triển của Công ty

– BSR đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm về quản lý, điều hành và vận hành bảo dưỡng NMLD. Đội ngũ lao động có chuyên môn và được đào tạo từ cơ bản đến chuyên sâu đồng thời đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm thực tiễn sau gần 15 năm vận hành Nhà máy.

– Tình hình chính trị - xã hội trong nước ổn định, kinh tế đang dần phục hồi và phát triển, theo đó nhu cầu tiêu thụ nhiên liệu nội địa vẫn duy trì ở mức cao.

– Dự báo chênh lệch giá dầu thô và sản phẩm vẫn ở mức sản xuất có lợi nhuận tốt. Ngoài ra, dự địa để tiếp tục gia tăng công suất; tối ưu hóa dầu thô, năng lượng, phụ trợ và chi phí SXKD còn khả quan. Vì vậy, còn cơ hội để BSR tiếp tục gia tăng lợi nhuận trong năm 2024.

– BSR xây dựng kế hoạch/chiến lược hoàn thành TA5 sớm từ 3-4 ngày so với kế hoạch được duyệt, góp phần gia tăng sản lượng sản xuất trong năm 2024. Đồng thời, chu kỳ bảo dưỡng tổng thể của NMLD Dung Quất được tăng từ 3 lên 4 năm góp phần giảm chi phí phân bổ TA và gia tăng tổng sản lượng sản xuất giữa 2 kỳ TA.

– BSR đã hoàn thành phương án tăng vốn điều lệ để tăng từ 31 lên 50 nghìn tỷ và đang trình cấp thẩm quyền xem xét, phê duyệt. Việc phê duyệt tăng vốn điều lệ BSR của cấp thẩm quyền sẽ tạo điều kiện cho BSR có đủ nguồn vốn chủ phục vụ các dự án đầu tư phát triển trong tương lai.

II.2. Nhiệm vụ trọng tâm

1. Tập trung vận hành Nhà máy lọc dầu Dung Quất (NMLD) an toàn, ổn định, liên tục ở công suất tối ưu, cơ cấu sản phẩm phù hợp với nhu cầu và tình hình thị trường, tối đa hoá hiệu quả sản xuất kinh doanh (SXKD) của BSR. Đồng thời nghiêm túc thực hiện tốt công tác an toàn – sức khỏe - môi trường, phòng chống cháy nổ tại Nhà máy.

2. Tập trung nguồn lực để thực hiện công tác Bảo dưỡng tổng thể lần 5 (TA5) đảm



bảo an toàn, chất lượng, tối ưu chi phí và tiến độ so với kế hoạch được duyệt. Đồng thời, phát huy tối đa việc tự chủ, nguồn nhân sự của BSR/các đơn vị trong ngành/trong nước cho quá trình thực hiện công tác bảo dưỡng sửa chữa đảm bảo tiết giảm chi phí và hiệu quả công tác bảo dưỡng.

3. Chủ động, linh hoạt trong công tác mua dầu thô, đảm bảo nguồn dầu thô cung cấp cho vận hành Nhà máy.

4. Nâng cao hiệu quả công tác đánh giá thông tin dự báo giá dầu thô và sản phẩm, chi phí vận chuyển/bảo hiểm, thông tin cung - cầu của thị trường trong nước và ngoài nước, rủi ro địa chính trị tại khu vực và quốc tế,... để xây dựng và cập nhật các kịch bản, giải pháp điều hành SXKD phù hợp, linh hoạt và kịp thời nhằm tận dụng tối đa cơ hội và giảm thiểu rủi ro đến hoạt động SXKD của BSR.

5. Tiếp tục nghiên cứu, đánh giá và chế biến thử nghiệm các loại nguyên liệu (dầu thô và/hoặc các cấu tử trung gian) mới để không ngừng mở rộng giỏ dầu thô/ cấu tử trung gian cho Nhà máy, nâng cao sản lượng và hiệu quả SXKD.

6. Nghiên cứu, xem xét cơ hội hợp tác với các đối tác có tiềm năng và năng lực để có các giải pháp phù hợp nhằm đa dạng và phát triển thị trường sản phẩm hóa dầu.

7. Thường xuyên nghiên cứu và tối ưu hóa: (i) cơ cấu sản phẩm phù hợp với đặc tính của các hỗn hợp dầu thô chế biến, nhu cầu thị trường và công suất vận hành của các phân xưởng; (ii) tiêu thụ HPXT, vật tư tiêu hao, vật tư phụ tùng thay thế (spare parts), v.v... (gắn liền với công tác kiểm soát và cập nhật bộ định mức); (iii) năng lượng, tổn thất và mất mát, v.v... để góp phần nâng cao hiệu quả SXKD.

8. Tập trung nguồn lực đẩy mạnh triển khai Dự án NCMR NMLD Dung Quất (Dự án điều chỉnh) đảm bảo tiến độ, chất lượng, hiệu quả đầu tư Dự án và tuân thủ các quy định hiện hành.

9. Tiếp tục bám sát Ủy Ban quản lý vốn Nhà Nước (UBQLVNN) và cơ quan chức năng có liên quan để làm rõ/giải trình/cung cấp hồ sơ (nếu cần thiết) nhằm sớm đạt được phê duyệt công tác quyết toán cổ phần hóa BSR trong năm 2024.

10. Đẩy mạnh công tác chuyển đổi số nhằm thúc đẩy các định hướng của BSR theo chiến lược phát triển Công ty; quản trị rủi ro, mô hình sản xuất/nhà máy thông minh và đảm bảo hiệu quả các nghiệp vụ cốt lõi của doanh nghiệp, cải tiến, biến đổi hoạt động của doanh nghiệp bằng cách tạo ra các quy trình kinh doanh mới, trải nghiệm khách hàng, văn hóa số và văn hóa Công ty. Đồng thời, hoàn thiện tích hợp hệ thống ERP của BSR với Cổ đông chi phối nhằm đảm bảo dữ liệu, báo cáo được thông suốt, hiệu quả.

11. Thực hiện công tác An sinh xã hội (ASXH), Truyền thông và Văn hóa doanh nghiệp theo đúng các Chỉ thị, Quy định của Cổ đông chi phối, trên cơ sở đảm bảo phù hợp và hiệu quả hoạt động sản xuất – kinh doanh.

12. Thực hiện các công việc khác được Cổ đông chi phối và Đại hội đồng cổ đông giao.



II.3. Các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2024

II.3.1. Chỉ tiêu sản lượng sản xuất và tiêu thụ

STT	SẢN PHẨM	ĐVT	KẾ HOẠCH NĂM 2024	
			Sản xuất	Tiêu thụ
1.	Polypropylene	Tấn	134.485	134.485
2.	LPG	Tấn	382.703	382.703
3.	Xăng E5 RON 92	Tấn	37.388	37.388
4.	Xăng RON 91/92	Tấn	588.013	588.013
5.	Xăng RON 95	Tấn	1.731.823	1.731.823
6.	Jet A1	Tấn	417.652	417.652
7.	Diesel Oil	Tấn	2.281.113	2.281.113
8.	Fuel Oil	Tấn	151.557	84.466
9.	Lưu huỳnh	Tấn	3.000	3.000
	TỔNG	Tấn	5.727.735	5.660.644

II.3.2. Kế hoạch tài chính toàn Công ty (hợp nhất)

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	KH năm 2024	Ghi chú
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	95.274,4	
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	1.291,3	
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	1.148,2	
4	Nộp NSNN	Tỷ đồng	10.597,6	
5	Năng suất lao động bình quân (tính theo doanh thu)	Tỷ đồng/ người/ tháng	4,2	

II.3.3. Kế hoạch Công ty mẹ

II.3.3.1. Kế hoạch tài chính

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2024
1	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	56.302,6
+	<i>Trong đó: -Vốn điều lệ cuối kỳ</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>31.005,0</i>
+	<i>Tỷ lệ tham gia của Tập đoàn</i>	<i>%</i>	<i>92,12%</i>
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	95.079,8
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	1.420,9
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	1.278,8



Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2024
5	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn CSH	%	2,3%
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn điều lệ	%	4,1%
7	Hệ số nợ/vốn điều lệ	Lần	<3
8	Tỷ lệ chia cổ tức/Vốn điều lệ	%	3,0%
9	Cổ tức/ lợi nhuận nộp Tập đoàn	Tỷ đồng	856,9
10	Nộp NSNN	Tỷ đồng	10.585,6

Ghi chú: Kế hoạch tài chính nêu trên được lập theo phương án giá dầu là 70USD/thùng.

II.3.3.2. Kế hoạch vốn đầu tư

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2024
1	Tổng nhu cầu vốn đầu tư	Tỷ đồng	1.336,7
1.1	Đầu tư XDCB	Tỷ đồng	994,3
1.2	Mua sắm TTB/TSCĐ ⁽¹⁾	Tỷ đồng	342,4
2	Nguồn vốn	Tỷ đồng	1.336,7
-	Vốn Chủ sở hữu	Tỷ đồng	1.336,7
-	Vốn vay và khác	Tỷ đồng	

Ghi chú: Việc triển khai công tác ĐTXD, mua sắm TTB/TSCĐ chỉ thực hiện trên cơ sở tối ưu hóa chi phí và danh mục đầu tư; đảm bảo tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật và bố trí đủ nguồn vốn.

II.3.3.3. Kế hoạch giá thành sản phẩm

Stt	Nội dung	ĐVT	Kế hoạch năm 2024
I	Giá thành xuất xưởng		
1	Polypropylene	Triệu đồng/tấn	27,52
2	LPG	Triệu đồng/tấn	14,00
3	Xăng E5 RON 92	Triệu đồng/tấn	17,60
4	Xăng RON 91/92	Triệu đồng/tấn	17,17
5	Xăng RON 95	Triệu đồng/tấn	17,46
6	Jet A1	Triệu đồng/tấn	15,43
7	Diesel Oil	Triệu đồng/tấn	14,64
8	Fuel Oil	Triệu đồng/tấn	9,68
II	Giá thành tiêu thụ (bao gồm cả chi phí bán hàng và chi phí quản lý)		
1	Polypropylene	Triệu đồng/tấn	27,84

⁽¹⁾ Tổng giá trị tăng thêm là 39,04 tỷ đồng so với NQ số 8136/NQ-DKVN ngày 06/12/2023 do bổ sung thêm hạng mục mua sắm: (i) máy tính, máy in, bộ đàm, điện thoại/máy tính bảng (chuyển từ nguồn vốn SXKD sang mua sắm TTB/TSCĐ): Dự toán chi phí khoảng 22,5 tỷ; (2) Dây chuyền thiết bị sản xuất lưu huỳnh hạt (phát sinh do Nhà bao tiêu lưu huỳnh lỏng duy nhất không tiếp tục gia hạn hợp đồng bao tiêu trong tương lai): dự toán chi phí khoảng 16,54 tỷ.



Stt	Nội dung	ĐVT	Kế hoạch năm 2024
2	LPG	Triệu đồng/tấn	14,23
3	Xăng E5 RON 92	Triệu đồng/tấn	17,83
4	Xăng RON 91/92	Triệu đồng/tấn	17,39
5	Xăng RON 95	Triệu đồng/tấn	17,68
6	Jet A1	Triệu đồng/tấn	15,66
7	Diesel Oil	Triệu đồng/tấn	14,85
8	Fuel Oil	Triệu đồng/tấn	9,82

II.4. Giải pháp thực hiện

Để đạt được các chỉ tiêu kế hoạch năm 2024 như trên, BSR sẽ triển khai đồng bộ các giải pháp như sau:

II.4.1. Giải pháp chung

– Duy trì sự đoàn kết, thống nhất về ý chí và hành động trong Đảng bộ, giữa HĐQT và Ban TGD để đảm bảo các chỉ đạo xuyên suốt, nhất quán, kịp thời và hiệu quả.

– Kịp thời báo cáo những khó khăn vướng mắc và đề xuất giải pháp tới các cấp Lãnh đạo, các cơ quan chức năng của tỉnh và các Bộ/Ngành liên quan.

II.4.2. Nhóm giải pháp về văn hóa doanh nghiệp

– Chú trọng triển khai Đề án xây dựng và phát triển văn hóa doanh nghiệp BSR gắn liền với Hệ giá trị cốt lõi của Petrovietnam, tập trung triển khai phổ biến, tuyên truyền Sổ tay văn hóa, hệ giá trị cốt lõi của BSR đến toàn thể CBCNV.

– Thúc đẩy động lực văn hóa trên tinh thần “Một đội ngũ, một mục tiêu” để chuẩn hóa và nâng tầm văn hóa BSR, đó là: văn hóa về sự tuân thủ pháp luật, văn hóa về sự đoàn kết, văn hóa về sự phối hợp, kết hợp giữa các đơn vị/tập thể trong hệ sinh thái, văn hóa về sự tăng trưởng,... làm nền tảng thống nhất nhận thức vai trò của văn hóa doanh nghiệp đến từng người lao động Dầu khí.

– Tiếp tục hoàn thiện hệ thống quản trị và cơ sở dữ liệu đào tạo để nâng cao hiệu quả đào tạo, đảm bảo năng lực cho từng vị trí chức danh, chú trọng đào tạo chuyên sâu, đào tạo quản lý và thực hiện đào tạo theo kế hoạch đã được phê duyệt và định hướng phát triển chiến lược của Công ty.

– Hoàn thiện và vận hành hiệu quả hệ thống quản trị tài năng nhằm gìn giữ và phát triển đội ngũ nhân lực chất lượng cao, nhân sự tiềm năng, đặc biệt đối với Khối trực tiếp sản xuất.

II.4.3. Nhóm giải pháp về vận hành sản xuất

– Đảm bảo Nhà máy vận hành an toàn, ổn định, liên tục và hiệu quả góp phần hoàn thành đạt và vượt kế hoạch đã giao.



– Thường xuyên kiểm tra tình trạng và độ tin cậy của thiết bị để xây dựng kế hoạch bảo dưỡng ngăn ngừa/dự đoán nhằm nâng cao độ tin cậy thiết bị/hệ thống/nhà máy góp phần bảo đảm Nhà máy vận hành an toàn, ổn định, liên tục và hiệu quả.

– Linh hoạt, tối ưu hóa trong việc điều chỉnh công suất Nhà máy, cơ cấu sản phẩm theo nhu cầu thị trường và giá sản phẩm.

– Công tác tối ưu hóa năng lượng:

+ Tiếp tục theo dõi, giám sát sự tiêu thụ/sử dụng năng lượng của Nhà máy

+ Tiếp tục triển khai các giải pháp tối ưu hóa năng lượng.

– Công tác tối ưu hóa sản xuất:

+ Tiếp tục tìm kiếm, đánh giá và chế biến thử nghiệm dầu thô mới.

+ Tiếp tục nghiên cứu, đánh giá và triển khai thử nghiệm tăng công suất phân xưởng công nghệ.

+ Tiếp tục nghiên cứu, triển khai sản xuất sản phẩm mới theo nhu cầu thị trường.

– Tập trung mọi nguồn lực để thực hiện thành công TA5 đảm bảo an toàn, chất lượng, tiết kiệm chi phí và phân đầu rút ngắn thời gian triển khai so với kế hoạch được duyệt nhằm sớm đưa nhà máy vào vận hành trở lại góp phần gia tăng sản lượng sản xuất và lợi nhuận cho công ty. Phát huy tối đa việc sử dụng các nguồn lực tại chỗ (BSR, các đơn vị trong ngành, tại Việt Nam) trong quá trình thực hiện công tác bảo dưỡng sửa chữa, giảm thiểu việc sử dụng các dịch vụ kỹ thuật bên ngoài để tiết giảm chi phí.

II.4.4. Nhóm giải pháp về quản trị doanh nghiệp

– Triển khai các phương thức quản trị mới: quản trị biến động, quản trị chuỗi giá trị, quản trị hệ sinh thái trong và ngoài BSR dựa trên nền tảng số. Tiếp tục xây dựng và phát huy tối đa hiệu quả của chuỗi giá trị liên kết giữa các đơn vị trong và ngoài Tập đoàn.

– Tập trung nguồn lực tổ chức đảm bảo chất lượng, tiến độ từng nhiệm vụ cụ thể trong Đề án/ Kế hoạch cơ cấu lại Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn đến năm 2025 đã được phê duyệt. Tập trung công tác đào tạo, phát triển cán bộ của BSR, đảm bảo đủ nguồn lực cho sự phát triển của BSR ở mọi giai đoạn. Tiếp tục hoàn thiện các cơ chế, chính sách lương, thưởng tốt nhất cho CBCNV, Người lao động BSR phù hợp với quy định hiện hành.

– Quán triệt phương châm “làm mới động lực cũ, bổ sung động lực mới” để sẵn sàng chuyển dịch mô hình kinh doanh phù hợp với xu thế chuyển đổi, phát triển năng lượng toàn cầu hiện đại. Tận dụng tối đa công tác đối ngoại, phát triển sản phẩm mới, đẩy mạnh triển khai công tác marketing, phát triển thị trường, đặc biệt quảng bá các sản phẩm mới gắn với thương hiệu BSR.

– Tiếp tục nâng cao công tác quản trị biến động, thường xuyên theo dõi, phân tích dự báo giá dầu mỏ, căng thẳng địa chính trị, triển vọng kinh tế thế giới, cung/cầu thị trường trong và ngoài nước để xây dựng/ cập nhật các kịch bản SXKD và có các giải pháp thích ứng, linh hoạt nhằm kiểm soát hiệu quả các rủi ro và nâng cao hiệu quả SXKD.



– Thường xuyên rà soát, phân tích và nghiên cứu các giải pháp để tiếp tục tối ưu chi phí SXKD nhằm góp phần nâng cao hiệu quả SXKD.

– Tăng cường phân cấp, phân quyền và có cơ chế giám sát việc thực hiện phân cấp, phân quyền. Không ngừng nâng cao ý thức trách nhiệm cá nhân; năng lực, hiệu quả hoạt động của Bộ máy điều hành; ý thức trách nhiệm về việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong toàn Công ty (Xác định rõ trách nhiệm của người đứng đầu trong việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí tại các Ban chức năng/Văn phòng, Chi nhánh và các Công ty con. Kiên quyết xử lý nghiêm các hành vi gây ra thất thoát, lãng phí, làm cơ sở đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của các tập thể và các cá nhân trong Công ty).

– Tích cực triển khai ứng dụng giải pháp quản trị nguồn lực doanh nghiệp (ERP) và đẩy mạnh công tác chuyển đổi số nhằm thúc đẩy các định hướng của BSR theo chiến lược phát triển Công ty. Quản trị rủi ro, mô hình sản xuất/nhà máy thông minh và đảm bảo hiệu quả các nghiệp vụ cốt lõi của doanh nghiệp, cải tiến, biến đổi hoạt động của doanh nghiệp bằng cách tạo ra các quy trình kinh doanh mới, trải nghiệm khách hàng, văn hóa số và văn hóa Công ty.

– Không ngừng củng cố/hoàn thiện hệ thống quy chế, quy trình quản trị rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm nâng cao nhận thức về rủi ro, sớm nhận diện, đánh giá và có giải pháp chủ động để kiểm soát các rủi ro nhằm đạt được các mục tiêu, kế hoạch năm 2024.

– Sớm cập nhật Chiến lược phát triển BSR đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 theo chỉ đạo của Tập đoàn để trình Tập đoàn xem xét, phê duyệt. Chủ động xây dựng lộ trình/giải pháp và tổ chức thực hiện nhiệm vụ/kế hoạch trong Chiến lược phát triển.

– Tiếp tục rà soát, cập nhật, bổ sung và ban hành sửa đổi/bổ sung các Quy chế, Quy trình đảm bảo tuân thủ pháp luật, tinh gọn, hiệu quả và phù hợp với kế hoạch/lộ trình Chuyển đổi số và Chiến lược phát triển Công ty.

– Tiếp tục đôn đốc Người đại diện của BSR tại BSR-BF chỉ đạo BSR-BF sớm hoàn thiện các thủ tục liên quan theo Nghị quyết số 01/NQ-BSR ngày 08/02/2023 của Hội đồng quản trị BSR.

– Chỉ đạo Người đại diện phần vốn của BSR tại PVBuilding sớm hoàn thiện Chiến lược phát triển PVBuilding đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 phù hợp với Chiến lược phát triển của BSR để trình BSR thông qua và ĐHĐCĐ phê duyệt làm cơ sở triển khai.

– Tiếp tục nghiên cứu và chuẩn bị các thủ tục để cơ cấu lại PMS, PVOS theo Đề án được duyệt trong thời gian sớm nhất, khi điều kiện cho phép, phù hợp với quy định.

– Tiếp tục bám sát UBQLVNN và cơ quan chức năng có liên quan để làm rõ/giải trình/cung cấp hồ sơ (nếu cần thiết) nhằm sớm đạt được phê duyệt quyết toán cổ phần hóa BSR trong năm 2024.

– Đẩy mạnh triển khai công tác chuỗi liên kết giá trị, liên kết các nguồn lực, phát triển hệ sinh thái BSR để tăng khả năng ứng phó với tác động tiêu cực từ bên ngoài, biến thách thức thành cơ hội, nâng cao năng lực cạnh tranh của Công ty.



II.4.5. Nhóm giải pháp Tài chính

–Bám sát diễn biến thị trường tài chính, biến động lãi suất, tỷ giá, lạm phát, các chính sách tài chính của Nhà nước... để duy trì cơ cấu tài chính lành mạnh, ổn định thực hiện tốt các mục tiêu kế hoạch tài chính đề ra.

–Tăng cường quản trị dòng tiền, vốn bằng tiền đảm bảo an toàn và hiệu quả sử dụng vốn, đáp ứng nhu cầu vốn cho hoạt động SXKD. Thường xuyên cập nhật tình hình cân đối dòng tiền, nguồn vốn trong trung hạn và dài hạn để đưa ra các dự báo, biện pháp ứng phó kịp thời nhằm đảm bảo hoạt động SXKD liên tục, thông suốt.

–Quản lý chặt chẽ các khoản phải thu, thúc đẩy công tác thanh toán nợ, chủ động áp dụng, tích cực tìm kiếm các biện pháp phù hợp, hiệu quả để khẩn trương thu hồi các khoản công nợ đến hạn. Xác định nguyên nhân khoản nợ quá hạn, nợ tồn đọng lâu ngày (nếu có), nợ không có khả năng thu hồi và có biện pháp xử lý.

–Tăng cường kỷ cương, kỷ luật tài chính của Công ty và các công ty con thông qua việc tiếp tục rà soát, hoàn thiện cơ chế giám sát tài chính, kiểm toán nội bộ để thực hiện kiểm tra, giám sát việc sử dụng các nguồn lực tài chính của Công ty và các công ty con đúng mục đích và có hiệu quả. Rà soát, có các giải pháp phù hợp để đẩy mạnh công tác tiết kiệm/ giảm chi phí, nâng cao hiệu quả hoạt động SXKD.

–Chú trọng kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện triệt để các kết luận kiểm tra, thanh tra của cấp có thẩm quyền cũng như của Tập đoàn.

–Rà soát các nghĩa vụ tài chính dự kiến sẽ phát sinh đối với BSR trong quá trình thực hiện các dự án, thỏa thuận cam kết để có kế hoạch chủ động về phương án xử lý nguồn tài chính, bảo đảm an toàn tài chính doanh nghiệp.

–Thực hiện huy động vốn, vay vốn trong và ngoài nước theo quy định, bảo đảm nhu cầu vốn cho đầu tư phát triển.

–Quản trị các khoản đầu tư đảm bảo phù hợp với chiến lược phát triển Công ty, nhận diện được các cơ hội, rủi ro và có các giải pháp kịp thời để nâng cao hiệu quả đầu tư.

–Xây dựng lộ trình và thực hiện áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế (IFRS) theo quy định và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

II.4.6. Nhóm giải pháp về đầu tư

–Đẩy mạnh công tác đầu tư, song song củng cố/hoàn thiện hệ thống quản trị danh mục đầu tư, đẩy nhanh các thủ tục đầu tư và tăng cường phân cấp/phần quyền trong công tác đầu tư. Chủ động, kịp thời xử lý các tồn tại/vướng mắc bảo đảm tiến độ, hiệu quả các Dự án Đầu tư xây dựng, đặc biệt là Dự án NCMR NMLD Dung Quất (Dự án điều chỉnh). Nghiên cứu các dự án mới để tạo ra các sản phẩm mới phù hợp với xu thế chuyển dịch năng lượng góp phần nâng cao chuỗi giá trị dầu khí tạo đà cho tăng trưởng bền vững của BSR. Khẩn trương, chủ động tổ chức công tác chuẩn bị đầu tư nhanh và hiệu quả.

–Thực hiện thành công, hiệu quả Dự án NCMR NMLD Dung Quất thông qua việc kiểm soát tiến độ, ngân sách, chất lượng, kiểm soát rủi ro, phát sinh, v.v...



–Hoàn thành phương án sơ bộ cho Tổ hợp lọc hóa dầu Long Sơn để báo cáo cấp thẩm quyền xem xét, chỉ đạo.

–Đa dạng hóa các hình thức đầu tư, tìm kiếm cơ hội hợp tác với các đối tác có kinh nghiệm, có thế mạnh về kỹ thuật, công nghệ, có tiềm lực tài chính, quản trị doanh nghiệp tốt,... để thực hiện các mục tiêu chiến lược phát triển.

–Xây dựng Chiến lược triển khai Dự án NCMR NMLD Dung Quất đảm bảo kế hoạch/chiến lược khả thi, hiệu quả, tránh để Dự án bị chậm thêm nữa. Đồng thời, xây dựng kế hoạch triển khai chi tiết đối với từng dự án, đặc biệt đẩy nhanh các dự án đã hoàn thành nghiên cứu cơ hội đầu tư và có hiệu quả nhằm đạt được kế hoạch đầu tư được duyệt.

II.4.7. Nhóm giải pháp về thị trường

–Thường xuyên theo dõi, phân tích dự báo giá dầu mỏ, cung/cầu thị trường trong nước để xây dựng các kịch bản kinh doanh và có các giải pháp ứng phó phù hợp nhằm kiểm soát hiệu quả các rủi ro (nếu có) và nâng cao hiệu quả SXKD.

–Điều hành linh hoạt trong công tác tiêu thụ sản phẩm, bám sát diễn biến thị trường, khối lượng hàng tồn kho và tiến độ nhận hàng của khách hàng để ứng phó kịp thời khi thị trường phát sinh tình huống bất lợi.

–Đa dạng hóa nguồn nguyên liệu, tối đa tiêu thụ dầu thô, nguyên liệu trung gian trong nước để tăng lợi ích của chuỗi liên kết trong ngành.

–Nghiên cứu và ứng dụng chuyển đổi số trong kinh doanh.

–Tiếp tục tìm kiếm các đối tác cung cấp dầu thô và tiêu thụ sản phẩm để không ngừng mở rộng mạng lưới và có quan hệ tốt với các nhà cung cấp và khách hàng tiềm năng, giúp BSR ổn định nguồn cung dầu thô và đầu ra sản phẩm.

–Nghiên cứu xem xét cơ hội hợp tác với các đối tác có năng lực để có giải pháp phù hợp nhằm làm tốt và phát triển thị trường sản phẩm hóa dầu.

–Đẩy mạnh triển khai công tác marketing, phát triển thị trường, đặc biệt quảng bá các sản phẩm mới gắn với thương hiệu BSR.

II.4.8. Nhóm giải pháp về khoa học công nghệ, đào tạo, an toàn môi trường và phát triển bền vững.

–Ứng dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến và ứng dụng quản trị hiện đại dựa trên nền tảng công nghệ thông tin phù hợp với điều kiện cụ thể của Công ty trong công tác quản trị, điều hành. Triển khai đồng bộ công tác chuyển đổi số và ứng dụng các nền tảng số trong toàn Công ty. Xây dựng và thực hiện Chiến lược Khoa học công nghệ và Đổi mới sáng tạo theo hướng tập trung nguồn lực nhiều hơn cho phổ biến, chuyên giao ứng dụng ngay các công nghệ, tri thức mới, tiên tiến có sẵn của thế giới vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh của Công ty.

–Sử dụng hiệu quả Quỹ nghiên cứu khoa học, khuyến khích nghiên cứu, phát triển, đầu tư, thử nghiệm chuyển đổi và ứng dụng các công nghệ mới, đào tạo nguồn nhân lực phù hợp, tiến tới làm chủ các công nghệ tiên tiến, hiện đại. Chú trọng công tác xét duyệt



các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng chế để có được các sản phẩm mới có tính ứng dụng cao vào hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

–Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu, ứng dụng công nghệ mới, hiện đại, kỹ thuật mới nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, năng suất lao động và khả năng cạnh tranh của Công ty.

–Nghiên cứu triển khai các giải pháp chuyển dịch năng lượng, tiết kiệm năng lượng, nguyên nhiên liệu trong hoạt động sản xuất.... nhằm góp phần đạt được mục tiêu phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050 theo cam kết của Việt Nam tại Hội nghị COP 26.

–Tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam về đảm bảo an toàn và bảo vệ môi trường. Phát triển hệ thống quản lý và xử lý chất thải trong lĩnh vực lọc hóa dầu với công nghệ tiên tiến, phù hợp với điều kiện Việt Nam. Tăng cường đầu tư trang thiết bị để nâng cao năng lực ứng cứu các tình huống khẩn cấp trong Công ty.

–Phát triển và đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực về lĩnh vực chuyên môn, về năng lực quản trị,... để đáp ứng yêu cầu Công ty trong bối cảnh hội nhập sâu rộng và phù hợp với tình hình mới. Tăng cường các biện pháp nhằm gắn kết chặt chẽ hơn nữa giữa nghiên cứu khoa học với đào tạo và ứng dụng.

–Tranh thủ và tăng cường hợp tác quốc tế với các đối tác và với các công ty dầu khí trên thế giới để học hỏi kinh nghiệm, tiếp thu và từng bước làm chủ, cải tiến, tiến tới sáng tạo công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

–Không ngừng cải thiện điều kiện lao động, môi trường lao động và đảm bảo sức khoẻ cho người lao động.

–Xây dựng và thực hiện chế độ tiền lương và các chế độ chính sách khác đặc thù áp dụng cho các hoạt động dầu khí.

II.5. Đề xuất kiến nghị

Với các nội dung báo cáo nêu trên, HĐQT kiến nghị ĐHĐCĐ xem xét, chấp thuận những đề xuất kiến nghị sau:

– Thông qua kế hoạch SXKD năm 2024;

– ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT xem xét, linh hoạt phê duyệt điều chỉnh kế hoạch SXKD năm 2024 của Công ty phù hợp với tình hình hoạt động SXKD thực tế; báo cáo ĐHĐCĐ kết quả thực hiện ủy quyền và công bố thông tin theo quy định.



Phụ lục 03 – Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2023 và phương hướng hoạt động năm 2024

I. Hoạt động trong năm 2023 của Hội đồng quản trị (HĐQT)

1. Hoạt động của HĐQT

– HĐQT đã chủ động chỉ đạo và phối hợp chặt chẽ với Ban điều hành (BDH) đề ra các kịch bản, giải pháp đồng bộ, linh hoạt để hoàn thành tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh (SXKD) năm 2023 trước tình hình thị trường trong nước và thế giới có nhiều biến động do ảnh hưởng của chiến tranh giữa Nga-Ukraine, Israel-Hamas, biến động tỷ giá đồng USD, biến động của giá dầu mỏ... Bên cạnh sự chỉ đạo sát sao của HĐQT, sự hỗ trợ của Cổ đông lớn - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, cùng với xu hướng tích cực của thị trường, với tinh thần đoàn kết, chia sẻ và trách nhiệm trong quản lý, điều hành, BSR đã đạt được nhiều thành tựu đáng ghi nhận trong năm 2023.

– HĐQT đã thực hiện đầy đủ chức năng đại diện các chủ sở hữu trong việc chỉ đạo, giám sát hoạt động điều hành của BDH, định hướng phù hợp và kịp thời, đảm bảo sử dụng hiệu quả các nguồn lực để hoàn thành tốt các mục tiêu, nhiệm vụ đã được Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thông qua, trên cơ sở tuân thủ các quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ và các quy định có liên quan.

– Với tinh thần trách nhiệm cao, HĐQT đã thực hiện nhiệm vụ một cách cẩn trọng, trung thực vì lợi ích của các cổ đông và Công ty. Kết quả năm 2023, Công ty đã hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu nhiệm vụ được ĐHCĐ giao. Công ty tiếp tục vận hành an toàn, ổn định Nhà máy lọc dầu Dung Quất (Nhà máy); mở rộng nguồn dầu thô, nguyên liệu trung gian đầu vào (để linh hoạt trong chế biến; cũng như đa dạng hóa sản phẩm khi sản xuất và xuất bán.

– Các hoạt động chủ động, tích cực, hiệu quả, kịp thời và có tầm chiến lược của HĐQT, phù hợp với các quy định của pháp luật và BSR, với phương châm “Chính trực – Chuyên nghiệp – Đoàn kết – Sáng tạo – Hiệu quả”, triển khai đồng bộ các nhóm giải pháp, trong đó tập trung vào vào các nhóm giải pháp cốt lõi, đột phá “về con người, thị trường và cơ chế chính sách” góp phần giúp BSR tiếp tục đạt được nhiều thành công trong năm 2023, giảm thiểu mức độ ảnh hưởng từ các yếu tố khách quan bất lợi (cụ thể như được trình bày tại “Báo cáo kết quả SXKD năm 2023, kế hoạch SXKD năm 2024”), tạo thuận lợi để BSR đạt được các mục tiêu của Kế hoạch 5 năm 2021 – 2025 và Chiến lược phát triển dài hạn.

Một số hoạt động nổi bật của HĐQT như sau:

- Chiến lược, kế hoạch:

HĐQT chỉ đạo cập nhật Định hướng Chiến lược phát triển đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2045; triển khai Kế hoạch 5 năm 2021 – 2025, từng bước hiện thực hóa Chiến lược phát triển; định hướng các mục tiêu phát triển trong dài hạn để chủ động trong kinh doanh; chỉ đạo xây dựng Chiến lược tiêu thụ sản phẩm, Chiến lược thương hiệu và truyền thông,...

Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023, BSR đã tập trung triển khai đồng bộ các giải pháp để thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm bao gồm: vận hành Nhà máy lọc dầu Dung Quất đảm bảo an toàn, ổn định ở công suất tối ưu phù hợp với nhu cầu thị trường; nghiên cứu, đánh giá và chế biến thử nghiệm thành công



các loại dầu mới để mở rộng giỏ dầu thô cho Nhà máy; tiếp tục triển khai đàm phán việc cung cấp dầu thô dài hạn; đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học và tối ưu hóa sản xuất; triển khai Dự án nâng cấp mở rộng NMLD Dung Quất sau khi điều chỉnh chủ trương đầu tư; xây dựng và hoàn thiện hệ thống quản trị rủi ro của BSR để tích hợp với chiến lược phát triển của BSR đến 2030, tầm nhìn đến 2045; tiếp tục thực hiện tái cơ cấu doanh nghiệp; Đẩy mạnh công tác chuyển đổi số để nâng cao độ chính xác và kịp thời của thông tin báo cáo góp phần nâng cao hiệu quả quản trị công ty, tiếp tục hoàn thiện hệ thống quản trị nguồn lực doanh nghiệp (ERP) sau khi Go-live; triển khai thực hiện đồng bộ văn hóa doanh nghiệp trong toàn Công ty.

– HĐQT xác định các vấn đề, nội dung trong hoạt động của BSR cần được ưu tiên thực hiện trong từng năm, từng giai đoạn để BSR luôn chủ động, tận dụng thời cơ, đón đầu xu hướng và cũng làm cơ sở để BSR phân bổ nguồn lực thực hiện phù hợp.

– Để góp phần nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp, tạo chủ động và đột phá cho hoạt động SXKD phù hợp với cơ chế thị trường, HĐQT chỉ đạo thực hiện giải pháp về cơ chế chính sách. Trong đó: ban hành các Quy chế trả lương, trả thưởng, Quy chế thưởng an toàn; rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung các Quy chế quản lý hoạt động kinh doanh dầu thô, sản phẩm, Quy chế quản lý tài chính, các Quy định phân cấp đầu tư và quản lý đấu thầu... cũng như các quy định pháp luật, chỉ đạo điều hành của các cơ quan quản lý Nhà nước.

– Kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện các chỉ đạo, Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT.

– Thực hiện ủy quyền của ĐHĐCĐ tại Nghị quyết số 2676/NQ-BSR ngày 13/04/2023 và kết quả hoạt động SXKD năm 2023, HĐQT đã quyết định điều chỉnh Kế hoạch SXKD năm 2023 tại Nghị quyết số 7324/NQ-BSR ngày 28/12/2023.

– Thực hiện ủy quyền của ĐHĐCĐ tại Nghị quyết số 1189/NQ-BSR ngày 22/04/2022, HĐQT đã ban hành Quyết định số 968/QĐ-BSR ngày 28/03/2024 về việc phê duyệt điều chỉnh Dự án Nâng cấp, mở rộng Nhà máy lọc dầu Dung Quất.

– Ngoài ra, phù hợp với phân cấp, thẩm quyền, HĐQT còn thực hiện nhiều hoạt động/chương trình khác để chỉ đạo, định hướng, quản trị hoạt động SXKD của BSR.

– Công tác niêm yết cổ phiếu BSR tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh (HOSE): Trong năm 2023, Công ty đã tiến hành thuê đơn vị tư vấn niêm yết chứng khoán theo quy định và tích cực tổ chức triển khai các công việc chuẩn bị để đăng ký niêm yết chứng khoán tại HOSE. Tuy nhiên, BSR chưa đáp ứng được điều kiện niêm yết cổ phiếu theo quy định của Luật chứng khoán và các văn bản hướng dẫn. Do đó, BSR sẽ tiếp tục triển khai công tác chuyển sà, đăng ký niêm yết chứng khoán tại HOSE khi đủ điều kiện.

2. Hoạt động của từng thành viên HĐQT

2.1. Ông Nguyễn Văn Hội – Chủ tịch HĐQT

– Thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Thành viên/Chủ tịch HĐQT quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ BSR, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT và các quy định liên quan khác.

– Lĩnh vực phụ trách: Chiến lược phát triển, Công tác tái cấu trúc Công ty; Phụ trách hoạt động của Văn phòng Hội đồng quản trị.



– Nhận xét: Ông Nguyễn Văn Hội thực hiện tốt các quyền và nghĩa vụ của Thành viên/Chủ tịch HĐQT theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ BSR, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT và quy định liên quan khác; hoàn thành tốt nhiệm vụ do HĐQT phân công về lĩnh vực phụ trách nêu trên.

2.2. Ông Bùi Ngọc Dương – Thành viên HĐQT/ TGĐ

– Thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Thành viên HĐQT quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ BSR, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT và các quy định liên quan khác

– Lĩnh vực phụ trách: Công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh và lĩnh vực Tài chính Kế toán của Công ty.

– Giám sát hoạt động: Bộ máy cơ quan điều hành.

– Nhận xét: Ông Bùi Ngọc Dương thực hiện tốt các quyền và nghĩa vụ của Thành viên HĐQT/TGĐ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ BSR, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT và quy định liên quan khác; hoàn thành tốt nhiệm vụ do HĐQT phân công về lĩnh vực phụ trách nêu trên.

2.3. Ông Hà Đồng – Thành viên HĐQT

– Thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Thành viên HĐQT quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ BSR, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT và các quy định liên quan khác

– Lĩnh vực phụ trách: Giám sát công tác Bảo dưỡng tổng thể lần 5 (TA5); Lĩnh vực tiến độ triển khai Dự án Nâng cấp mở rộng NMLD Dung Quất (NCOMR); Công ty dự báo, phân tích thị trường phục vụ sản xuất kinh doanh; Giám sát Công ty cổ phần Bảo dưỡng và Sửa chữa Công trình Dầu khí (PMS).

– Nhận xét: Ông Hà Đồng thực hiện tốt các quyền và nghĩa vụ của Thành viên HĐQT theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ BSR, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT và quy định liên quan khác; hoàn thành tốt nhiệm vụ do HĐQT phân công về lĩnh vực phụ trách nêu trên.

2.4. Ông Khương Lê Thành – Thành viên HĐQT

– Thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Thành viên HĐQT quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ BSR, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT và các quy định liên quan khác.

– Lĩnh vực phụ trách: Công tác an ninh, an toàn, sức khỏe, môi trường, phòng cháy chữa cháy và quản lý chất lượng; Công tác quản trị nhân lực, tiền lương, chế độ chính sách và đào tạo; Công tác chuyên đổi số; Truyền thông, văn hóa doanh nghiệp, an sinh xã hội; Công tác mua sắm hàng hóa, thương mại dịch vụ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh; Công tác pháp chế, quản trị rủi ro, bảo hiểm; Lĩnh vực công nghệ Dự án Nâng cấp mở rộng NMLD Dung Quất; Lĩnh vực khoa học công nghệ Công ty; Giám sát Công ty cổ phần Nhiên liệu sinh học Dầu khí Miền Trung (BSR-BF);

– Nhận xét: Ông Khương Lê Thành thực hiện tốt các quyền và nghĩa vụ của Thành viên HĐQT theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ BSR, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT và quy định liên quan khác; hoàn thành tốt nhiệm vụ do HĐQT phân công về lĩnh vực phụ trách nêu trên.

2.5. Ông Hạng Anh Minh – Thành viên độc lập HĐQT

– Thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Thành viên HĐQT quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ BSR, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT và các quy định liên quan khác.

– Lĩnh vực phụ trách: Công tác Đầu tư, mua sắm tài sản cố định; Lĩnh vực kinh doanh dầu thô và sản phẩm; Công tác kế hoạch sản xuất kinh doanh; Kiểm soát, kiểm toán nội bộ; Quan hệ cổ đông; truyền thông liên quan đến công tác quan hệ cổ đông; Công tác nhượng bán, thanh lý tài sản; Lĩnh vực pháp lý Dự án Nâng cấp mở rộng NMLD Dung Quất; Phụ trách hoạt động của Ban Kiểm soát nội bộ; Giám sát Công ty cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí (PV Building) và Công ty TNHH Kho ngầm Xăng dầu Dầu khí Việt Nam (PVOS);

– Nhận xét: Ông Hạng Anh Minh thực hiện tốt các quyền và nghĩa vụ của Thành viên độc lập HĐQT theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ BSR, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT và quy định liên quan khác; hoàn thành tốt nhiệm vụ do HĐQT phân công về lĩnh vực phụ trách nêu trên.

II. Đánh giá của Thành viên độc lập Hội đồng quản trị về hoạt động trong năm 2023 của Hội đồng quản trị

HĐQT hoàn thành tốt các chức năng, nhiệm vụ, quyền và nghĩa vụ của HĐQT theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ BSR, Quy chế hoạt động của HĐQT và các quy định khác có liên quan; làm việc với tinh thần trách nhiệm cao và minh bạch trong công tác quản trị công ty đại chúng; tạo điều kiện thuận lợi để Thành viên độc lập HĐQT thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

III. Kết quả giám sát việc thực hiện nhiệm vụ quản lý, điều hành BSR trong năm 2023 của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng Giám đốc đã hoàn thành tốt vai trò quản lý, điều hành BSR trong năm 2023, cụ thể:

– Triển khai, chỉ đạo các ban, văn phòng, đơn vị thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết, Quyết định, chỉ đạo của ĐHĐCĐ, HĐQT.

– Quản lý, điều hành hoạt động SXKD chuyên nghiệp, sát sao, trung thực, cẩn trọng với tinh thần trách nhiệm cao, khắc phục khó khăn, không ngừng nâng cao năng lực quản trị theo thông lệ tốt, hiện đại để hoàn thành công việc, nhiệm vụ được giao vì lợi ích hợp pháp, tối đa của BSR và các cổ đông.

– Quản lý, điều hành hoạt động SXKD theo đúng phân cấp thẩm quyền giữa HĐQT và Tổng Giám đốc.

– Báo cáo đầy đủ theo quy định trong quá trình triển khai thực hiện các chỉ đạo của HĐQT/ĐHĐCĐ và xin ý kiến chỉ đạo của HĐQT khi phát sinh vấn đề vượt phân cấp thẩm quyền, quyết định của Tổng giám đốc.

– Làm việc thường xuyên với các Ban, Văn phòng, Đơn vị để rà soát, giải quyết kịp thời các khó khăn, vướng mắc trong hoạt động SXKD cũng như chấn chỉnh những tồn tại (nếu có).

– Tuân thủ, chấp hành đúng các quy định trong quá trình điều hành hoạt động của Công ty.



Cùng với ĐHĐCĐ, HĐQT, Ban Tổng giám đốc đã quản lý, điều hành hoạt động SXKD của BSR đáp ứng kỳ vọng của HĐQT, ĐHĐCĐ trong năm 2023 cũng như tạo nền tảng để đạt được các mục tiêu của Kế hoạch 5 năm 2021 – 2025 và Chiến lược phát triển BSR.

IV. Tổng kết các cuộc họp và các quyết định của Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

- Hội đồng quản trị đã tổ chức 09 cuộc họp HĐQT định kỳ, chuyên đề (hình thức trực tiếp) và thường xuyên lấy ý kiến các Thành viên HĐQT bằng văn bản để xem xét, kịp thời chỉ đạo giải quyết các vấn đề liên quan đến chiến lược, cơ chế, chính sách, công tác sản xuất, kinh doanh, đầu tư xây dựng, tài chính kế toán, tổ chức nhân sự, tái cơ cấu, chuyển dịch năng lượng, chuyển đổi số, hợp tác phát triển, an sinh xã hội,... của BSR và các đơn vị. Bao gồm một số nội dung chính như: công tác điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Nâng cấp mở rộng Nhà máy lọc dầu Dung Quất (Quyết định số 482/QĐ-TTg ngày 05/05/2023); văn kiện trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023; các chính sách, giải pháp ứng phó với ảnh hưởng của chiến sự Nga và Ukraine đối với thị trường dầu thô và hoạt động SXKD của Công ty; giám sát chặt chẽ việc triển khai công tác Bảo dưỡng tổng thể Nhà máy lọc dầu Dung Quất lần thứ 5; Công tác tái cơ cấu công ty và kế hoạch 5 năm 2021-2025; phương án xử lý tiếp theo đối với Dự án Nhiên liệu sinh học Dung Quất – Công ty Cổ phần Nhiên liệu sinh học Dầu khí miền Trung; công tác truyền thông, quảng bá thương hiệu, phát triển thị trường; Công tác chuẩn bị đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024... Các Thành viên HĐQT tham gia tất cả cuộc họp HĐQT.
- Tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 vào ngày 13/04/2023 và 100% Thành viên HĐQT trực tiếp tham gia cuộc họp.
- Xem xét các báo cáo, đánh giá của các Đoàn kiểm tra của các Bộ Ngành, của Ban Kiểm soát, Ban Kiểm soát nội bộ, Đoàn kiểm tra, giám sát nội bộ về hoạt động SXKD của BSR và các đơn vị; cũng như tổ chức Chương trình giám sát do HĐQT chủ trì và chỉ đạo thực hiện các kết luận (nếu có).
- Trao đổi, chất vấn, giám sát Ban Tổng giám đốc về triển khai thực hiện các Nghị quyết, Quyết định, chỉ đạo của HĐQT, ĐHĐCĐ; về quản lý, điều hành hoạt động SXKD của BSR.
- Tham gia các buổi họp, buổi làm việc, hội nghị, hội thảo... cùng Ban Tổng giám đốc để tìm giải pháp, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc hoạt động SXKD của BSR và các đơn vị.

2. Các Nghị quyết, Quyết định và Văn bản chỉ đạo của Hội đồng quản trị

HĐQT ban hành trên 170 Nghị quyết, Quyết định và trên 200 Văn bản đề quản trị, chỉ đạo về hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 đối với những vấn đề thuộc phân cấp, thẩm quyền quyết định của HĐQT; tập trung vào các vấn đề như nêu tại Mục IV.1; trong đó có 12 Nghị quyết/Quyết định/Văn bản liên quan đến các vấn đề phải công bố thông tin theo quy định của Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính. Chi tiết như tại Báo cáo số 79/BC-BSR ngày 04/01/2024 về Báo cáo tình hình quản trị năm 2023 đã được công bố thông tin.



V. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng Thành viên Hội đồng quản trị

Chi tiết thù lao của HĐQT được tổng hợp và thể hiện trong Tờ trình thông qua báo cáo thực hiện tiền lương, thù lao và tiền thưởng năm 2023 và kế hoạch năm 2024 của HĐQT và Ban kiểm soát, Báo cáo tài chính năm 2023 được kiểm toán và Báo cáo thường niên năm 2023.

Các chi phí hành chính và chi phí liên quan đến hoạt động của HĐQT tuân thủ Quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế Quản lý tài chính và các định mức chi tiêu nội bộ của BSR.

VI. Báo cáo về các giao dịch giữa BSR với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của Thành viên đó; giao dịch giữa BSR với công ty trong đó Thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch:

Trong năm 2023, BSR có giao dịch với Tổng Công ty Dầu Việt Nam – CTCP (PVOIL). Ông Hạng Anh Minh – Thành viên độc lập HĐQT BSR đã từng là Thành viên HĐQT PVOIL từ tháng 08/2018- đến tháng 04/2023. *(Chi tiết như tại Báo cáo số 79/BC-BSR ngày 04/01/2024 về Báo cáo tình hình quản trị năm 2023 đã được công bố thông tin)*

Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2023 của BSR, đã được công bố thông tin.

VII. Phương hướng hoạt động trong năm 2024 của Hội đồng quản trị

Năm 2024, bên cạnh những tác động từ tình hình kinh tế, chính trị thế giới thì nội tại BSR phải đối diện và giải quyết các vấn đề về: giá dầu mỏ tiếp tục biến động khó lường; xu thế chuyển đổi số, chuyển dịch năng lượng; suy giảm nguồn dầu thô nội địa, thay thế là các nguồn nhập khẩu với chi phí cao; đối thủ mạnh cạnh tranh trong kinh doanh xăng dầu, các sản phẩm hóa dầu; chi phí bảo dưỡng sửa chữa ngày càng tăng theo số năm vận hành Nhà máy lọc dầu Dung Quất; chi phí đầu tư cao hơn, thủ tục, quy định về đầu tư phức tạp hơn so với trước đây;... Vì vậy, để hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024, HĐQT xác định những nhiệm vụ chính cần thực hiện như sau:

- Tiếp tục tổ chức bộ máy HĐQT, cơ quan giúp việc cho HĐQT làm việc chuyên nghiệp, sắc bén với tinh thần trách nhiệm cao.
- Duy trì các phiên họp định kỳ theo quy định, tổ chức họp bất thường khi cần thiết, linh hoạt áp dụng hình thức làm việc trực tiếp tại văn phòng BSR hoặc làm việc từ xa (tùy thuộc tình hình thực tế) để kịp thời chỉ đạo, giải quyết các công việc thuộc thẩm quyền, phân cấp của HĐQT.
- Tiếp tục xem xét, quyết định, chỉ đạo: công tác xây dựng, thực hiện Chiến lược; xác định các vấn đề, công việc trong hoạt động SXKD của BSR cần được ưu tiên thực hiện; xây dựng, kiến nghị, phê duyệt các vấn đề về cơ chế chính sách; kiểm tra, giám sát Ban Tổng giám đốc thực hiện nhiệm vụ quản lý, điều hành BSR, thực hiện các chỉ đạo, Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT và các cấp có thẩm quyền; tổ chức thực hiện các ủy quyền của ĐHĐCĐ (nếu có).

Đồng thời chỉ đạo:



- Triển khai các nhiệm vụ hoạt động SXKD gắn liền Quyết định số 1243/QĐ-TTg phê duyệt “Đề án cơ cấu lại Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) giai đoạn đến hết năm 2025”; Kế hoạch 5 năm 2021-2025 của BSR làm cơ sở để BSR phát triển bền vững.
- Tập trung vận hành Nhà máy lọc dầu Dung Quất an toàn, ổn định, liên tục ở công suất, cơ cấu sản phẩm tối ưu phù hợp với nhu cầu và tình hình thị trường, tối đa hóa hiệu quả sản xuất kinh doanh của BSR.
- Giám sát chặt chẽ công tác Bảo dưỡng tổng thể Nhà máy lọc dầu Dung Quất lần 5 đảm bảo an toàn, chất lượng, tiến độ và tối ưu chi phí với kế hoạch được duyệt.
- Đảm bảo nguồn cung dầu thô cung cấp cho vận hành an toàn, ổn định, hiệu quả Nhà máy lọc dầu Dung Quất.
- Chỉ đạo, nghiên cứu xem xét cơ hội hợp tác với đối tác tiềm năng nhằm đa dạng và phát triển thị trường sản phẩm hóa dầu.
- Chỉ đạo hoàn thiện hồ sơ quyết toán cổ phần hóa BSR trong năm 2024.
- Đẩy mạnh triển khai Dự án NCMR NMLD Dung Quất (Dự án điều chỉnh) đảm bảo tiến độ, chất lượng, hiệu quả đầu tư Dự án và tuân thủ các quy định hiện hành.
- Đẩy mạnh công tác chuyển đổi số, đồng thời tích hợp hệ thống ERP với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam để hệ thống ERP được thông suốt, hiệu quả.
- Rà soát, sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện hệ thống quản trị nội bộ phù hợp với các quy định của pháp luật, đáp ứng yêu cầu thực tiễn của hoạt động SXKD Công ty, thích ứng với cơ chế thị trường.
- Thực hiện công tác tái cấu trúc theo Đề án đã được phê duyệt; Rà soát, sắp xếp công tác tổ chức, cơ cấu, chức năng nhiệm vụ, định biên các Ban, Chi nhánh Công ty đảm bảo hiệu quả, phù hợp với hoạt động SXKD của BSR từng giai đoạn.
- Triển khai công tác truyền thông, an sinh xã hội phù hợp với điều kiện hoạt động SXKD của Công ty.
- Phân đấu đăng ký thủ tục chuyển sàn niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) khi đủ điều kiện.
- Thực hiện các công việc khác do Đại hội đồng cổ đông giao.



Phụ lục 04
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2023 VÀ
PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2024

Phần A: Báo cáo kết quả hoạt động, kết quả công tác kiểm tra giám sát của Ban Kiểm soát (BKS):

1. Kết quả giám sát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty.

Trên cơ sở kế hoạch hoạt động năm 2023 và kết quả giám sát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của BSR, thẩm định báo cáo tài chính sau kiểm toán của đơn vị kiểm toán độc lập (Công ty TNHH Deloitte Việt Nam), Ban Kiểm soát kính báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh của BSR trong năm 2023 được thể hiện ở một số chỉ tiêu chính như sau:

Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh

Năm 2023, Nhà máy hoạt động ổn định với công suất cao và bình quân trên 100% công suất thiết kế. Tình hình diễn biến địa chính trị trên thế giới phức tạp do chiến dịch đặc biệt Nga – Ukraina, tình hình ở giải Gaza, giá dầu thô tiếp tục khó dự báo, lạm phát toàn cầu đã giảm, nhưng lạm phát cơ bản vẫn ở mức cao ... Với tình hình như vậy, nhưng BSR đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong tâm và vượt các chỉ tiêu kế hoạch đề ra cụ thể như: Lợi nhuận sau thuế đạt **8.755** tỷ đồng, vượt kế hoạch năm 2023 là 174%. Nộp ngân sách nhà nước 17.409 tỷ đồng, vượt kế hoạch năm 111%. Đối với sản lượng sản xuất và sản lượng tiêu thụ cũng vượt kế hoạch cụ thể như sau: sản lượng sản xuất: **7.367.305** tấn đạt 109%, sản lượng tiêu thụ: **7.340.677** tấn đạt 109% so với kế hoạch 2023.

Stt	Nội dung	ĐVT	Năm 2022	Năm 2023		
				KH (trước khi điều chỉnh) (*)	Kế hoạch điều chỉnh (**)	Thực hiện
I	Chỉ tiêu sản lượng					
1	Sản lượng sản xuất	Tấn	7.010.828	5.624.734	6.765.415	7.367.305
2	Sản lượng tiêu thụ		7.003.079	5.624.734	6.765.415	7.340.677
II	Chỉ tiêu tài chính (hợp nhất)					
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	167.126	95.644,8	145.102	150.116
2	Nộp NSNN		19.041	9.825,3	15.703	17.420
3	Lợi nhuận trước thuế		15.586	1.820,6	5.428	9.639
4	Lợi nhuận sau thuế		14.669	1.628,4	4.868	8.593
III	Chỉ tiêu tài chính Công ty mẹ					
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	167.058	95.370,8	145.014	150.073
2	Nộp NSNN		19.027	9.812,8	15.692	17.409
3	Lợi nhuận trước thuế		15.750	1.912,7	5.587	9.800
4	Lợi nhuận sau thuế		14.836	1.721,5	5.028	8.755

- (*), (**) là kế hoạch theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ số 2676/NQ-BSR ngày 13/4/2023 và Nghị quyết của HĐQT số 7324/NQ-BSR ngày 28/12/2023.

Các chỉ số tài chính:

Các hệ số về khả năng thanh toán, các chỉ tiêu về cân đối nợ, sự phù hợp của cơ cấu tài sản, nguồn vốn được thể hiện trong bảng sau:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	BCTC riêng công ty mẹ		BCTC hợp nhất	
			2022	2023	2022	2023
A	Tình hình tài sản, nguồn vốn					
I	Tổng tài sản	Tỷ đồng	77.226	85.421	78.488	86.595
1	Tài sản ngắn hạn	Tỷ đồng	58.273	68.488	58.471	68.681
2	Tiền và các khoản tương đương tiền	Tỷ đồng	22.818	16.943	22.853	17.001
3	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	Tỷ đồng	2.102	21.052	2.172	21.122
4	Các khoản phải thu ngắn hạn	Tỷ đồng	16.496	14.916	16.553	14.955
5	Hàng tồn kho	Tỷ đồng	16.778	15.510	16.809	15.531
6	Tài sản ngắn hạn khác	Tỷ đồng	78	67	84	73
7	Tài sản dài hạn	Tỷ đồng	18.954	16.933	20.017	17.914
II	Tổng nguồn vốn	Tỷ đồng	77.226	85.421	78.488	86.595
1	Nợ ngắn hạn	Tỷ đồng	24.517	26.859	26.015	28.442
2	Nợ dài hạn	Tỷ đồng	1.272	874	1.282	884
3	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	51.438	57.689	51.190	57.269
B	Hệ số khả năng thanh toán					
1	Hệ số thanh toán hiện hành	lần	2,38	2,55	2,25	2,41
2	Hệ số thanh toán nhanh hiện hành	lần	1,69	1,97	1,60	1,86
3	Hệ số nợ/Tổng tài sản	lần	0,33	0,32	0,35	0,34
4	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	lần	0,50	0,48	0,53	0,51

Nhìn chung các chỉ số tài chính của BSR là tốt, nằm trong khoảng an toàn.

Tình hình bảo toàn và phát triển vốn:

Về bảo toàn và phát triển vốn: Năm 2023, BSR lãi sau thuế là 8.755 tỷ đồng nên Công ty đã bảo toàn và phát triển vốn với hệ số là 1,12

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	BCTC riêng công ty mẹ		BCTC hợp nhất	
		2022	2023	2022	2023
1. Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	51.438	57.689	51.190	57.269
2. Tổng tài sản		77.226	85.421	78.488	86.595
3. Lợi nhuận sau thuế		14.836	8.755	14.669	8.593
4. Hiệu quả sử dụng vốn					
- Tỷ suất LNST/VCSH (ROE)	%	29	15	29	15
- Tỷ suất LNST/Tổng tài sản (ROA)	%	19	10	19	10
- Hệ số bảo toàn vốn	Lần	1,37	1,12	1,36	1,12

Công tác đầu tư tài chính:

Tại thời điểm 31/12/2023, BSR có 01 đơn vị hạch toán phụ thuộc là Ban quản lý dự án nâng cấp mở rộng nhà máy và BSR tham gia góp vốn tại 04 doanh nghiệp gồm:

- Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung (BSR-BF) với tỷ lệ tham gia góp vốn là 65,54% vốn điều lệ. Các Ngân hàng đã kiện BSR-BF lên Tòa án



để yêu cầu thanh toán các khoản nợ phát sinh từ Hợp đồng tín dụng. Ngày 26/09/2023, Tòa án đã tuyên án Theo Bản án sơ thẩm số 08/2023/KDTM-ST ngày 26/9/2023 cơ bản chấp nhận tất cả các yêu cầu khởi kiện của các Ngân hàng, đồng thời yêu cầu BSR-BF thanh toán các khoản nợ gốc, lãi phát sinh. Trong trường hợp BSR-BF không thể thanh toán thì các Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ. Ngày 10/10/2023, BSR-BF đã nộp đơn kháng cáo với một số nội dung của bản án dân sự sơ thẩm số 08/2023/KDTM-ST ngày 26/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi. Đến ngày 22/2/2024, BSR-BF đã nộp hồ sơ mở thủ tục phá sản lên tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi. Năm 2023, BSR-BF ước lỗ lũy kế là 1.611,26 tỷ đồng và âm vốn chủ sở hữu khoảng 478,89 tỷ đồng. Tại thời điểm 31/12/2023, BSR đang trích lập dự phòng cho khoản đầu tư vào BSR-BF là gần 205,78 tỷ đồng (trích lập thêm trong kỳ: 0 VND và không bao gồm khoản 536 tỷ đồng BSR đã trích lập cho giai đoạn trước 30/6/2018).

- Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí (PV Building): tỷ lệ cổ phần nắm giữ của BSR tại PVBuilding là 83,26% vốn điều lệ. Năm 2023, PV Building ước đạt tổng doanh thu 686 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 15,3 tỷ đồng.

- Công ty Cổ phần Bảo dưỡng và Sửa chữa công trình Dầu khí (PMS) với tỷ lệ vốn thực góp là 7 tỷ đồng, chiếm 8,75% vốn điều lệ. Năm 2023, PMS ước đạt tổng doanh thu 198 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 5,63 tỷ đồng.

- Công ty TNHH Kho ngầm Xăng dầu Dầu khí Việt Nam (PVOS) với tỷ lệ vốn thực góp là 4,24 tỷ đồng, chiếm 5,77% vốn điều lệ. Năm 2023, PVOS ước lỗ khoảng 2,4 tỷ đồng. Vì đang trong giai đoạn đầu tư, tiến độ đầu tư kéo dài do các vướng mắc về cơ chế/chính sách nên chưa hiệu quả. Trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư vào Công ty TNHH Kho ngầm xăng dầu Dầu khí Việt Nam là 1.492.777.634 VND (trong đó: trích lập thêm trong kỳ: 206.555.700 VND).

Hiện tại, BSR đang thực hiện phương án tái cơ cấu các khoản góp vốn tại 04 công ty trên theo phương án thoái vốn tại PMS, PVOS, thực hiện phá sản đối với BSR-BF và tiếp tục giữ nguyên phần vốn PV Building.

Vấn đề ngoại trừ và nhấn mạnh trong BCTC 2023 của BSR:

Trong BCTC riêng và BCTC hợp nhất năm 2023 của BSR, Kiểm toán Deloitte đã lưu ý vấn đề cần nhấn mạnh và không có yếu tố ngoại trừ, cụ thể:

Ý kiến nhấn mạnh trên BCTC riêng:

- Như trình bày tại Thuyết minh số 01 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, các cơ quan có thẩm quyền chưa thực hiện kiểm tra và phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại thời điểm Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

Ý kiến nhấn mạnh trên BCTC hợp nhất:

- Như trình bày tại Thuyết minh số 01 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, các cơ quan có thẩm quyền chưa thực hiện kiểm tra và phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại thời điểm Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

- Như trình bày tại Thuyết minh số 01 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, ngày 26/9/2023, Tòa án Nhân dân Thành phố Quảng Ngãi đã ban hành Bản án sơ thẩm chấp thuận một phần yêu cầu khởi kiện của các ngân hàng và buộc Công ty



Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung (BSR-BF - công ty con của Công ty) tiếp tục có nghĩa vụ thanh toán cho các ngân hàng. Ngày 22 tháng 02 năm 2024, BSR-BF cũng đã nộp đơn đến Tòa án Nhân dân tỉnh Quảng Ngãi yêu cầu mở thủ tục phá sản đối với BSR-BF. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, BSR-BF đang chờ quyết định thụ lý của tòa án về việc mở thủ tục phá sản.

Ban Kiểm soát cho rằng ý kiến nhấn mạnh của Kiểm toán Deloitte là phù hợp, khách quan và đúng với tình hình thực tế hoạt động của BSR.

Công tác quản trị doanh nghiệp

Trong giai đoạn biến động của thị trường trong nước và quốc tế thời gian qua, Ban Lãnh đạo Công ty đã tập trung và có các giải pháp về quản trị biến động, điều hành linh hoạt để ứng phó với các tình huống về thị trường và biến động trên thế giới. Tăng cường áp dụng các hệ thống quản trị hiện đại, chuyển đổi số, xây dựng chiến lược phát triển và văn hóa doanh nghiệp để tạo môi trường và động lực phát triển bền vững. Cụ thể:

- Hoàn thiện Hệ thống quản trị rủi ro và triển khai áp dụng vào thực tiễn quản lý điều hành; Xây dựng Chiến lược phát triển BSR đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 để làm lộ trình đầu tư phát triển bền vững cho Công ty.

- Rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung các Quy chế, quy định và quy trình để phù hợp với thực tế SXKD và tuân thủ các quy định pháp luật, chỉ đạo điều hành của các cơ quan quản lý Nhà nước.

- Áp dụng hệ thống công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành và giám sát các hoạt động thường xuyên của Công ty. Đây mạnh công tác chuyển đổi số để nâng cao độ chính xác và kịp thời của báo cáo quản trị công ty, tiếp tục hoàn thiện hệ thống quản trị nguồn lực doanh nghiệp (ERP) sau khi Go-live;

- Thực hiện theo phương án tái cơ cấu đảm bảo ổn định tổ chức, phù hợp với đặc thù, thực tế của từng giai đoạn và cho những năm tiếp theo của Công ty.

- Triển khai thực hiện đồng bộ văn hóa doanh nghiệp của công ty để tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững.

2. Kết quả giám sát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc

Trong năm 2023, HĐQT BSR đã hoàn thành tốt các chức năng, nhiệm vụ được giao và đưa ra các chỉ đạo định hướng, quyết định, nghị quyết kịp thời để Ban điều hành thực hiện các nhiệm vụ, chỉ tiêu đã được ĐHQĐ thông qua. Báo cáo của HĐQT và TGDĐ đã phản ánh đầy đủ, trung thực tình hình hoạt động năm 2023 của Công ty, cụ thể:

Hội đồng quản trị:

- HĐQT hoàn thành tốt các chức năng, nhiệm vụ, quyền và nghĩa vụ theo quy định của Pháp luật, Điều lệ BSR, Quy chế hoạt động và các quy định khác có liên quan; làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, minh bạch và thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ được giao.

- HĐQT đã ban hành quyết định phân công nhiệm vụ trong Hội đồng quản trị theo lĩnh vực (chi tiết như báo cáo của HĐQT) bên cạnh các nhiệm vụ và trách nhiệm của Thành viên HĐQT theo quy định pháp luật và Điều lệ BSR để tối ưu hóa và nâng cao hiệu quả công tác chỉ đạo và giám sát các hoạt động của Công ty.



- HĐQT đã ban hành các nghị quyết, quyết định liên quan đến hoạt động của Công ty theo đúng trình tự, thẩm quyền, phù hợp căn cứ pháp lý theo quy định của pháp luật và Công ty.

- Các thành viên HĐQT tham gia đầy đủ các cuộc họp, làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, cẩn trọng, trung thực vì lợi ích của cổ đông và Công ty; đã thực hiện tốt vai trò giám sát, chỉ đạo và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho Tổng Giám đốc thực hiện công tác điều hành hoạt động SXKD.

- HĐQT đã chỉ đạo, tạo điều kiện và đồng hành cùng Tổng Giám đốc trong việc xử lý các vấn đề quan trọng liên quan đến hoạt động SXKD, đặc biệt là triển khai đồng bộ các nhóm giải pháp, trong đó tập trung vào các nhóm giải pháp cốt lõi, đột phá “về con người, thị trường và cơ chế chính sách” góp phần giúp BSR đạt được thành công trong năm 2023.

Tổng Giám đốc

- TGD đã chỉ đạo các ban chức năng nghiêm túc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của HĐQT và ĐHĐCĐ.

- Tổ chức quản lý, điều hành hoạt động SXKD chuyên nghiệp, trung thực, cẩn trọng với tinh thần trách nhiệm cao và không ngừng nâng cao năng lực quản trị theo thông lệ tốt, hiện đại để tối ưu hóa nâng cao hiệu quả SXKD.

- Quản lý, điều hành hoạt động SXKD đúng phân cấp giữa HĐQT và Tổng Giám đốc. Thực hiện báo cáo đầy đủ theo quy định trong quá trình triển khai thực hiện các chỉ đạo của HĐQT.

- Luôn nỗ lực nghiên cứu và sáng tạo để có các giải pháp trong quản lý điều hành và SXKD cũng như tối ưu hóa, tiết giảm chi phí.

- Tuân thủ, chấp hành đúng các quy định trong quá trình điều hành hoạt động của Công ty.

HĐQT, Ban Tổng giám đốc đã quản lý, điều hành hoạt động SXKD của BSR đáp ứng kỳ vọng và hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ của ĐHĐCĐ trong năm 2023. Với kết quả đạt được trong năm 2022, 2023 đã tạo nền tảng vững chắc và động lực cho sự phát triển bền vững của BSR trong những năm tiếp theo.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT:

Ban Kiểm soát đã xem xét và cho rằng các báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị Công ty là đầy đủ, hợp pháp và trung thực, đáng tin cậy. Các báo cáo đã nêu được những nỗ lực, sáng tạo và chuyên nghiệp của HĐQT/TGD trong công tác quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty.

4. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, TGD dựa trên nguyên tắc minh bạch, rõ ràng, tuân thủ các quy định pháp luật nhằm đảm bảo lợi ích của Công ty và cổ đông.

HĐQT và TGD đã phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi cho BKS trong công tác kiểm tra, giám sát và thực hiện các nhiệm vụ khác theo chức năng của



BKS. Thường xuyên trao đổi và cung cấp đầy đủ thông tin, mời tham gia các cuộc họp và thực hiện các khuyến nghị của BKS đưa ra.

Trong năm 2023, BKS không nhận được yêu cầu của cổ đông/nhóm cổ đông về việc thực hiện kiểm tra một nội dung/vụ việc nào theo quy định tại Điểm 6, Điều 170- Quyền và nghĩa vụ của BKS- của Luật Doanh nghiệp 2020.

5. Báo cáo về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn Điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

Trong năm 2023 BSR có giao dịch với Tổng Công ty Dầu Việt Nam – CTCP (PVOIL). Ông Hạng Anh Minh – Thành viên độc lập HĐQT BSR đã từng là Thành viên HĐQT PVOIL từ tháng 08/2018- đến tháng 04/2023 (*Chi tiết như tại Báo cáo số 79/BC-BSR ngày 04/01/2024 về Báo cáo tình hình quản trị năm 2023 đã được công bố thông tin*)

Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2023 của BSR, đã được công bố thông tin.

6. Hoạt động của BKS

Trong năm 2023, ĐHĐCĐ quyết định tiếp tục bầu chức danh Thành viên Ban kiểm soát đối với ông Hoàng Ngọc Xuân sau khi đã hết nhiệm kỳ 5 năm và quyết định giữ nguyên vị trí Trưởng Ban kiểm soát đối với ông Hoàng Đình Nhật và bà Vũ Lan Phương chức danh Thành viên (kiêm nhiệm) Ban kiểm soát Công ty.

Hoạt động của BKS được thực hiện theo nguyên tắc tập thể, phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát; các thành viên BKS cùng chịu trách nhiệm chung đối với các nội dung thuộc thẩm quyền của BKS. Đồng thời BKS cũng phân công các Thành viên trong BKS thực hiện công tác theo dõi, giám sát theo lĩnh vực phù hợp với năng lực và sở trường của từng thành viên để nâng cao hiệu quả giám sát.

Ban kiểm soát BSR hiện nay gồm có 03 thành viên, các Thành viên ban kiểm soát thực hiện chức trách, nhiệm vụ dựa trên sự phân công công việc cụ thể như sau:

- Ông Hoàng Đình Nhật - Trưởng BKS

- Phụ trách chung trong việc điều hành hoạt động của BKS.
- Xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát trong năm và tổ chức triển khai thực hiện.
- Kiểm tra, giám sát việc chấp hành quy định Nhà nước, điều lệ Công ty, việc thực hiện các Nghị quyết, Quyết định và tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh Công ty.
- Kiểm tra, giám sát công tác và đánh giá hiệu lực, hiệu quả hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro của Công ty.
- Xem xét, đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC hàng năm trình ĐHĐCĐ phê duyệt.



- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ Công ty.
- **Ông Hoàng Ngọc Xuân – Thành viên BKS:**
 - Kiểm tra các hoạt động liên quan đến công tác tài chính, định mức kinh tế và các hoạt động của Ban Tài chính Kế toán Công ty.
 - Xem xét, thẩm định các báo cáo tài chính.
 - Giám sát việc sử dụng, quản lý và bảo toàn vốn tại Công ty
 - Tham gia xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện chương trình kiểm tra, giám sát trong năm.
 - Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ Công ty.
- **Bà Vũ Lan Phương – Thành viên BKS không chuyên trách**
 - Giám sát công tác triển khai dự án Nâng cấp mở rộng NMLD Dung Quất.
 - Tham gia xây dựng kế hoạch hoạt động trong năm.
 - Giám sát công tác liên quan đến chế độ, chính sách, tiền lương và thù lao của của Công ty
 - Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ Công ty.

Trong năm 2023, BKS đã thực hiện công tác kiểm tra, giám sát hoạt động dựa trên kế hoạch hoạt động đã được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023, tập trung chủ yếu vào các vấn đề sau:

- Việc chấp hành điều lệ Công ty, các Nghị Quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT và các quy định của Công ty;
- Công tác xây dựng và hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ, hệ thống quản lý rủi ro của Công ty.
- Tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh 2023; tình hình sử dụng và bảo toàn vốn; việc thực hiện biện pháp tiết kiệm/tiết giảm chi phí; công tác quản trị danh mục đầu tư; thẩm định các báo cáo tài chính.
- Kiểm tra, giám sát hoạt động của các công ty con, công ty liên kết và việc bảo toàn vốn đầu tư của Công ty Công tác đầu tư vốn của Công ty tại các công ty này.
- Phối hợp với các đoàn kiểm tra giám sát của Nhà nước và các bên liên quan trong công tác giám sát công tác quản lý, hoạt động sản xuất kinh doanh.

Công tác kiểm tra, giám sát được thực hiện thông qua việc xem xét, đánh giá các báo cáo thường xuyên, định kỳ và đột xuất của các đơn vị, phòng ban về hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty; kiểm tra trực tiếp theo chuyên đề đối với các hoạt động của các đơn vị/phòng ban; phối hợp giám sát cùng các đoàn kiểm tra thanh tra, kiểm tra, của đơn vị cấp trên; tham gia các cuộc họp của HĐQT, cuộc họp giao ban và các cuộc họp khác của Công ty, Qua đó, BKS đã có những trao đổi, đề xuất, kiến nghị đề HĐQT, TGD Công ty xem xét triển khai thực hiện nhằm đảm bảo tuân thủ các quy định liên quan và tối đa lợi ích của Công ty. Các nội dung, ý kiến, kiến nghị của các thành viên trong BKS được gửi cho Ban điều hành Công ty thông qua các cuộc họp, trao đổi hàng ngày, báo cáo hàng quý và báo cáo thẩm định báo cáo tài chính để xem xét triển khai thực hiện.



Đánh giá: Các thành viên của BKS đã cơ bản thực hiện tốt vai trò chức trách của mình theo quy định và đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ đã phân công, cụ thể như sau:

1	Ông: Hoàng Đình Nhật	Trưởng Ban Kiểm soát	Hoàn thành tốt nhiệm vụ
2	Ông: Hoàng Ngọc Xuân	Thành viên Ban Kiểm soát	Hoàn thành tốt nhiệm vụ
3	Bà: Vũ Lan Phương	Thành viên Ban Kiểm soát (Kiêm nhiệm)	Hoàn thành tốt nhiệm vụ

Tổng kết các cuộc họp và các kết luận, kiến nghị Ban kiểm soát trong năm 2023

Trong năm 2023, Ban Kiểm soát đã tổ chức các cuộc họp để thống nhất trao đổi các nội dung liên quan đến phân công nhiệm vụ, công tác giám sát và một số điểm lưu ý trong hoạt động SXKD của Công ty, cụ thể nội dung chính như sau:

- Công tác kiểm tra giám sát phải được thực hiện có trọng tâm và dựa trên các hạng mục công việc quan trọng, các rủi ro trọng yếu và việc tuân thủ các quy định liên quan trong quá trình hoạt động của Công ty;

- Xem xét một số nội dung liên quan đến việc thực hiện các nhiệm vụ do ĐHĐCĐ đã giao và cập nhật công tác kiểm tra giám sát và thực hiện kế hoạch giám sát năm 2023 đã được ĐHĐCĐ thông qua; Ban KS thực hiện giám sát, theo dõi, đôn đốc việc xây dựng hệ thống quản lý rủi ro; xây dựng chiến lược phát triển công ty đến 2030 và tầm nhìn 2045; hoàn thiện hệ thống ERP...

- Đôn đốc việc thực hiện công tác quyết toán cổ phần hóa; việc cập nhật một số nội dung trong quy chế kinh doanh sản phẩm để phù hợp với thực tế SXKD; tối ưu công tác quản trị dòng tiền, thu hồi công nợ...

- Tình hình thực hiện chuẩn hóa, cập nhật quy chế của Công ty để phù hợp với tình hình thực tế và các thay đổi của quy định pháp luật; Chuẩn bị báo cáo kết quả hoạt động năm 2023 và kế hoạch 2024 báo cáo cổ đông.

Một số kết luận và kiến nghị trong năm 2023:

Trên cơ sở chương trình thực hiện kiểm tra, giám sát thường xuyên/chuyên đề và tham gia các cuộc họp của Công ty, Ban KS đã đưa ra các ý kiến, kiến nghị trực tiếp cũng như gián tiếp thông qua các cuộc họp, trao đổi, báo cáo giám sát với HĐQT/TGD, trong đó có một số điểm chính như sau:

- Trong năm 2023, tình hình thế giới tiếp tục là một năm biến động khó lường về kinh tế cũng như địa chính trị phức tạp dẫn đến giá dầu, mức chênh lệch giữa giá sản phẩm và giá dầu thô thay đổi khó dự báo, Công ty cần tiếp tục linh hoạt trong điều hành và đổi mới sáng tạo trong phương án kinh doanh để tiếp tục nâng cao hiệu quả cao nhất trong SXKD;

- HĐQT đã có Quyết định số 2563/QĐ-BSR ngày 04/04/2023 về việc tối ưu thời điểm thực hiện bảo dưỡng tổng thể lần 5 Nhà máy lọc dầu Dung Quất, Ban TGD cần triển khai các giải pháp quản trị rủi ro đảm bảo an toàn vận hành nhà máy. Bên cạnh đó cần rà soát lại phương án triển khai TA5 phù hợp với tình hình cụ thể theo thực tế thời gian tối ưu và phạm vi công việc sau khi tối ưu. Hoàn thiện công tác mua sắm và lựa chọn nhà thầu thực hiện TA5 sớm để chủ động triển khai TA5 khi dừng theo kế hoạch hoặc dừng bất thường;



- Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án NCMR tại Quyết định số 482/QĐ-TTg ngày 05/05/2023 với dự kiến đưa dự án đi vào vận hành trong Quý I năm 2028, đây là mốc tiến độ rất thách thức trong khi các bước triển khai dự án phức tạp, vì vậy HĐQT/TGD cần có các phương án, giải pháp và bố trí nguồn lực phù hợp để triển khai đầy nhanh tiến độ.

- Tại ngày 31/12/2023, các khoản tương đương tiền của Công ty bao gồm 2.735 tỷ đồng là tiền gửi tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương - Chi nhánh Quảng Ngãi đang bị tạm dừng giao dịch. Công ty cần tiếp tục làm việc với các cơ quan thẩm quyền để giải tỏa khoản để tăng khả năng thanh khoản cũng như phục vụ cho các dự án quan trọng của Công ty.

- Tiếp tục có các giải pháp quyết liệt để đẩy nhanh và triển khai các dự án đầu tư bao gồm cả dự án Nâng cấp mở rộng và các dự án khác nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động cũng như đảm bảo an ninh, an toàn Nhà máy.

- Hoàn thiện việc xây dựng hệ thống quản lý rủi ro, hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp (ERP) để áp dụng trực tiếp vào thực tế quản lý điều hành; đẩy nhanh việc thực hiện xây dựng chiến lược phát triển công ty đến 2030 và tầm nhìn 2045 để làm định hướng cho việc triển khai các công việc liên quan.

- Chỉ đạo người đại diện tại BSR-BF khẩn trương hoàn thiện các thủ tục liên quan theo quy định để thực hiện tuyên bố phá sản đối với Công ty cổ phần nhiên liệu dầu sinh học dầu khí Miền Trung (BSR-BF).

- Ngoài ra còn một số khuyến nghị, trao đổi khác liên quan đến các hoạt động thường ngày và khuyến nghị thông qua các đợt kiểm tra chuyên đề, Ban KS đã trao đổi trực tiếp với HĐQT/TGD để xem xét chỉ đạo các bộ phận/phòng ban liên quan tiếp tục cải tiến hệ thống kiểm soát nội bộ, hệ thống quản lý rủi ro ...đảm bảo tuân thủ các quy định liên quan và tối ưu hóa trong quá trình SXKD.

Đánh giá chung: Đối với các kiến nghị của Ban Kiểm soát, HĐQT/TGD đã tiếp thu và có các giải pháp để xử lý các kiến nghị đã nêu trong các báo cáo hàng tháng/quý và theo yêu cầu.

7. Thù lao, chi phí hoạt động, các lợi ích khác của BKS và của từng thành viên trong BKS

Các thành viên BKS làm việc tại Công ty, được sử dụng cơ sở vật chất, phòng làm việc, các tiện ích, phương tiện di chuyển, công cụ, dụng cụ làm việc và thực hiện các chế độ công tác, đào tạo... theo các quy định hiện hành của Công ty về các định mức chi phí hành chính và các trang thiết bị, chế độ công tác phí,... Chi phí hoạt động của BKS được hạch toán theo quy định vào chi phí quản lý chung của Công ty.

Chi tiết thù lao của Ban KS được tổng hợp và thể hiện trong Tờ trình thông qua báo cáo thực hiện tiền lương, thù lao và tiền thưởng năm 2023 và kế hoạch năm 2024 của HĐQT và Ban kiểm soát, Báo cáo tài chính năm 2023 được kiểm toán và Báo cáo thường niên năm 2023.

Phần B: Kế hoạch hoạt động của BKS năm 2024

Trên cơ sở tình hình hoạt động năm 2023 và kế hoạch năm 2024 của Công ty, Ban kiểm soát kính trình kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát như sau:

BKS tiếp tục thực hiện công tác giám sát, kiểm tra định kỳ có trọng tâm và dựa trên rủi ro trọng yếu trong các hoạt động của Công ty. Phối hợp, trao đổi giữa BKS với HĐQT, Ban TGD và các phòng/ban liên quan đảm bảo việc tiếp nhận và xử lý thông tin giữa các bên hiệu quả nhất. Kế hoạch hoạt động trong năm 2024 chủ yếu tập trung vào các nội dung:

- Kiểm tra/giám sát tình hình thực hiện và tuân thủ: Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp, pháp luật Nhà nước...;
- Kiểm tra/giám sát, đánh giá: Tình hình thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024; Tình hình tài chính, cân đối vốn và quản lý dòng tiền, hiệu quả hoạt động và khả năng thanh toán nợ, tình hình quản lý và sử dụng vốn; Bảo toàn và phát triển vốn Chủ sở hữu.
- Kiểm tra, giám sát việc triển khai kế hoạch SXKD hàng quý trong đó tập trung vào việc kiểm soát các điểm quan trọng như: quản lý chi phí, doanh thu, tài sản, lợi nhuận, tồn kho, công tác thoái vốn tại các đơn vị, công tác tái cấu trúc...
- Kiểm tra, đánh giá công tác xây dựng và vận hành các hệ thống quản lý như: đánh giá tính hiệu lực, hiệu quả của Hệ thống kiểm soát nội bộ, hệ thống quản lý rủi ro và việc triển khai xây dựng kiểm toán nội bộ của Công ty.
- Tập trung kiểm tra, giám sát các lĩnh vực/hoạt động có nguy cơ tiềm ẩn rủi ro cao như: công tác đầu tư, công tác mua sắm, kinh doanh dầu thô, sản phẩm và các rủi ro cao thuộc rủi ro cấp công ty dựa trên kết quả đánh giá của hệ thống Quản lý rủi ro Công ty.
- Phối hợp với các đoàn kiểm tra giám sát của Nhà nước và các bên liên quan trong công tác giám sát công tác quản lý, hoạt động sản xuất kinh doanh. Theo dõi giám sát việc thực hiện các khuyến nghị, lưu ý của các đoàn kiểm tra.
- Kiểm tra, xem xét việc ký kết và thực hiện các hợp đồng kinh tế với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT và công bố thông tin về người có liên quan và giao dịch với người có liên quan.
- Kiểm tra công tác thực hiện và tuân thủ các Quy chế, Điều lệ, Quy định của Công ty, trong đó tập trung vào các quy chế quan trọng như: quy chế quản lý nhân sự, quy chế quản lý tài chính, quy chế quản trị danh mục đầu tư...
- Thẩm định báo cáo tài chính sau kiểm toán 6 tháng và năm 2024.
- Đề xuất đại hội đồng cổ đông lựa chọn công ty kiểm toán độc lập.
- Thực hiện các công việc khác theo chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông giao.



Phụ lục 05 - Báo cáo quyết toán quỹ tiền lương, thù lao năm 2023 và phương án quỹ tiền lương, thù lao năm 2024 của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ về việc quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước;

Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 của Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn,

Hội đồng quản trị Công ty báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả thực hiện tiền lương, thù lao năm 2023 và kế hoạch năm 2024 của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn như sau:

I. Tiền lương, thù lao thực hiện năm 2023 của HĐQT, BKS

Căn cứ kế hoạch tiền lương, thù lao và kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023, Công ty đã thực hiện chi trả tiền lương, thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2023 như sau:

STT	Chức danh	Kế hoạch		Thực hiện	
		Số người BQ	Số tiền (đồng)	Số người BQ	Số tiền (đồng)
I	Chuyên trách	7,38	10.857.900.000	7,38	12.486.500.000
1	Chủ tịch Hội đồng quản trị	1,00	1.671.000.000	1,00	1.921.600.000
2	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	1,00	1.650.100.000	1,00	1.897.600.000
3	Thành viên Hội đồng quản trị	3,38	4.946.800.000	3,38	5.688.800.000
4	Trưởng Ban kiểm soát	1,00	1.420.300.000	1,00	1.633.400.000
5	Thành viên Ban Kiểm soát	1,00	1.169.700.000	1,00	1.345.100.000
II	Không chuyên trách (*)	1,00	233.800.000	1,00	269.000.000
1	Thành viên Ban Kiểm soát	1,00	233.800.000	1,00	269.000.000
	Tổng cộng	8,38	11.091.700.000	8,38	12.755.500.000

(*) Ghi chú: Thực tế trong năm 2023, BSR có 01 Thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách (bà Vũ Lan Phương).

II. Kế hoạch tiền lương, thù lao năm 2024 của HĐQT, BKS

Kế hoạch quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng năm 2024 của HĐQT và BKS sẽ được thực hiện theo đúng quy định của Nhà nước (Thông tư số 28/2016/TTBLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty cổ phần, vốn góp chi phối của nhà nước).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.



Phụ lục số 06 - Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

Căn cứ Quyết định số 2710/QĐ-BSR ngày 17/04/2023 của Hội đồng quản trị về việc ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn (Công ty) xem xét thông qua Báo cáo tài chính (BCTC) năm 2023 (bao gồm báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất) đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.

Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023 đã được công bố thông tin theo quy định và đăng tải lên website của Công ty (www.bsr.com.vn) bao gồm:

- Báo cáo của kiểm toán độc lập.
- Bảng cân đối kế toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.
- Báo cáo kết quả hoạt động cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.
- Thuyết minh Báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2023 cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Ngoài ra, trên BCTC riêng và hợp nhất, Kiểm toán nêu ý kiến nhấn mạnh như sau:

Ý kiến nhấn mạnh trên BCTC riêng:

- Như trình bày tại Thuyết minh số 01 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, các cơ quan có thẩm quyền chưa phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại thời điểm Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

Ý kiến nhấn mạnh trên BCTC hợp nhất:

- Như trình bày tại Thuyết minh số 01 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, các cơ quan có thẩm quyền chưa phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại thời điểm Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần.
- Như trình bày tại Thuyết minh số 01 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, ngày 26 tháng 9 năm 2023, Tòa án Nhân dân Thành phố Quảng Ngãi đã ban hành Bản án sơ thẩm chấp thuận một phần yêu cầu khởi kiện của các ngân hàng và buộc Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung (“BSR-BF” – công ty con của Công ty) tiếp tục có nghĩa vụ thanh toán cho các ngân hàng. Ngày 22 tháng 02 năm 2024, BSR-BF cũng đã nộp đơn đến Tòa án Nhân dân tỉnh Quảng Ngãi yêu cầu mở thủ tục phá sản đối với BSR-BF. Tại ngày lập



báo cáo tài chính hợp nhất này, BSR-BF đang chờ quyết định thụ lý của tòa án về việc mở thủ tục phá sản.

Giải trình của Công ty về ý kiến nhấn mạnh:

- Về quyết toán cổ phần hóa: BSR đã hoàn thành công tác xử lý tài chính và quyết toán các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước với cơ quan thuế. Tuy nhiên, các cơ quan có thẩm quyền chưa thực hiện phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại thời điểm Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần.
- Về Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung: Trong năm 2021, các ngân hàng cấp tín dụng cho BSR-BF bao gồm Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương, Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam đã khởi kiện Công ty Cổ phần Nhiên liệu sinh học Dầu khí Miền Trung lên Tòa án Nhân dân Thành phố Quảng Ngãi liên quan đến các khoản vay quá hạn thanh toán hợp đồng tín dụng xây dựng Nhà máy Nhiên liệu Sinh học Dung Quất. Được sự chấp thuận của Hội đồng Quản trị BSR-BF, ngày 22 tháng 02 năm 2024, BSR-BF đã nộp đơn đến Tòa án Nhân dân tỉnh Quảng Ngãi yêu cầu mở thủ tục phá sản đối với BSR-BF. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, BSR-BF đang chờ quyết định thụ lý của tòa án về việc mở thủ tục phá sản.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn xem xét, thông qua Báo cáo tài chính năm 2023 đã kiểm toán như trên.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TV HĐQT;
- Ban kiểm soát;
- Ban TCKT, KSNB;
- Lưu: VT, VP HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2023.
- Báo cáo tài chính riêng kiểm toán năm 2023.



**BINH SON REFINING AND PETROCHEMICAL
JOINT STOCK COMPANY**
(Incorporated in the Socialist Republic of Vietnam)

AUDITED SEPARATE FINANCIAL STATEMENTS

For the year ended 31 December 2023



TABLE OF CONTENTS

<u>CONTENTS</u>	<u>PAGE(S)</u>
STATEMENT OF THE BOARD OF MANAGEMENT	1 - 2
INDEPENDENT AUDITORS' REPORT	3 - 4
BALANCE SHEET	5 - 6
INCOME STATEMENT	7
CASH FLOW STATEMENT	8 - 9
NOTES TO THE SEPARATE FINANCIAL STATEMENTS	10 - 41



BINH SON REFINING AND PETROCHEMICAL JOINT STOCK COMPANY

208 Hung Vuong Avenue, Quang Ngai City
Quang Ngai Province, S.R. Vietnam

STATEMENT OF THE BOARD OF MANAGEMENT

The Board of Management of Binh Son Refining and Petrochemical Joint Stock Company (the "Company") presents this report together with the Company's separate financial statements for the year ended 31 December 2023.

BOARDS OF DIRECTORS AND MANAGEMENT

The members of the Boards of Directors and Management of the Company during the year and to the date of this report are as follows:

Board of Directors

Mr. Nguyen Van Hoi	Chairman
Mr. Bui Ngoc Duong	Member
Mr. Ha Dong	Member
Mr. Khuong Le Thanh	Member
Mr. Hang Anh Minh	Independent Member (Appointed on 13 April 2023)
Mr. Nguyen Ba Phuoc	Independent Member (Resigned on 13 April 2023)
Mr. Nguyen Hai Au	Independent Member (Resigned on 13 April 2023)

Board of Management

Mr. Bui Ngoc Duong	Chief Executive Officer
Mr. Nghiem Duc Duong	Executive Officer
Mr. Nguyen Viet Thang	Executive Officer
Mr. Pham Minh Nghia	Executive Officer
Mr. Mai Tuan Dat	Executive Officer
Mr. Tran Thai Bao	Executive Officer (Appointed on 01 August 2023)
Mr. Tran Doan Thinh	Executive Officer (Resigned on 15 August 2023)
Mr. Nguyen Ngoc Anh	Executive Officer (Retired from 01 July 2023)



BOARD OF MANAGEMENT'S STATEMENT OF RESPONSIBILITY

The Board of Management of the Company is responsible for preparing the separate financial statements, which give a true and fair view of the financial position of the Company as at 31 December 2023, and its financial performance and its cash flows for the year then ended, in accordance with Vietnamese Accounting Standards, accounting regime for enterprises and legal regulations relating to financial reporting. In preparing these separate financial statements, the Board of Management is required to:

- Select suitable accounting policies and then apply them consistently;
- Make judgments and estimates that are reasonable and prudent;
- State whether applicable accounting principles have been followed, subject to any material departures disclosed and explained in the separate financial statements;
- Prepare the separate financial statements on the going concern basis unless it is inappropriate to presume that the Company will continue in business; and
- Design and implement an effective internal control system for the purpose of properly preparing and presenting the separate financial statements so as to minimize errors and frauds.

STATEMENT OF THE BOARD OF MANAGEMENT (Continued)

The Board of Management is responsible for ensuring that proper accounting records are kept, which disclose, with reasonable accuracy at any time, the financial position of the Company and that the separate financial statements comply with Vietnamese Accounting Standards, accounting regime for enterprises and legal regulations relating to financial reporting. The Board of Management is also responsible for safeguarding the assets of the Company and hence for taking reasonable steps for the prevention and detection of frauds and other irregularities.

The Board of Management confirms that the Company has complied with the above requirements in preparing these separate financial statements.

For and on behalf of the Board of Management,



Bui Ngoc Duong
Chief Executive Officer

15 March 2024

No.: 0514 /VN1A-HN-BC

INDEPENDENT AUDITORS' REPORT

**To: Shareholders
The Boards of Directors and Management
Binh Son Refining and Petrochemical Joint Stock Company**

We have audited the accompanying separate financial statements of Binh Son Refining and Petrochemical Joint Stock Company (the "Company"), prepared on 15 March 2024 as set out from page 05 to page 41, which comprise the balance sheet as at 31 December 2023, the income statement, the cash flow statement for the year then ended, and a summary of significant accounting policies and other explanatory information.

The Board of Management's Responsibility for the Separate Financial Statements

The Board of Management is responsible for the preparation and fair presentation of these separate financial statements in accordance with Vietnamese Accounting Standards, accounting regime for enterprises and legal regulations relating to financial reporting, and for such internal control as the Board of Management determines is necessary to enable the preparation of the separate financial statements that are free from material misstatement, whether due to fraud or error.

Auditors' Responsibility

Our responsibility is to express an opinion on these separate financial statements based on our audit. We conducted our audit in accordance with Vietnamese Standards on Auditing. Those standards require that we comply with ethical requirements and plan and perform the audit to obtain reasonable assurance about whether the separate financial statements are free from material misstatement.

An audit involves performing procedures to obtain audit evidence about the amounts and disclosures in the separate financial statements. The procedures selected depend on the auditors' judgment, including the assessment of the risks of material misstatement of the separate financial statements, whether due to fraud or error. In making those risk assessments, the auditors consider internal control relevant to the Company's preparation and fair presentation of the separate financial statements in order to design audit procedures that are appropriate in the circumstances, but not for the purpose of expressing an opinion on the effectiveness of the Company's internal control. An audit also includes evaluating the appropriateness of accounting policies used and the reasonableness of accounting estimates made by the Board of Management, as well as evaluating the overall presentation of the separate financial statements.

We believe that the audit evidence we have obtained is sufficient and appropriate to provide a basis for our audit opinion.

DTTL
CÔNG
TH
IÊN
EL
I
B
Y
D
N
J
Y

INDEPENDENT AUDITORS' REPORT (Continued)

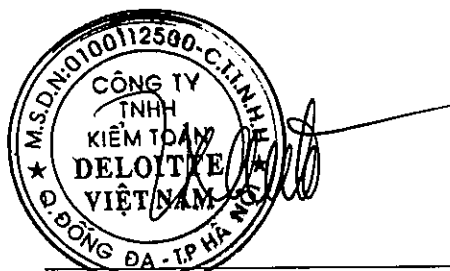
Opinion

In our opinion, the separate financial statements present fairly, in all material respects, the financial position of the Company as at 31 December 2023, and its financial performance and its cash flows for the year then ended in accordance with Vietnamese Accounting Standards, accounting regime for enterprises and legal regulations relating to financial reporting.

Emphasis of Matter

As presented in Note 01 of the Notes to the separate financial statements, at the date of these separate financial statements, the competent authorities have not approved the equitization settlement at the time the Company was officially transformed into a joint stock company.

Our opinion is not modified in respect of this matter.



Tran Xuan Anh
Deputy General Director
Audit Practising Registration Certificate
No. 0723-2023-001-1

DELOITTE VIETNAM AUDIT COMPANY LIMITED

15 March 2024
Hanoi, S.R. Vietnam

Do Trung Kien
Auditor
Audit Practising Registration Certificate
No. 1924-2023-001-1

506
S T
H
IOA
IT
NA
-13



BALANCE SHEET

As at 31 December 2023

Unit: VND

ASSETS	Codes	Notes	Closing balance	Opening balance
A. CURRENT ASSETS	100		68,488,206,172,277	58,272,540,356,765
I. Cash and cash equivalents	110	4	16,942,605,931,887	22,818,044,778,395
1. Cash	111		657,976,236,378	233,415,082,886
2. Cash equivalents	112		16,284,629,695,509	22,584,629,695,509
II. Short-term financial investments	120	5	21,052,000,000,000	2,102,000,000,000
1. Held-to-maturity investments	123		21,052,000,000,000	2,102,000,000,000
III. Short-term receivables	130		14,916,418,745,417	16,496,181,102,251
1. Short-term trade receivables	131	6	13,995,245,626,384	16,091,370,819,920
2. Short-term advances to suppliers	132	7	492,265,987,439	302,287,929,458
3. Other short-term receivables	136	8	428,905,895,961	102,521,117,240
4. Deficits in assets awaiting solution	139		1,235,633	1,235,633
IV. Inventories	140	9	15,509,872,841,404	16,777,843,394,311
1. Inventories	141		15,631,838,543,754	16,920,979,191,362
2. Provision for devaluation of inventories	149		(121,965,702,350)	(143,135,797,051)
V. Other short-term assets	150		67,308,653,569	78,471,081,808
1. Short-term prepayments	151	10	65,023,973,968	76,257,861,042
2. Taxes and other receivables from the State budget	153	16	2,284,679,601	2,213,220,766
B. NON-CURRENT ASSETS	200		16,933,112,957,051	18,953,919,517,486
I. Long-term receivables	210		548,632,960,657	534,035,547,749
1. Long-term advances to suppliers	212	7	548,106,960,657	533,509,547,749
2. Other long-term receivables	216	8	526,000,000	526,000,000
II. Fixed assets	220		14,950,301,214,872	16,872,732,761,974
1. Tangible fixed assets	221	11	14,705,793,551,562	16,682,542,539,247
- Cost	222		45,693,423,205,641	45,566,877,694,970
- Accumulated depreciation	223		(30,987,629,654,079)	(28,884,335,155,723)
2. Intangible assets	227	12	244,507,663,310	190,190,222,727
- Cost	228		974,382,631,134	842,092,265,122
- Accumulated amortisation	229		(729,874,967,824)	(651,902,042,395)
III. Long-term assets in progress	240		1,193,199,991,585	1,272,544,835,017
1. Construction in progress	242	13	1,193,199,991,585	1,272,544,835,017
IV. Long-term financial investments	250	5	155,644,067,731	155,850,623,431
1. Investments in subsidiaries	251		351,664,874,292	351,664,874,292
2. Equity investments in other entities	253		11,244,000,000	11,244,000,000
3. Provision for impairment of long-term financial investments	254		(207,264,806,561)	(207,058,250,861)
V. Other long-term assets	260		85,334,722,206	118,755,749,315
1. Long-term prepayments	261	10	75,592,280,833	99,200,453,882
2. Deferred tax assets	262		9,742,441,373	19,555,295,433
TOTAL ASSETS (270=100+200)	270		85,421,319,129,328	77,226,459,874,251

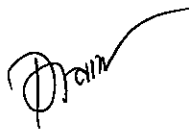
The accompanying notes are an integral part of these separate financial statements

BALANCE SHEET (Continued)

As at 31 December 2023

Unit: VND

RESOURCES	Codes	Notes	Closing balance	Opening balance
C. LIABILITIES	300		27,732,559,430,766	25,788,902,614,117
I. Current liabilities	310		26,859,009,998,843	24,517,176,013,585
1. Short-term trade payables	311	14	14,622,421,061,123	14,848,803,547,934
2. Short-term advances from customers	312	15	246,651,104,570	37,828,021,016
3. Taxes and amounts payable to the State budget	313	16	1,609,656,456,286	1,390,983,310,491
4. Payables to employees	314		226,325,237,339	220,236,336,172
5. Short-term accrued expenses	315	17	146,710,236,501	53,838,820,122
6. Other current payables	319	18	52,145,593,427	29,120,713,001
7. Short-term loans and obligations under finance leases	320	19	9,843,164,683,248	7,834,698,760,000
8. Bonus and welfare funds	322		111,935,626,349	101,666,504,849
II. Long-term liabilities	330		873,549,431,923	1,271,726,600,532
1. Scientific and technological development fund	343	20	873,549,431,923	1,271,726,600,532
D. EQUITY	400		57,688,759,698,562	51,437,557,260,134
I. Owners' equity	410	21	57,688,759,698,562	51,437,557,260,134
1. Owners' contributed capital	411		31,004,996,160,000	31,004,996,160,000
- Ordinary shares carrying voting rights	411a		31,004,996,160,000	31,004,996,160,000
2. Investment and development fund	418		10,047,192,543,614	5,596,320,305,105
3. Retained earnings	421		16,636,570,994,948	14,836,240,795,029
- Retained earnings accumulated to the prior year end	421a		7,881,456,525,320	-
- Retained earnings of the current year	421b		8,755,114,469,628	14,836,240,795,029
TOTAL RESOURCES (440=300+400)	440		85,421,319,129,328	77,226,459,874,251



Le Thi Hong Tram
Preparer



Bach Duc Long
Chief Accountant



Bui Ngoc Duong
Chief Executive Officer

15 March 2024

The accompanying notes are an integral part of these separate financial statements

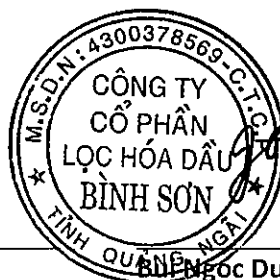
INCOME STATEMENT
 For the year ended 31 December 2023

Unit: VND

ITEMS	Codes	Notes	Current year	Prior year
1. Gross revenue from goods sold and services rendered	01	24	147,381,684,099,848	167,057,872,122,547
2. Deductions	02	24	-	3,109,915,557
3. Net revenue from goods sold and services rendered (10=01-02)	10	24	147,381,684,099,848	167,054,762,206,990
4. Cost of sales	11	25	137,565,521,429,176	150,890,770,221,298
5. Gross profit from goods sold and services rendered (20=10-11)	20		9,816,162,670,672	16,163,991,985,692
6. Financial income	21	27	2,651,918,583,330	1,755,581,121,291
7. Financial expenses	22	28	1,054,716,953,170	822,386,536,282
- In which: Interest expense	23		226,783,783,403	194,601,869,302
8. Selling expenses	25	29	1,027,620,437,609	914,030,757,052
9. General and administration expenses	26	29	623,719,877,748	516,388,410,565
10. Operating profit (30=20+(21-22)-(25+26))	30		9,762,023,985,475	15,666,767,403,084
11. Other income	31	30	39,634,745,757	84,576,579,292
12. Other expenses	32		1,159,349,678	844,312,465
13. Profit from other activities (40=31-32)	40		38,475,396,079	83,732,266,827
14. Accounting profit before tax (50=30+40)	50		9,800,499,381,554	15,750,499,669,911
15. Current corporate income tax expense	51	31	1,035,572,057,866	888,185,147,639
16. Deferred corporate tax expense	52	31	9,812,854,060	26,073,727,243
17. Net profit after corporate income tax (60=50-51-52)	60		8,755,114,469,628	14,836,240,795,029

Le Thi Hong Tram
Preparer

Bach Duc Long
Chief Accountant



Bach Duc Duong
Chief Executive Officer

15 March 2024

The accompanying notes are an integral part of these separate financial statements



CASH FLOW STATEMENT
For the year ended 31 December 2023

Unit: VND

ITEMS	Codes	Current year	Prior year
I. CASH FLOWS FROM OPERATING ACTIVITIES			
1. Profit before tax	01	9,800,499,381,554	15,750,499,669,911
2. Adjustments for:			
Depreciation and amortisation of fixed assets	02	2,186,462,697,180	2,107,077,881,612
Provisions	03	(20,963,539,001)	126,443,274,413
Foreign exchange gain arising from translating foreign currency items	04	(909,139,682,999)	(363,825,470,103)
Gain from investing activities	05	(1,600,200,295,146)	(912,491,877,602)
Interest expense	06	226,783,783,403	194,601,869,302
3. Operating profit before movements in working capital	08	9,683,442,344,991	16,902,305,347,533
Decrease/(increase) in receivables	09	1,876,283,651,157	(2,905,449,365,667)
Decrease/(increase) in inventories	10	1,289,140,647,608	(6,576,503,757,657)
Increases in payables (excluding accrued loan interest and corporate income tax payable)	11	577,424,498,305	892,024,140,368
Decreases in prepaid expenses	12	34,842,060,123	183,567,642,523
Interest paid	14	(233,795,120,018)	(199,126,404,950)
Corporate income tax paid	15	(884,319,496,145)	(916,282,262,146)
Other cash inflows	16	-	728,860,000
Other cash outflows	17	(721,470,347,109)	(266,125,986,161)
Net cash generated by operating activities	20	11,621,548,238,912	7,115,138,213,843
II. CASH FLOWS FROM INVESTING ACTIVITIES			
1. Acquisition and construction of fixed assets and other long-term assets	21	(227,028,651,985)	(219,470,122,688)
2. Proceeds from sale, disposal of fixed assets and other long-term assets	22	737,000,000	-
3. Cash outflow for lending, buying debt instruments of other entities	23	(29,752,000,000,000)	(7,800,000,000,000)
4. Cash recovered from lending, selling debt instruments of other entities	24	10,802,000,000,000	9,801,233,211,240
5. Interest earned, dividends and profits received	27	1,305,927,134,428	902,671,568,036
Net cash (used in)/generated by investing activities	30	(17,870,364,517,557)	2,684,434,656,588

The accompanying notes are an integral part of these separate financial statements

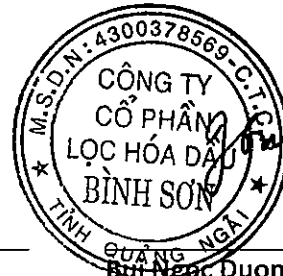
CASH FLOW STATEMENT (Continued)
 For the year ended 31 December 2023

Unit: VND

ITEMS	Codes	Current year	Prior year
III. CASH FLOWS FROM FINANCING ACTIVITIES			
1. Proceeds from borrowings	33	95,370,377,675,905	77,920,652,009,029
2. Repayment of borrowings	34	(93,359,413,272,657)	(79,860,258,019,843)
3. Dividends and profits paid	36	(2,162,353,775,085)	(1,344,916,967,679)
Net cash used in financing activities	40	(151,389,371,837)	(3,284,522,978,493)
Net (decrease)/increase in cash (50=20+30+40)	50	(6,400,205,650,482)	6,515,049,891,938
Cash and cash equivalents at the beginning of the year	60	22,818,044,778,395	16,314,076,389,628
Effects of changes in foreign exchange rates	61	524,766,803,974	(11,081,503,171)
Cash and cash equivalents at the end of the year (70=50+60+61)	70	16,942,605,931,887	22,818,044,778,395

Le Thi Hong Tram
Preparer

Bach Duc Long
Chief Accountant



Bach Ngoc Duong
Chief Executive Officer

15 March 2024

The accompanying notes are an integral part of these separate financial statements



NOTES TO THE SEPARATE FINANCIAL STATEMENTS

These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying separate financial statements

1. GENERAL INFORMATION**Structure of ownership**

Binh Son Refining and Petrochemical Joint Stock Company (the "Company") was formerly known as Binh Son Refining and Petrochemical Company Limited (a subsidiary of which Vietnam Oil and Gas Group holds 100% charter capital, was incorporated in Vietnam under the first Business Registration Certificate No. 3404000189 dated 05 June 2008).

The Company transformed its model into a joint stock company in accordance with Decision No. 1978/QĐ-TTg dated 08 December 2017 of the Prime Minister on approving the equitization plan of Binh Son Refining and Petrochemical Company Limited. The Company completed its initial public offering on 17 January 2018 and had its shares officially listed on UPCOM with the stock code of BSR. The first trading date was 01 March 2018.

Binh Son Refining and Petrochemical Company Limited was officially transformed into a joint stock company from 01 July 2018 with charter capital of VND 31,004,996,160,000 according to the 12th amended Enterprise Registration Certificate dated 01 July 2018 issued by Quang Ngai Department of Planning and Investment and its amendments.

The parent company of the Company is Vietnam Oil and Gas Group.

The number of employees of the Company as at 31 December 2023 was 1,531 (as at 31 December 2022: 1,510).

Operating industry and principal activities

Under the Business Registration Certificate, the operating industry of the Company comprises:

- Producing, processing, trading, importing-exporting, storing, transporting, distributing petroleum, products made from petroleum, intermediate products, bio-fuel, chemical products, additives, catalyst, fuels, materials for refining and petrochemical industry;
- Repairing and maintaining machinery and equipment in refining and petrochemical industry;
- Supervising construction for civil and industrial purposes; supervising installation of equipment of constructions; completing petroleum pipelines and petroleum storage warehouses;
- Providing human-resources training services and services of hiring and providing experts in management, operation, maintenance and repairing in refining and petrochemical industry and port services; scientific research, applications and repairing in refining and petrochemical industry;
- Providing services related to producing, processing, trading, importing-exporting, storing, transporting, distributing petroleum, products made from petroleum, intermediate products, bio-fuel, chemical products, additives, catalyst, machinery, equipment, spare parts, facilities and raw materials for refining and petrochemical industry;
- Providing analysis services for crude oil, petroleum products, chemical products, additives, catalyst, bio-fuel for refining and petrochemical industry;
- Providing port and seaport services for refining and petrochemical industry;
- Investing and developing refining and petrochemical projects and bio-fuel projects locally and internationally.

Normal production and business cycle

The Company's normal production and business cycle is carried out for a time period of 12 months or less.

Characteristics of the business activities in the fiscal year which have impact on the separate financial statements

According to Decision No. 7330/QD-BSR dated 28 December 2023 of the Board of Directors, the Company has established a branch of Binh Son Refining and Petrochemical Joint Stock Company in Hanoi with the main operating industry of wholesale of solid, liquid, gaseous fuels and related products.

The branch officially operates from 04 January 2024 under the Operation Registration Certificate No. 4300378569-002 dated 04 January 2024.

The Company's structure

As at 31 December 2023, the Company has 01 dependent accounting unit which is the Project Management Board of Dung Quat Oil Refinery Plant Upgrading and Expansion, located in Dung Quat Oil Refinery Plant, Dung Quat Economic Zone, Binh Thuan and Binh Tri communes, Binh Son district, Quang Ngai province, with the main function of investment in upgrading and expanding Dung Quat Oil Refinery.

As at 31 December 2023, the Company has two subsidiaries as follows:

	Place of incorporation and operation	Proportion of ownership interest	Proportion of voting power held	Investment value as at 31 December 2023 (*)	Principal activities
PetroVietnam Building and Commercial Joint Stock Company	Quang Ngai	83.26%	83.26%	145,892,845,365	Packaging production, housing management and providing services for residential and urban areas
PetroVietnam Central Biofuels Joint Stock Company	Quang Ngai	65.54%	61.00%	205,772,028,927	Production and import of biofuel products

(*) The investment value as at 31 December 2023 was determined by the cost less its impairment as at 30 June 2018 (Note 5).

Disclosure of information comparability in the separate financial statements

Comparative figures are the figures of the audited separate financial statements for the year ended 31 December 2022.

Equitization settlement

At the date of these separate financial statements, the competent authorities have not approved the equitization settlement at the time the Company was officially transformed into a joint stock company.

CHẾ ĐỘ
 TÀI CHÍNH
 VÀ
 THUẾ



2. ACCOUNTING CONVENTION AND FINANCIAL YEAR

Accounting convention

The accompanying separate financial statements, expressed in Vietnam Dong (VND), are prepared under the historical cost convention and in accordance with Vietnamese Accounting Standards, accounting regime for enterprises and legal regulations relating to financial reporting.

The accompanying separate financial statements are not intended to present the financial position, results of operations and cash flows in accordance with accounting principles and practices generally accepted in countries and jurisdictions other than Vietnam.

Financial year

The Company's financial year begins on 01 January and ends on 31 December.

3. SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES

The significant accounting policies, which have been adopted by the Company in the preparation of these separate financial statements, are as follows:

Estimates

The preparation of separate financial statements in conformity with Vietnamese Accounting Standards, accounting regime for enterprises and legal regulations relating to financial reporting requires the Board of Management to make estimates and assumptions that affect the reported amounts of assets, liabilities and disclosures of contingent assets and liabilities at the date of the separate financial statements and the reported amounts of revenues and expenses during the financial year. Although these accounting estimates are based on the Board of Management's best knowledge, actual results may differ from those estimates.

Cash and cash equivalents

Cash and cash equivalents comprise cash on hand, demand deposits and short-term, highly liquid investments (not exceeding 3 months) that are readily convertible to known amounts of cash and which are subject to an insignificant risk of changes in value.

Financial investments

Held-to-maturity investments

Held-to-maturity investments comprise investments that the Company has the positive intent or ability to hold to maturity, including term deposits held to maturity to earn periodic interest.

Held-to-maturity investments are recognised on a trade date basis and are initially measured at acquisition price plus directly attributable transaction costs. Post-acquisition interest income from held-to-maturity investments is recognised in the income statement on accrual basis. Pre-acquisition interest is deducted from the cost of such investments at the acquisition date.

Held-to-maturity investments are measured at cost less provision for doubtful debts.

Provision for doubtful debts relating to held-to-maturity investments is made in accordance with prevailing accounting regulations.

Investments in subsidiaries

A subsidiary is an entity over which the Company has control. Control is achieved where the Company has the power to govern the financial and operating policies of an investee enterprise so as to obtain benefits from its activities.

Equity investments in other entities

Equity investments in other entities represent the Company's investments in ordinary shares of the entities over which the Company has no control, joint control, or significant influence.

Investments in subsidiaries and equity investments in other entities are initially recognized at cost. The Company's share of the net profit of the investees after acquisition is recognized in the income statement. Other distribution received other than such profit share are deducted from the cost of the investments as recoverable amounts.

Investments in subsidiaries and equity investments in other entities are carried in the balance sheet at cost less provision for impairment of such investments. Provisions for impairment of such investments are made when there is reliable evidence for declining in value of these investments at the balance sheet date.

Receivables

Receivables represent the amounts recoverable from customers or other debtors and are stated at book value less provision for doubtful debts.

Provision for doubtful debts is made for receivables that are overdue for six months or more, or when the debtor is in dissolution, in bankruptcy, or is experiencing similar difficulties and so may be unable to repay the debt.

Inventories

Inventories are stated at the lower of cost and net realizable value. Cost comprises direct materials and where applicable, direct labor costs and those overheads that have been incurred in bringing the inventories to their present location and condition. Cost is calculated using the weighted average method.

The Company applies perpetual method to account for inventories.

The monthly production cost of each type of petrol and oil products is determined as follows: The cost of raw materials is determined by the actual materials consumed for each product; labor costs and overhead costs are allocated based on the cost of materials attributable to each product.

The cost of work in progress at the end of each month is determined by the degree of completion of the work in progress.

The evaluation of necessary provision for inventory obsolescence follows the prevailing accounting regulations which allow provisions to be made for obsolete, damaged, or sub-standard inventories and for those which have costs higher than net realizable values as at the balance sheet date.

Net realizable value represents the estimated selling price less all estimated costs to completion and costs to be incurred in marketing, selling and distribution.

Net realizable value of inventories which are refined and petrochemical products and crude oil is determined as follows:

- Refined and petrochemical products: the Company determines net realizable value based on the estimated selling price less the costs to be incurred in marketing, selling and distribution.
- Work in progress in respect of refined and petrochemical products: the Company determines net realizable value based on converting work in progress to equivalent finished goods and its estimated selling price less all estimated costs to completion and costs to be incurred in marketing, selling and distribution.
- Crude oil: According to the guidance of Official Letter No. 2801/BTC-CDKT dated 02 March 2016 of the Ministry of Finance on accounting of inventories, in the case crude oil in stock has cost higher than net realizable value and selling prices of products made from crude oil decrease at the provision-making time, the Company shall make provision for devaluation of crude oil based on its net realizable value (estimated selling prices of crude oil).

Prepayments

Prepayments are expenses which have already been paid but relate to results of operations of multiple accounting periods. Prepaid expenses represent the cost of personal insurance, property-risk insurance, chemicals used and other types of prepayments.

Prepaid expenses relating personal insurance, property-risk insurance are allocated to the income statement using straight-line method in accordance with insurance period.

The cost of chemicals used is the cost of chemical batches for continuous catalytic reforming (CCR) to be allocated using straight-line method corresponding to their usage time.

Other types of prepayments comprise costs of small tools, supplies and spare parts issued for consumption, renovation expenses and other expenses which are expected to provide future economic benefits to the Company. These expenditures have been capitalized as prepayments, and are allocated to the income statement using the straight-line method in accordance with the prevailing accounting regulations.

Tangible fixed assets and depreciation

Tangible fixed assets are stated at cost less accumulated depreciation.

The costs of purchased tangible fixed assets comprise their purchase prices and any directly attributable costs of bringing the assets to their working conditions and locations for their intended use. The costs of self-constructed or manufactured assets are the actual construction or manufacturing cost plus installation and test running costs.

The costs of tangible fixed assets formed from construction investment by contractual mode or self- construction or self-generating process are the settled costs of the invested construction projects in accordance with the prevailing State's regulations on investment and construction management, directly related expenses and registration fee (if any). In the event the construction project has been completed and put into use but the settled cost thereof has not been approved, the cost of tangible fixed assets is recognized at the estimated cost based on the actual cost incurred. The estimated cost will be adjusted according to the settled costs approved by the Board of Directors or the Board of Management based on decentralization of authority.

Tangible fixed assets are depreciated using the straight-line method over their estimated useful lives, details are as follows:

	<u>Years</u>
Buildings and structures	5 - 50
Machinery and equipment	3 - 20
<i>In which: machinery and equipment in refinery and petrochemical industry</i>	<i>10 - 20</i>
Motor vehicles and transmission equipment	6 - 25
Office equipment	3 - 8
Other tangible fixed assets	4 - 5

In accordance with Decision No. 952/QĐ-TTg issued by the Prime Minister on 26 July 2012 ("Decision 952") concerning certain financial regulations of Binh Son Refining and Petrochemical Company Limited (currently known as Binh Son Refining and Petrochemical Joint Stock Company), the Company is allowed to depreciate fixed assets for the main equipment of Dung Quat Oil Refinery Plant over a maximum period of 20 years.

According to Official Letter No. 18327/BTC-CDKT dated 26 December 2016 of the Ministry of Finance on the accounting of inventories, for the purpose of financial reporting, the Company is allowed to recognize the net book value of fixed inventories as at 31 December 2015 to the historical cost of fixed assets. The provision for devaluation of inventories made up to 2016 will be reversed as regulated. Regarding provision amount and time of provision-making, the Company charges depreciation of the Plant based on the value which includes the value of fixed inventories maintained in pipelines as determined above from 01 January 2016 according to the remaining useful lives of the fixed asset (machinery and equipment for refinery and petrochemical industry).

Based on the fixed volume of inventory as crude oil, intermediate products and finished products fixed in the pipeline, equipment and tanks of the Company according to the fixed inventory assessment certificate No. 17631001 dated 12 January 2017 provided by Vietnam Energy Inspection Corporation, the Company determined the value of fixed inventories which were added to cost of fixed assets at their book values as at 31 December 2015 with an amount of approximately VND 1,007 billion and recognized a decrease in the value of inventories with the same amount. The adjustment and accounting for inventories as above were approved by the Board of Members of Binh Son Refining and Petrochemical Company Limited in Decision No. 905/QĐ-BSR dated 17 March 2017. The Company inherits and continues to monitor the above fixed inventory value.

Loss or gain resulting from sales and disposals of tangible fixed assets is the difference between profit from sales or disposals of assets and their residual values and is recognized in the income statement.

NH
 NH
 M
 C
 T
 /
 Đ
 H



Intangible assets and amortization

Intangible assets are stated at cost less accumulated amortization.

The costs of intangible assets comprise their purchase prices and any directly attributable costs of bringing the assets to their working conditions for their intended use.

Intangible assets are amortized using the straight-line method over their estimated useful lives, details are as follows:

	<u>Years</u>
Patents and copyrights	15
Computer software	3
Other intangible assets	6

Construction in progress

Properties in the course of construction for production, rental and administrative purposes or for other purposes are carried at cost. The cost includes any costs that are necessary to form the asset including construction cost, equipment cost, other directly attributable costs in accordance with the Company's accounting policies. Such costs will be included in the estimated costs of the fixed assets (if settled costs have not been approved) when they are put into use.

According to the State's regulations on investment and construction management, the settled costs of completed construction projects are subject to approval by appropriate level of competent authorities. The final costs of these completed construction projects may vary depending on the final approval by competent authorities.

Accrued expenses

Accrued expenses include accrued interest expense and other accrued expenses which have not been paid but have already been estimated and are recorded as expenses in the year.

Interest expenses are recognized based on loan principal and loan interest rate.

Other accruals are other expenses incurred during the year but the Company has not received invoices from suppliers.

Scientific and technological development fund

Scientific and technological development fund is appropriated to finance the Company's activities relating to science and technology. The fund is established based on a maximum 10% from taxable profit before calculating corporate income tax and recorded as expense in the year.

Investment and development fund

Investment and development fund is formed from profit after tax according to annual profit distribution resolutions that are approved by the Company's General Meeting of Shareholders. This fund is used to supplement the Company's charter capital and to conduct investment and development projects for main operating activities of the Company.

Revenue recognition

Revenue from the sale of goods:

Revenue from the sale of goods is recognized when all five (5) following conditions are satisfied:

- (a) the Company has transferred to the buyer the significant risks and rewards of ownership of the goods;
- (b) the Company retains neither continuing managerial involvement to the degree usually associated with ownership nor effective control over the goods sold;
- (c) the amount of revenue can be measured reliably;
- (d) it is probable that the economic benefits associated with the transaction will flow to the Company; and
- (e) the costs incurred or to be incurred in respect of the transaction can be measured reliably.

Revenue from rendering of services:

Revenue of a transaction involving the rendering of services is recognized when the outcome of such transactions can be measured reliably. Where a transaction involving the rendering of services is attributable to several years, revenue is recognized in each year by reference to the percentage of completion of the transaction at the balance sheet date of that year. The outcome of a transaction can be measured reliably when all four (4) following conditions are satisfied:

- (a) the amount of revenue can be measured reliably;
- (b) it is probable that the economic benefits associated with the transaction will flow to the Company;
- (c) the percentage of completion of the transaction at the balance sheet date can be measured reliably; and
- (d) the costs incurred for the transaction and the costs to complete the transaction can be measured reliably.

Interest income is accrued on a time basis, by reference to the principal outstanding and at the applicable interest rate.

Dividend income from investments is recognized when the Company's right to receive payment has been established.

Foreign currencies

Transactions arising in foreign currencies are translated at exchange rates ruling at the transaction date. The balances of monetary items denominated in foreign currencies as at the balance sheet date are retranslated at the exchange rates of commercial bank where the Company usually transacts on the same date. Exchange differences arising from the translation of these accounts are recognized in the income statement.

C.T.H.T.
E
H/V N/A



Borrowing costs

Borrowing costs are recognized in the income statement in the year when incurred unless they are capitalized in accordance with Vietnamese Accounting Standard No. 16 "Borrowing costs". Accordingly, borrowing costs directly attributable to the acquisition, construction or production of qualifying assets, which are assets that necessarily take a substantial period of time to get ready for their intended use or sale, are added to the cost of those assets, until such time as the assets are substantially ready for their intended use or sale. Investment income earned on the temporary investment of specific borrowings pending their expenditure on qualifying assets is deducted from the cost of those assets. For specific borrowings for the purpose of construction of fixed assets and investment properties, borrowing costs are capitalized even when the construction period is under 12 months.

Taxation

Income tax expense represents the sum of the tax currently payable and deferred tax.

The tax currently payable is based on taxable profit for the year. Taxable profit differs from profit before tax as reported in the income statement because it excludes items of income or expense that are taxable or deductible in other years and it further excludes items that are never taxable or deductible.

In accordance with Decision 952/QĐ-TTg of the Prime Minister dated 26 July 2012, the Company is obliged to pay corporate income tax at the rate of 10% of its taxable profit for 30 years from 2010 to 2039, entitled to corporate income tax exemption for 4 years since the Company starts to generate taxable profit from Dung Quat Oil Refinery Plant and a 50% reduction in tax payable for 9 years thereafter. In 2023, the Company has expired the period to receive a 50% reduction in the corporate income tax payable.

Other taxes are paid in accordance with prevailing tax laws in Vietnam with certain tax incentives applied to the Parent Company under Investment Certificate No.13/UDDT dated 15 February 2006 issued by the Management Board of Dung Quat Economic Zone as follows: exemption of land rental charges during the project life; exemption of land use fees; exemption of land use tax during the project life; exemption of import duty for materials for production purpose, components and semi-finished goods not yet to be locally produced or locally produced but not qualified for 5 years since production commencement; exemption of import duty for goods not yet to be locally produced or locally produced but not qualified.

According to Official Letter No. 520/CT-TTHT of Quang Ngai Tax Department dated 05 March 2018, Binh Son Refining and Petrochemical Company Limited (currently known as Binh Son Refining and Petrochemical Joint Stock Company) is enjoying corporate income tax incentives due to preferential conditions on site (the Dung Quat Economic Zone), then the income entitled to corporate income tax incentives shall be all income generated from production and business activities in the geographical area which is eligible for preferential treatment (including the excess of the deposit interest over loan interest, income from seaport services and income related to production and business activities in the preferential area).

Deferred tax is recognized on significant differences between carrying amounts of assets and liabilities in the separate financial statements and the corresponding tax bases used in the computation of taxable profit and is accounted for using balance sheet liability method. Deferred tax liabilities are generally recognized for all temporary differences and deferred tax assets are recognized to the extent that it is probable that taxable profit will be available against which deductible temporary differences can be utilized.

Deferred tax is calculated at the tax rates that are expected to apply in the year when the liability is settled or the asset realized. Deferred tax is charged or credited to profit or loss, except when it relates to items charged or credited directly to equity, in which case the deferred tax is also dealt with in equity.

Deferred tax assets and liabilities are offset when there is a legally enforceable right to set off current tax assets against current tax liabilities and when they relate to income taxes levied by the same tax authority and the Company intends to settle its current tax assets and liabilities on a net basis.

The determination of the tax currently payable is based on the current interpretation of tax regulations. However, these regulations are subject to periodic variation and their ultimate determination depends on the results of the tax authorities' examinations.

4. CASH AND CASH EQUIVALENTS

	<u>Closing balance</u>	<u>Opening balance</u>
	VND	VND
Cash on hand	812,766,360	585,551,250
Bank demand deposits	657,163,470,018	232,829,531,636
Cash equivalents (*)	16,284,629,695,509	22,584,629,695,509
	<u><u>16,942,605,931,887</u></u>	<u><u>22,818,044,778,395</u></u>

(*) Cash equivalents represent deposits with original terms of 3 months or less at commercial banks.

As at 31 December 2023, the Company has 3-month deposits with the amount of VND 2,734,629,695,509 (as at 31 December 2022: VND 2,734,629,695,509) at Ocean Commercial One Member Limited Liability Bank - Quang Ngai Branch ("Oceanbank"). Following the direction of the State Bank of Vietnam ("SBV"), Oceanbank is temporarily suspending payment to institutional clients who are depositing at Oceanbank. On 14 December 2022, the Company sent Official Letter No. 7063/BSR-TCKT to SBV and Oceanbank regarding the release of the above deposits. On 27 December 2022, Oceanbank issued Official Letter No. 5003/2022/CV-OCEANBANK.01.01 in response to Official Letter No. 7063/BSR-TCKT of the Company, according to which, Oceanbank will make payment upon the direction of the competent authorities. On 12 December 2023, the Company kept sending Official Letter No. 7669/BSR-TCKT to SBV and Oceanbank regarding the release of the above deposits. However, the Company has not yet received response from Oceanbank. Since Oceanbank is wholly owned by SBV, the Board of Management believes that the above deposits will be transacted again in the future upon specific regulations of the SBV.

5. FINANCIAL INVESTMENTS

a) Short-term financial investments

	Closing balance		Opening balance	
	Cost	VND Carrying amount	Cost	VND Carrying amount
Held-to-maturity investments				
- Term deposits	21,052,000,000,000	21,052,000,000,000	2,102,000,000,000	2,102,000,000,000
	<u>21,052,000,000,000</u>	<u>21,052,000,000,000</u>	<u>2,102,000,000,000</u>	<u>2,102,000,000,000</u>

Held-to-maturity investments represent the amounts of time deposits at commercial banks with original terms more than 3 months and remaining terms not exceeding 12 months at the balance sheet date.

As at 31 December 2023, the Company's term deposits include VND 2,000,000,000 (as at 31 December 2022: VND 2,000,000,000) which is the 12-month deposit at Ocean Commercial One Member Limited Liability Bank - Quang Ngai Branch ("Oceanbank"). Following the direction of the State Bank of Vietnam ("SBV"), Oceanbank is temporarily suspending payment to institutional clients who are depositing at Oceanbank. As presented in Note 4, the Company has sent official letters to Oceanbank and assessed that these deposits will be transacted again in the future upon specific regulations of the SBV.

b) Long-term financial investments

	Closing balance			Opening balance		
	Cost	Proportion of ownership interest	Provision	Cost	Proportion of ownership interest	Provision
	VND	%	VND	VND	%	VND
b1) Investments in subsidiaries	351,664,874,292		(205,772,028,927)	351,664,874,292		(205,772,028,927)
PetroVietnam Building and Commercial Joint Stock Company	145,892,845,365	83.26%	-	145,892,845,365	83.26%	-
PetroVietnam Central Biofuels Joint Stock Company (*)	205,772,028,927	65.54%	(205,772,028,927)	205,772,028,927	65.54%	(205,772,028,927)
b2) Equity investments in other entities	11,244,000,000		(1,492,777,634)	11,244,000,000		(1,286,221,934)
PetroVietnam Maintenance Services Joint Stock Company	7,000,000,000	8.52%	-	7,000,000,000	8.75%	-
PetroVietnam Oil Stockpile Company Limited	4,244,000,000	5.03%	(1,492,777,634)	4,244,000,000	5.03%	(1,286,221,934)
	<u>362,908,874,292</u>		<u>(207,264,806,561)</u>	<u>362,908,874,292</u>		<u>(207,058,250,861)</u>



(*) The investment in PetroVietnam Central Biofuels Joint Stock Company ("BSR-BF") before financial treatment at the time of official transformation into a joint stock company was VND 742,165,320,000. The Company assessed and determined the impairment of the investment in BSR-BF equivalent to the provision for impairment of long-term financial investments in BSR-BF as at 30 June 2018, with the amount of VND 536,393,291,073, and decided to use the entire value of the provision to compensate for losses at the time the Company was transformed into a joint stock company. Therefore, the Company presents the cost of the investment in BSR-BF with the amount of VND 205,772,028,927.

Summary of subsidiaries' business operation in the year:

	<u>Current year</u>	<u>Prior year</u>
PetroVietnam Building and Commercial Joint Stock Company	Making profit	Making profit
PetroVietnam Central Biofuels Joint Stock Company	Reported loss	Reported loss

PetroVietnam Central Biofuels Joint Stock Company officially commenced commercial operation on 01 January 2014 and its operation has been halted. As at 22 February 2024, BSR-BF filed a request for the start of bankruptcy proceedings with the People's Court of Quang Ngai province. The Company is awaiting the court's decision regarding the acceptance of the bankruptcy proceedings as at the date of these separate financial statements.

The Company has not assessed fair value of its financial investments as at the balance sheet date since there is no comprehensive guidance of relevant prevailing regulations on determination of fair value of these financial investments.

The Company's significant transactions with the investees are shown in Note 33.



6. SHORT-TERM TRADE RECEIVABLES

	<u>Closing balance</u> VND	<u>Opening balance</u> VND
a. Short-term trade receivables from customers		
Vietnam National Petroleum Group	5,414,100,168,895	4,499,349,732,716
Vietnam Air Petro Company Limited	594,293,949,892	693,062,241,996
Military Petroleum Corporation	538,464,576,455	440,452,914,745
Petrolimex Aviation Fuel Joint Stock Company	423,154,934,245	635,261,008,679
Saigon Petro Co., Ltd.	400,719,751,518	302,193,361,989
Dong Thap Petroleum Trading Import Export Company Limited	265,105,762,035	450,784,915,653
Petroleum Department - General Department of Logistics	255,697,104,970	261,404,266,502
Hoa Khanh Trades and Services Co, Ltd	169,498,481,174	250,827,499,325
S.T.S Petroleum and Logistics Service Joint Stock Company	160,417,129,679	163,302,675,333
Hai Ha Waterway Transport Company Limited	-	1,048,186,574,589
Long Hung Trading and Service Co., Ltd	-	193,684,627,856
Nam Song Hau Trading Investing Petroleum Joint Stock Company	-	167,219,805,803
Others	1,011,339,033,484	1,638,647,347,535
b. Short-term trade receivables from related parties (Details stated in Note 33)	4,762,454,734,037	5,346,993,847,199
	<u>13,995,245,626,384</u>	<u>16,091,370,819,920</u>

7. ADVANCES TO SUPPLIERS

	<u>Closing balance</u> VND	<u>Opening balance</u> VND
a. Short-term advances to suppliers	492,265,987,439	302,287,929,458
a1. Short-term advances to non-related parties	265,908,361,451	233,075,573,727
EXTAP A Division of ExxonMobil Asia Pacific Pte. Ltd.	50,912,987,426	-
Energy Technical Service Joint Stock Company	49,675,476,132	8,662,133,689
Boilermaster Vietnam Co., Ltd	19,463,971,486	3,351,714,000
Remosa SRL	10,749,879,563	6,866,018,897
EXION Vietnam Co., Ltd	9,816,284,060	-
Phuoc Thinh Business Service Co., Ltd	9,108,506,402	7,980,391,163
SOCAR Trading Singapore Pte. Ltd.	-	104,110,692,473
Honeywell International Sdn. Bhd.	671,302,953	34,374,861,787
Others	115,509,953,429	67,729,761,718
a2. Short-term advances to suppliers from related parties (Details stated in Note 33)	226,357,625,988	69,212,355,731
b. Long-term advances to suppliers	548,106,960,657	533,509,547,749
Management Board of Dung Quat Economic Zone (*)	548,106,960,657	533,509,547,749
	<u>1,040,372,948,096</u>	<u>835,797,477,207</u>

(*) Represent an advance payment made by the Company to the Management Board of Dung Quat Economic Zone for compensation and site clearance of Dung Quat Oil Refinery Plant Upgrade and Expansion Project.

8. OTHER RECEIVABLES

	Closing balance	Opening balance
	VND	VND
a. Other current receivables	428,905,895,961	102,521,117,240
a1. Other current receivables from non-related parties	404,197,428,933	100,087,052,106
Term deposit interest receivables	390,289,639,738	92,308,934,362
Receivable relating to equitisation	5,831,672,688	5,701,672,688
Advances to employees	3,058,840,906	422,297,449
Others	5,017,275,601	1,654,147,607
a2. Other current receivables from related parties (Details stated in Note 33)	24,708,467,028	2,434,065,134
b. Other non-current receivables	526,000,000	526,000,000
Mortgages	526,000,000	526,000,000
	429,431,895,961	103,047,117,240

9. INVENTORIES

	Closing balance		Opening balance	
	Cost	Provision	Cost	Provision
	VND	VND	VND	VND
Goods in transit	6,002,961,899,100	-	7,548,846,630,556	(2,612,985,350)
Raw materials and consumables	4,868,588,243,839	(2,794,861,492)	3,915,066,262,843	(23,082,848,910)
Tools and supplies	2,200,841,223,859	(15,247,782,807)	1,763,768,730,098	(14,928,380,588)
Work in progress	1,189,857,135,642	(26,160,906,250)	1,519,327,791,338	(35,832,422,276)
Finished goods	1,369,590,041,314	(77,762,151,801)	2,173,969,776,527	(66,679,159,927)
	15,631,838,543,754	(121,965,702,350)	16,920,979,191,362	(143,135,797,051)

In 2023, the Company has reversed provision for devaluation of inventories with an amount of VND 21,170,094,701 (2022: made provision with an amount of VND 126,421,444,915) for devalued, slow-moving, sub-standard inventories and for those which have net realizable values lower than costs.

10. PREPAYMENTS

	Closing balance	Opening balance
	VND	VND
a. Current prepayment	65,023,973,968	76,257,861,042
Personal and property-risk insurance	48,879,422,775	49,756,977,917
Others	16,144,551,193	26,500,883,125
b. Non-current prepayment	75,592,280,833	99,200,453,882
Chemicals issued for consumption	64,864,183,491	89,221,618,650
Others	10,728,097,342	9,978,835,232
	140,616,254,801	175,458,314,924

11. INCREASES, DECREASES IN TANGIBLE FIXED ASSETS

	Buildings and structures	Machinery and equipment	Motor vehicles, transmission equipment	Office equipment	Other tangible fixed assets	Total
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
COST						
Opening balance	6,415,395,597,347	38,415,290,951,022	167,422,242,764	568,214,235,925	554,667,912	45,566,877,694,970
Additions	-	85,497,230,153	12,499,441,208	16,094,158,932	186,000,000	114,276,830,293
Transfer from construction in progress	2,553,100,378	15,456,500,000	-	-	-	18,009,600,378
Disposals	-	-	(5,740,920,000)	-	-	(5,740,920,000)
Closing balance	6,417,948,697,725	38,516,244,681,175	174,180,763,972	584,308,394,857	740,667,912	45,693,423,205,641
ACCUMULATED DEPRECIATION						
Opening balance	3,325,149,059,471	24,946,726,373,252	125,183,255,948	486,721,799,140	554,667,912	28,884,335,155,723
Charge for the year	196,181,333,630	1,869,169,522,948	8,787,759,020	34,807,441,072	23,101,370	2,108,969,158,040
Other additions	-	-	-	66,260,316	-	66,260,316
Disposals	-	-	(5,740,920,000)	-	-	(5,740,920,000)
Closing balance	3,521,330,393,101	26,815,895,896,200	128,230,094,968	521,595,500,528	577,769,282	30,987,629,654,079
NET BOOK VALUE						
Opening balance	3,090,246,537,876	13,468,564,577,770	42,238,986,816	81,492,436,785	-	16,682,542,539,247
Closing balance	2,896,618,304,624	11,700,348,784,975	45,950,669,004	62,712,894,329	162,898,630	14,705,793,551,562

As at 31 December 2023, the cost of the Company's tangible fixed assets includes VND 4,264.9 billion (as at 31 December 2022: VND 4,142 billion) of assets which have been fully depreciated but are still in use.

12. INCREASES, DECREASES IN INTANGIBLE ASSETS

	Patents, copyrights	Computer software	Other intangible assets	Total
	VND	VND	VND	VND
COST				
Opening balance	438,606,719,617	370,782,373,000	32,703,172,505	842,092,265,122
Additions during the year	-	30,872,291,001	-	30,872,291,001
Transfer from construction in progress	-	101,418,075,011	-	101,418,075,011
Closing balance	438,606,719,617	503,072,739,012	32,703,172,505	974,382,631,134
ACCUMULATED AMORTISATION				
Opening balance	323,916,411,295	298,868,872,644	29,116,758,456	651,902,042,395
Charge for the year	15,481,495,021	61,532,541,874	479,502,245	77,493,539,140
Other additions	-	479,386,289	-	479,386,289
Closing balance	339,397,906,316	360,880,800,807	29,596,260,701	729,874,967,824
NET BOOK VALUE				
Opening balance	114,690,308,322	71,913,500,356	3,586,414,049	190,190,222,727
Closing balance	99,208,813,301	142,191,938,205	3,106,911,804	244,507,663,310

As at 31 December 2023, the cost of the Company's intangible assets includes VND 426 billion (as at 31 December 2022: VND 349.4 billion) of assets which have been fully amortized but are still in use.

13. CONSTRUCTION IN PROGRESS

	Closing balance	Opening balance
	VND	VND
Dung Quat Oil Refinery Plant Upgrade and Expansion Project (*)	1,150,516,054,349	1,125,719,428,132
ERP Implementation Project - Phase I	-	101,418,075,011
Other projects	42,683,937,236	45,407,331,874
	1,193,199,991,585	1,272,544,835,017

(*) According to Decision No. 482/QĐ-TTg dated 05 May 2023 of the Prime Minister on approval of the adjustment of investment policy on the project of upgrade and expansion of Dung Quat Oil Refinery Plant of Binh Son Refining and Petrochemical Joint Stock Company, the investment project of upgrade and expansion of the existing Dung Quat Oil Refinery Plant (the "Project") is adjusted to increase the processing capacity of the plant from 148,000 barrels per day to 171,000 barrels per day; to help products meet Euro V standards; to meet environmental standards according to the Government's mandatory roadmap; to improve the flexibility of crude oil selection in order to ensure a long-term and effective supply of crude oil for the Plant; to improve investment efficiency in Dung Quat Oil Refinery Plant; to contribute to promote the economic and social development of the whole country, especially the Central region.

Total adjusted investment capital is VND 31,255 billion, equivalent to USD 1.257 billion, according to the equity/loan capital structure of 40/60 (this structure is considered adjusting to be suitable for the reality of the resource balance ability and to bring higher efficiency). The project is expected to be put into operation in the first quarter of 2028. At the date of these separate financial statements, the Company has submitted a feasibility study report which has been in process of reviewing by relevant authorities.

14. SHORT-TERM TRADE PAYABLES

	Closing balance		Opening balance	
	Amount	Amount able to be paid off	Amount	Amount able to be paid off
	VND	VND	VND	VND
a. Short-term trade payables				
Novel Energy Trading Pte. Ltd.	2,029,287,334,325	2,029,287,334,325	-	-
Cuu Long Joint Operating Company	1,214,427,432,270	1,214,427,432,270	1,883,840,970,478	1,883,840,970,478
Hoang Long Joint Operating Company	1,050,987,900,855	1,050,987,900,855	507,041,790,209	507,041,790,209
Japan Vietnam Petroleum Co., Ltd.	844,776,948,044	844,776,948,044	-	-
BCP Trading Pte. Ltd.	602,312,809,408	602,312,809,408	-	-
Glencore Singapore Pte. Ltd.	459,535,792,723	459,535,792,723	-	-
SOCAR Trading Singapore Pte Ltd	-	-	4,614,980,523,717	4,614,980,523,717
Gunvor Singapore Pte Ltd	-	-	2,146,259,652,741	2,146,259,652,741
Vietsea Company Pte. Ltd.	-	-	830,026,300,223	830,026,300,223
Others	816,406,584,243	816,406,584,243	630,048,921,378	630,048,921,378
b. Trade payables to related parties				
(Details stated in Note 33)	7,604,686,259,255	7,604,686,259,255	4,236,605,389,188	4,236,605,389,188
	14,622,421,061,123	14,622,421,061,123	14,848,803,547,934	14,848,803,547,934

15. SHOR-TERM ADVANCES FROM CUSTOMERS

	Closing balance	Opening balance
	VND	VND
Truong An Investment Development Corporation Joint Stock Company	171,048,855,259	-
Anh Phat Petro Joint Stock Company	33,251,657,619	-
Hoa Khanh Trades and Services Co., Ltd	15,272,029,167	19,346,007,708
Thanh Le General Import-Export Trading Corporation	14,087,418,501	-
Duong Dong Group Joint Stock Company	6,822,110,776	4,710,428,122
Hai Ha Waterway Transport Company Limited	-	7,458,546,106
Others	6,169,033,248	6,313,039,080
	246,651,104,570	37,828,021,016

16. TAXES AND OTHER RECEIVABLES FROM/PAYABLES TO THE STATE BUDGET

	Opening balance	Payable during the year	Paid during the year	Closing balance
	VND	VND	VND	VND
a. Receivables				
Foreign contractor tax	2,076,535,352	16,183,259,228	16,391,403,477	2,284,679,601
- Value added tax withheld	2,076,535,352	16,183,259,228	16,183,259,228	2,076,535,352
- Corporate income tax withheld	-	-	208,144,249	208,144,249
Land tax and rental	136,685,414	136,685,414	-	-
	<u>2,213,220,766</u>	<u>16,319,944,642</u>	<u>16,391,403,477</u>	<u>2,284,679,601</u>
b. Payables				
Value added tax	615,583,683,232	9,682,639,148,498	9,675,586,966,343	622,635,865,387
- Output value added tax	615,583,683,219	5,633,662,662,034	5,626,610,479,879	622,635,865,374
- Value added tax on imported goods	13	4,048,976,486,464	4,048,976,486,464	13
Import and export duties	-	54,915,650,931	54,915,650,931	-
Special consumption tax	586,085,496,439	6,284,957,207,902	6,220,845,829,544	650,196,874,797
Corporate income tax	137,107,928,779	1,048,374,707,866	884,319,496,145	301,163,140,500
Personal income tax	12,718,068,729	113,707,967,361	116,958,397,056	9,467,639,034
Foreign contractor tax	42,621,012	10,600,750,420	10,643,371,432	-
- Corporate income tax withheld	42,621,012	10,600,750,420	10,643,371,432	-
Land tax and rental	-	572,567,430	32,195,862	540,371,568
Environmental protection tax	39,445,512,300	195,442,663,880	209,235,611,180	25,652,565,000
Other taxes, fees and charges	-	1,429,351,649	1,429,351,649	-
	<u>1,390,983,310,491</u>	<u>17,392,640,015,937</u>	<u>17,173,966,870,142</u>	<u>1,609,656,456,286</u>

17. SHORT-TERM ACCRUED EXPENSES

	Closing balance	Opening balance
	VND	VND
Accrual of trademark fee	97,424,413,726	-
Expenses and supplies of operation, maintenance and repair of fixed assets	22,767,520,097	2,938,896,648
Loan interest payable	5,090,574,076	12,101,910,691
Transportation expenses	2,693,862,440	5,403,024,216
Accrual of crude oil purchases	-	32,036,227,432
Other accrued expenses	18,733,866,162	1,358,761,135
	<u>146,710,236,501</u>	<u>53,838,820,122</u>

18. OTHER CURRENT PAYABLES

	Closing balance	Opening balance
	VND	VND
Short-term deposits received	12,747,494,879	9,574,891,050
Payable on equitization proceeds (i)	9,211,487,795	9,211,577,795
Dividends payable (ii)	7,995,956,115	-
Others	22,190,654,638	10,334,244,156
	<u>52,145,593,427</u>	<u>29,120,713,001</u>

In which:

Other payables to related parties (Details stated in Note 33)	2,605,396,642	2,549,496,642
--	---------------	---------------

11/11
 ÔN
 TH
 EM
 LA
 B
 1/0
 M.S.D.
 T.T.



- (i) Represent the amount retained by the Company, corresponding to the estimated cost of equitization from the proceeds from the public offering and the interest on bank deposits from 02 February 2018 to 09 February 2018 (earned before closing the escrow account). This equitization payable will be settled and subject to changes upon final approval by the competent authorities.

- (ii) Represent the amount of dividend payable to non-depository shareholders according to Resolution No. 2676/NQ-BSR of the Annual General Meeting of Shareholders on 13 April 2023.

1/10/2024
B.S.R. CO., LTD.
1/10/2024



19. SHORT-TERM LOANS AND OBLIGATIONS UNDER FINANCE LEASES

	Opening balance		In the year		Closing balance	
	Amount	Amount able to be paid off	Increases	Decreases	Amount	Amount able to be paid off
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Short-term loans	6,860,000,000,000	6,860,000,000,000	95,370,377,675,905	92,387,212,992,657	9,843,164,683,248	9,843,164,683,248
Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam - Quang Ngai Branch	-	-	24,206,593,651,273	19,191,593,651,273	5,015,000,000,000	5,015,000,000,000
Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam - Quang Ngai Branch	2,000,000,000,000	2,000,000,000,000	31,418,784,024,632	31,698,619,341,384	1,720,164,683,248	1,720,164,683,248
Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade - Hanoi Branch	2,910,000,000,000	2,910,000,000,000	29,800,000,000,000	31,310,000,000,000	1,400,000,000,000	1,400,000,000,000
BNP Paribas - Hanoi Branch	-	-	1,492,000,000,000	697,000,000,000	795,000,000,000	795,000,000,000
Bangkok Bank Public Company Limited - Hanoi Branch	700,000,000,000	700,000,000,000	6,640,000,000,000	6,670,000,000,000	670,000,000,000	670,000,000,000
HSBC Bank (Vietnam) Limited - Hanoi Branch	1,250,000,000,000	1,250,000,000,000	243,000,000,000	1,250,000,000,000	243,000,000,000	243,000,000,000
Citibank - Hanoi Branch	-	-	1,570,000,000,000	1,570,000,000,000	-	-
Current portion of long-term loans	974,698,760,000	974,698,760,000	-	974,698,760,000	-	-
Vietnam Development Bank - Quang Ngai Branch (*)	974,698,760,000	974,698,760,000	-	974,698,760,000	-	-
	<u>7,834,698,760,000</u>	<u>7,834,698,760,000</u>	<u>95,370,377,675,905</u>	<u>93,361,911,752,657</u>	<u>9,843,164,683,248</u>	<u>9,843,164,683,248</u>

Short-term loans represent facilities obtained from commercial banks in the form of letters of credit that might be withdrawn in Vietnam Dong based on each credit limit as contracted with banks. These loans are unsecured and subject to fixed interest rates that are stated in each loan acknowledgement in 2023. These loans are used to supplement the Company's working capital. In 2023, the short-term loans bear interest at the rates ranging from 2.4% p.a to 5.9% p.a.

(*) During this year, the Company has settled the unsecured credit facilities obtained from Vietnam Development Bank (VDB) – Quang Ngai Branch in United States Dollar (USD). These loans bear interest at the rate of 3.6% p.a. and are used to finance construction of Dung Quat Oil Refinery Plant.

20. SCIENTIFIC AND TECHNOLOGICAL DEVELOPMENT FUND

	Current year	Prior year
	VND	VND
Opening balance	1,271,726,600,532	1,338,485,323,433
Decrease in the year:	(398,177,168,609)	(66,758,722,901)
- Utilization	(35,877,168,609)	(66,758,722,901)
- Adjustment (*)	(362,300,000,000)	-
Closing balance	<u>873,549,431,923</u>	<u>1,271,726,600,532</u>

(*) During the year, the Company adjusted the Science and Technology Development Fund which had been allocated with an amount of VND 362,300,000,000 before the equitization according to the Conclusion No. 1538/KL-TTCT of the Government Inspectorate of Vietnam on 07 July 2023 regarding the restructuring of state-owned enterprises under the Ministry of Industry and Trade. As at 31 December 2023, the Company has remitted the above amount to Vietnam Oil and Gas Group.

21. OWNERS' EQUITY

Movement in owners' equity

	Owners' contributed capital	Investment and development fund	Retained earnings	Total
	VND	VND	VND	VND
Prior year's opening balance	31,004,996,160,000	-	6,633,311,289,905	37,638,307,449,905
Profit for the year	-	-	14,836,240,795,029	14,836,240,795,029
Allocation to bonus and welfare funds and Management bonus fund	-	-	(106,841,100,000)	(106,841,100,000)
Allocation to investment and development funds	-	5,596,320,305,105	(5,596,320,305,105)	-
2021 dividends declared	-	-	(930,149,884,800)	(930,149,884,800)
Current year's opening balance	<u>31,004,996,160,000</u>	<u>5,596,320,305,105</u>	<u>14,836,240,795,029</u>	<u>51,437,557,260,134</u>
Profit for the year	-	-	8,755,114,469,628	8,755,114,469,628
Allocation to bonus and welfare funds and Management bonus fund (i)	-	-	(333,562,300,000)	(333,562,300,000)
Allocation to investment and development funds (i)	-	4,450,872,238,509	(4,450,872,238,509)	-
2022 dividends declared (i)	-	-	(2,170,349,731,200)	(2,170,349,731,200)
Current year's closing balance	<u>31,004,996,160,000</u>	<u>10,047,192,543,614</u>	<u>16,636,570,994,948</u>	<u>57,688,759,698,562</u>

(i) According to Resolution No. 2676/NQ-BSR of the Annual General Meeting of Shareholders on 13 April 2023, the Company allocated to the bonus and welfare fund with the amount of VND 330,828,300,000; management bonus fund with the amount of VND 2,734,000,000; allocated to investment and development fund with the amount of VND 4,450,872,238,509 and declared cash dividend equivalent to 7% of charter capital with an amount of VND 2,170,349,731,200 from undistributed profit after tax in 2022. In 2023, the Company has paid dividends to shareholders.

Charter capital

According to the 15th amended Enterprise Registration Certificate dated 12 September 2023, the charter capital of the Company is VND 31,004,996,160,000. As at 31 December 2023, the charter capital contributions were fully made by the shareholders as follows:

	Contributed capital			
	Closing balance		Opening balance	
	VND	%	VND	%
Vietnam Oil and Gas Group	28,563,802,470,000	92.13%	28,563,802,470,000	92.13%
Other shareholders	2,441,193,690,000	7.87%	2,441,193,690,000	7.87%
	31,004,996,160,000	100%	31,004,996,160,000	100%

Shares	Closing balance	Opening balance
Number of shares issued to the public	3,100,499,616	3,100,499,616
<i>Ordinary shares</i>	3,100,499,616	3,100,499,616
<i>Preference shares</i>	-	-
Number of outstanding shares in circulation	3,100,499,616	3,100,499,616
<i>Ordinary shares</i>	3,100,499,616	3,100,499,616
<i>Preference shares</i>	-	-

An ordinary share has par value of VND 10,000 each share.

22. OFF BALANCE SHEET ITEMS

	Closing balance	Opening balance
Foreign currencies		
United States Dollar (USD)	4,997,675.67	1,583,536.69
Euro (EUR)	1.56	1.56

23. BUSINESS AND GEOGRAPHICAL SEGMENTS

Business segments

The Company's principal activities are producing, processing, trading products made from petroleum. The financial information presented in the balance sheet as at 31 December 2023 and the entire revenue, expenses presented in the income statement for the year then ended are mainly related to producing, processing, trading products made from petroleum. Accordingly, the Company does not prepare report by business segments. Revenue and cost of sales by each business activity are presented in Notes 24 and 25.

Geographical segments

The Company's activities including producing, processing, trading products made from petroleum and other services are mainly performed in the territory of Vietnam. Accordingly, the Company does not prepare report by geographical segments.



24. REVENUE FROM GOODS SOLD AND SERVICES RENDERED

	Current year	Prior year
	VND	VND
Diesel DO	57,735,683,572,524	66,717,251,601,041
Mogas 95	42,238,606,440,458	47,523,202,071,794
Mogas 92	19,899,692,819,647	24,088,284,208,856
Jet A1	10,572,138,762,814	10,854,804,732,706
LPG	7,450,804,640,137	9,292,539,523,199
Polypropylene	4,035,760,174,156	4,333,468,129,033
FO	1,893,059,210,866	2,419,150,646,293
Diesel DO L-62	907,295,061,260	268,932,939,600
Jet A-1K	904,665,488,438	348,599,031,343
Mogas E5	557,255,498,561	670,356,909,418
Kerosene	476,777,416,988	168,854,272,226
Mogas 83	265,468,420,173	218,559,681,175
RFCC Naphtha	257,044,184,144	-
Seaport services	144,611,011,133	135,457,079,915
Others	42,821,398,549	18,411,295,948
	147,381,684,099,848	167,057,872,122,547
Deductions		
Sales discount	-	3,109,915,557
	-	3,109,915,557
Net revenue from goods sold and services rendered	147,381,684,099,848	167,054,762,206,990
In which: Revenue from related parties (Details stated in Note 33)	34,273,728,173,324	36,219,829,055,267

25. COST OF SALES

	Current year	Prior year
	VND	VND
Diesel DO	50,865,267,262,375	57,327,901,938,071
Mogas 95	40,623,200,028,808	44,279,416,713,576
Mogas 92	19,421,790,838,487	22,482,588,147,171
Jet A1	8,596,973,043,840	9,281,053,753,077
LPG	7,980,490,963,947	8,641,681,830,038
Polypropylene	5,416,816,164,613	5,378,029,684,297
FO	1,703,889,304,362	1,754,524,284,027
Diesel DO L-62	754,622,493,593	243,092,814,909
Jet A-1K	726,631,871,122	308,594,631,802
Mogas E5	546,556,189,416	628,442,267,269
Kerosene	382,868,831,575	143,222,299,797
Mogas 83	248,225,056,809	245,138,653,856
RFCC Naphtha	237,419,425,296	-
Seaport services	47,563,718,646	48,364,831,059
(Reversal)/Expense of provision for devaluation of inventories	(21,170,094,701)	126,421,444,915
Others	34,376,330,988	2,296,927,434
	137,565,521,429,176	150,890,770,221,298

26. PRODUCTION COST BY NATURE

	<u>Current year</u>	<u>Prior year</u>
	VND	VND
Raw materials and consumables	139,676,425,279,921	153,326,448,946,133
Tools and supplies	20,267,768,856	12,628,452,528
Labour	1,029,610,615,767	1,162,489,414,287
Depreciation and amortisation	2,185,715,586,552	2,172,936,598,500
Out-sourced services	1,727,560,177,230	1,748,205,035,880
Other monetary expenses	575,547,456,682	349,048,097,797
	<u>145,215,126,885,008</u>	<u>158,771,756,545,125</u>

27. FINANCIAL INCOME

	<u>Current year</u>	<u>Prior year</u>
	VND	VND
Bank interest	1,593,870,728,257	902,469,039,494
Foreign exchange gain	1,052,350,405,481	843,089,243,689
Dividends received	5,697,449,592	10,022,838,108
	<u>2,651,918,583,330</u>	<u>1,755,581,121,291</u>

28. FINANCIAL EXPENSES

	<u>Current year</u>	<u>Prior year</u>
	VND	VND
Interest expense	226,783,783,403	194,601,869,302
Foreign exchange loss	813,845,320,800	534,229,305,793
Payment discounts for buyers	6,959,456,060	3,632,634,013
Provision for impairment of long-term financial investments	206,555,700	21,829,498
Other financial expenses	6,921,837,207	89,900,897,676
	<u>1,054,716,953,170</u>	<u>822,386,536,282</u>

29. SELLING EXPENSES AND GENERAL AND ADMINISTRATION EXPENSES

	<u>Current year</u>	<u>Prior year</u>
	VND	VND
Selling expenses	1,027,620,437,609	914,030,757,052
Labour	78,113,763,092	77,580,324,691
Depreciation and amortization	147,794,997,505	147,736,383,372
Shipping and insurance costs	372,843,352,213	366,673,684,302
Out-sourced services	174,021,579,137	250,483,244,187
Other monetary expenses	254,846,745,662	71,557,120,500
General and administration expenses	623,719,877,748	516,388,410,565
Labour	200,211,505,732	234,835,226,046
Materials	572,024,700	391,802,870
Office equipment	6,682,551,162	4,455,476,073
Depreciation and amortization	69,324,649,107	27,178,288,276
Out-sourced services	151,146,542,287	125,207,051,397
Other monetary expenses	195,782,604,760	124,320,565,903
	<u>1,651,340,315,357</u>	<u>1,430,419,167,617</u>

125
 JG
 NHT
 T C
 OI
 FN
 A -



30. OTHER INCOME

	Current year VND	Prior year VND
Surplus upon physical count of finished goods	26,285,772,184	63,644,905,674
Income from bonus, compensation and contract penalties	11,620,465,000	12,315,016,754
Proceeds from disposals of fixed assets	684,007,408	-
Income from fixed assets for lease	290,183,208	290,183,208
Other income	754,317,957	8,326,473,656
	<u>39,634,745,757</u>	<u>84,576,579,292</u>

31. CURRENT CORPORATE INCOME TAX EXPENSE

	Current year VND	Prior year VND
Current corporate income tax expense		
Corporate income tax expense based on taxable profit in the current year	1,037,443,722,198	886,769,054,888
Adjustments for corporate income tax expense in previous years to the current year	(1,871,664,332)	1,416,092,751
Total current corporate income tax expense	<u>1,035,572,057,866</u>	<u>888,185,147,639</u>

The current corporate income tax expense for the year was computed as follows:

	Current year VND	Prior year VND
Profit before tax	9,800,499,381,554	15,750,499,669,911
Adjustments for taxable profit		
Less:		
<i>Dividends and profits received</i>	(5,697,449,592)	(10,022,838,108)
<i>Other adjustments</i>	(916,014,073,751)	(521,474,544,863)
Add:		
<i>Non-deductible expenses</i>	138,571,965,291	259,677,206,291
<i>Other adjustments</i>	-	50,163,242,392
Taxable profit	9,017,359,823,502	15,528,842,735,623
<i>Taxable profit at incentive tax rate</i>	7,660,282,425,025	14,793,329,948,248
<i>Taxable profit at normal tax rate</i>	1,357,077,398,477	735,512,787,375
Incentive tax rate	10%	10%
Normal tax rate	20%	20%
Reduction on incentive-tax	-	50%
Corporate income tax expense based on taxable profit in the current year	<u>1,037,443,722,198</u>	<u>886,769,054,888</u>

The Company is obliged to pay corporate income tax at the rate of 10% of its taxable profit for 30 years; is exempted from corporate income tax for 4 years and is entitled to a 50% reduction in tax payable for the next 9 years from the first year the Company has taxable profit from Dung Quat Oil Refinery Plant Project. In 2023, the Company stopped enjoying 50% reduction in the corporate income tax payable.

The determination of the tax currently payable is based on the current interpretation of tax regulations. However, these regulations are subject to periodic variation and their ultimate determination depends on the results of the tax authorities' examinations.

Deferred corporate income tax expense

	<u>Current year</u>	<u>Prior year</u>
	VND	VND
Deferred corporate income tax expense arising from reversal of deferred tax assets	9,812,854,060	26,073,727,243
Total deferred corporate income tax expense	<u>9,812,854,060</u>	<u>26,073,727,243</u>

32. COMMITMENTS

Commitment on Dung Quat Oil Refinery Plant's product consumption

Under the terms of the Contracts for Dung Quat Oil Refinery Plant's product consumption signed between the Company (Party A) and key buyers (Party B) such as PetroVietnam Oil Corporation (PV Oil), Vietnam National Petroleum Group (Petrolimex), PetroVietnam Gas Joint Stock Corporation (PV GAS), etc., in 2023, Party A provided Party B with Dung Quat Oil Refinery Plant's petroleum products at the price of FOB/Pipeline/FCA Dung Quat, LPG at the price of CIF/Pipeline, which is determined based on international reference prices plus market surcharges and taxes payable to the State budget (if any) to ensure the market competition.

33. RELATED PARTY TRANSACTIONS AND BALANCES

List of related parties with significant transactions and balances for the year:

<u>Related parties</u>	<u>Relationship</u>
Vietnam Oil and Gas Group	Owner
PetroVietnam Building and Commercial Joint Stock Company	Subsidiary
PetroVietnam Central Biofuels Joint Stock Company	Subsidiary
Other companies in the Group	Affiliates



During the year, the Company entered into the following significant transactions with its related parties:

	<u>Current year</u>	<u>Prior year</u>
	VND	VND
Revenue from sales of goods and services	34,273,728,173,324	36,219,829,055,267
PetroVietnam Oil Corporation	27,687,238,624,565	28,004,912,795,994
Branch of PetroVietnam Gas Joint Stock Corporation - PetroVietnam Gas Trading Company	4,865,000,969,895	5,894,143,710,815
PetroVietnam Southern Gas Joint Stock Company	751,934,164,855	963,293,505,035
PetroVietnam Building and Commercial Joint Stock Company	507,313,731,919	574,098,623,391
PetroVietnam Chemical and Services Joint Stock Corporation	285,874,455,226	472,256,949,915
PetroVietnam LPG Joint Stock Company	85,327,574,480	224,383,470,171
Quang Ngai Petro Transportation Joint Stock Company	82,932,822,006	84,469,277,267
PTSC Quang Ngai Joint Stock Company	6,527,704,924	2,166,033,420
Nghi Son Refinery and Petrochemical LLC	1,517,040,000	-
Branch of PetroVietnam Fertilizer and Chemicals Corporation - Phu My Fertilizer Plant	61,085,454	-
PetroVietnam Camau Fertilizer Joint Stock Company	-	104,689,259
Purchase of goods and services	64,216,505,500,727	74,932,550,268,598
PetroVietnam Oil Corporation (*)	45,657,222,212,665	53,860,714,663,311
PetroVietnam Domestic Exploration Production Operating Company Limited - Block 05.1a	5,164,767,728,332	7,019,547,517,160
PVOil Singapore Pte. Ltd.	3,901,928,168,198	7,767,728,298,055
Branch of PVN - Bien Dong Petroleum Operating Company (Block 05-2 & 05-3)	3,707,412,151,101	-
PetroVietnam Exploration Production Corporation Limited (Blocks 01 & 02 - Operator)	2,063,929,437,477	2,577,861,190,730
PetroVietnam Transportation Corporation	1,499,381,678,641	1,385,996,334,259
Nhat Viet Transportation Corporation	378,121,877,095	365,572,793,555
PTSC Quang Ngai Joint Stock Company	337,189,527,713	335,657,796,520
PVI Insurance Corporation	325,639,662,062	266,665,191,343
PetroVietnam Building and Commercial Joint Stock Company	181,295,056,190	181,842,764,645
PetroVietnam Domestic Exploration Production Operating Company Limited - Song Doc Field	181,177,105,291	-
Vietnam Oil and Gas Group	254,479,410,425	70,315,023,391
PetroVietnam Maintenance Services Joint Stock Company	130,459,144,517	127,973,217,086
PetroVietnam Exploration Production Corporation Limited (Blocks 01/97 & 02/97)	108,818,281,096	241,053,972,288
Nghi Son Refinery and Petrochemical LLC	102,231,458,287	438,593,204,280
PetroVietnam Maintenance and Repair Corporation	70,298,321,284	114,314,635,301

	<u>Current year</u> VND	<u>Prior year</u> VND
Purchase of goods and services (Continued)		
PetroVietnam Chemical and Services Joint Stock Corporation	57,907,695,845	62,709,495,330
PetroVietnam Security Joint Stock Company	48,288,166,750	49,989,244,500
PetroVietnam Engineering Consultancy Corporation	16,057,898,519	4,308,708,714
Central Petro Vietnam Oil Joint Stock Company	8,203,241,627	10,876,581,560
PVD Trading and Technical Services Joint Stock Company	7,831,638,000	1,754,473,508
Vietnam Petroleum Institute	4,597,018,138	1,685,999,090
PetroVietnam Technical Services Corporation - PTSC Da Nang Company Limited	3,946,869,656	6,325,771,621
PVChem - Tech Company Limited	2,224,250,000	36,484,465,000
PetroVietnam University	1,612,320,000	2,075,554,000
PetroVietnam Central Biofuels Joint Stock Company	540,000,000	900,000,000
Hanoi Petro Vietnam Oil Joint Stock Company	492,000,000	492,000,000
PetroVietnam Securities Incorporated	208,181,818	-
PetroVietnam Manpower Training College	185,000,000	594,800,000
PVD Technical Training & Certification Joint Stock Company	60,000,000	196,000,000
Vietnam Russia Joint Venture - Vietsovetro	-	170,000,000
Indochina Petroleum Transportation Joint Stock Company	-	134,307,889
Vietnam Public Joint Stock Commercial Bank - Quang Ngai Branch	-	16,265,462

	<u>Current year</u> VND	<u>Prior year</u> VND
Dividends paid		
Vietnam Oil and Gas Group	362,300,000,000	417,747,535,419
Dividends declared		
Vietnam Oil and Gas Group	1,999,466,172,900	856,914,074,100

(*) Purchase from PetroVietnam Oil Corporation includes:

	<u>Current year</u> VND	<u>Prior year</u> VND
- Purchase of goods and services	82,139,043,380	80,903,209,838
- Purchase of commission crude oil	45,563,003,240,558	53,749,912,493,842
- Other commissions	12,079,928,727	29,898,959,631
	<u>45,657,222,212,665</u>	<u>53,860,714,663,311</u>



Remuneration and income of the Board of Directors, the Board of Management and other management levels during the year were as follows:

	Current year	Prior year (Restated)
	VND	VND
Board of Directors		
Mr. Nguyen Van Hoi	2,134,511,000	2,065,765,000
Mr. Bui Ngoc Duong	2,106,341,000	2,053,725,000
Mr. Khuong Le Thanh	1,912,679,300	1,881,637,400
Mr. Ha Dong	1,882,501,000	1,824,977,000
Mr. Hang Anh Minh	1,351,111,000	-
Mr. Nguyen Ba Phuoc	609,990,000	1,831,207,000
Mr. Nguyen Hai Au	602,590,000	1,826,577,000
Board of Management		
Mr. Bui Ngoc Duong	(*)	(*)
Mr. Nguyen Viet Thang	1,838,146,000	1,789,046,000
Mr. Nghiem Duc Duong	1,834,951,000	1,781,695,000
Mr. Mai Tuan Dat	1,852,794,000	920,882,000
Mr. Pham Minh Nghia	1,842,701,000	900,946,000
Mr. Tran Doan Thinh	1,118,742,400	1,789,772,200
Mr. Nguyen Ngoc Anh	1,064,400,000	1,781,656,000
Mr. Tran Thai Bao	854,912,200	-
(*) Presented in the remuneration section of the Board of Directors above due to concurrent position		
Board of Supervisors		
Mr. Hoang Dinh Nhat	1,844,679,300	1,264,801,599
Mr. Hoang Ngoc Xuan	1,541,678,000	1,495,297,000
Ms. Vu Lan Phuong	294,400,000	194,300,000
Mr. Pham Ngoc Quy	-	532,706,000
Mr. Vu Le Huy	-	84,700,000
Chief Accountant		
Mr. Bach Duc Long	1,787,311,000	1,727,565,000

Significant balances with related parties as of the balance sheet date were as follows:

	Closing balance	Opening balance
	VND	VND
Short-term trade receivables	4,762,454,734,037	5,346,993,847,199
PetroVietnam Oil Corporation	3,821,535,268,385	4,428,096,708,696
Branch of PetroVietnam Gas Joint Stock Corporation	685,723,358,711	645,017,043,429
- PetroVietnam Gas Trading Company		
PetroVietnam Southern Gas Joint Stock Company	115,773,578,056	111,855,181,545
PetroVietnam Building and Commercial Joint Stock Company	82,781,275,311	65,018,108,775
PetroVietnam Chemical and Services Joint Stock Corporation	42,714,438,129	60,072,966,993
Quang Ngai Petro Transportation Joint Stock Company	12,221,218,245	8,654,934,540
Nghi Son Refinery and Petrochemical LLC	1,638,403,200	-
Branch of PetroVietnam Fertilizer and Chemicals Corporation - Phu My Fertilizer Plant	67,194,000	-
PetroVietnam Camau Fertilizer Joint Stock Company	-	113,064,400
PetroVietnam LPG Joint Stock Company	-	27,109,380,121
PTSC Quang Ngai Joint Stock Company	-	1,056,458,700

CÔNG TY CỔ PHẦN
 BIÊN HÒA
 PETROVIETNAM
 REFINING AND
 PETROCHEMICAL
 JOINT STOCK COMPANY



	<u>Closing balance</u>	<u>Opening balance</u>
	VND	VND
Trade payables	7,604,686,259,255	4,236,605,389,188
PVOil Singapore Pte. Ltd.	4,285,348,533,695	-
PetroVietnam Oil Corporation	2,371,459,701,101	3,098,903,526,258
Branch of PVN - Bien Dong Petroleum Operating Company (Block 05-2 & 05-3)	407,833,843,448	459,274,781,589
PetroVietnam Transportation Corporation	244,896,330,944	250,857,407,807
PTSC Quang Ngai Joint Stock Company	94,247,445,425	58,010,883,384
PetroVietnam Maintenance Services Joint Stock Company	48,526,862,481	68,110,419,047
PetroVietnam Maintenance and Repair Corporation	42,639,655,817	48,761,271,880
PetroVietnam Chemical and Services Joint Stock Corporation	30,617,313,766	50,679,825,166
PetroVietnam Building and Commercial Joint Stock Company	21,017,946,354	41,887,073,708
Nhat Viet Transportation Corporation	17,153,397,105	27,476,077,514
PVI Insurance Corporation	10,225,971,573	16,413,940,810
PetroVietnam Exploration Production Corporation Limited (Blocks 01/97 & 02/97)	8,473,696,273	17,607,380,190
PVD Trading and Technical Services Joint Stock Company	6,440,677,610	422,616,720
PetroVietnam Security Joint Stock Company	4,317,050,520	4,352,530,950
PetroVietnam Exploration Production Corporation Ltd. (Blocks 01 & 02)	3,164,419,108	6,583,950,200
Vietnam Petroleum Institute	1,938,686,994	647,302,909
PetroVietnam Engineering Consultancy Corporation	1,810,462,354	662,801,126
PV Oil Mien Trung Joint Stock Company	1,585,478,840	1,971,221,970
PetroVietnam University	1,268,780,000	340,000,000
PetroVietnam Technical Services Corporation - PTSC Da Nang Company Limited	1,188,645,847	3,280,566,904
PetroVietnam Oil Hanoi Joint Stock Company	531,360,000	531,360,000
PetroVietnam Domestic Exploration Production Operating Company Limited - Block 05.1a	-	75,070,109,256
PVChem - Tech Company Limited	-	4,065,720,600
Vietnam Petrochemical and Textile Fiber Joint Stock Company	-	200,000,000
PVD Technical Training and Certification JSC	-	196,000,000
PetroVietnam Central Biofuels Joint Stock Company	-	150,000,000
PetroVietnam Manpower Training College	-	142,800,000
Indochina Petroleum Transportation Joint Stock Company	-	5,821,200



	<u>Closing balance</u>	<u>Opening balance</u>
	VND	VND
Advances to suppliers	226,357,625,988	69,212,355,731
PTSC Quang Ngai Joint Stock Company	125,773,911,903	23,709,788,582
PetroVietnam Maintenance and Repair Corporation	56,778,285,737	5,648,758,754
PetroVietnam Maintenance Services Joint Stock Company	11,548,227,101	6,951,334,055
PetroVietnam Transportation Corporation	9,226,541,390	6,808,912,347
PetroVietnam Chemical and Services Joint Stock Corporation	7,476,669,830	11,216,727,452
PetroVietnam Building and Commercial Joint Stock Company	6,519,558,596	12,191,510,101
PVD Trading and Technical Services Joint Stock Company	3,934,474,170	-
PetroVietnam Oil Corporation	3,627,981,106	378,885,045
Vietnam Petroleum Institute	1,303,140,993	694,999,833
PetroVietnam Securities Incorporated	89,100,000	89,100,000
PetroVietnam Engineering Consultancy Corporation Joint Stock Company	79,735,162	79,735,162
PVI Insurance Corporation	-	754,000,000
PetroVietnam Central Biofuels Joint Stock Company	-	396,000,000
PVChem - Tech Company Limited	-	292,604,400
Other receivables	24,708,467,028	2,434,065,134
Vietnam Oil and Gas Group	21,698,429,270	1,118,996,642
Vietnam Public Joint Stock Commercial Bank - Quang Ngai Branch	2,182,191,759	1,315,068,492
PetroVietnam Transportation Corporation	827,845,999	-
Short-term advances from customers	739,637,565	-
PetroVietnam Chemical and Services Joint Stock Corporation	739,637,565	-
Other payables	2,605,396,642	2,549,496,642
Dung Quat Oil Refinery Plant Project Management Board	1,118,996,642	1,118,996,642
Branch of PetroVietnam Gas Joint Stock Corporation - PetroVietnam Gas Trading Company	500,000,000	500,000,000
PetroVietnam LPG Joint Stock Company	500,000,000	500,000,000
PetroVietnam Building and Commercial Joint Stock Company	180,000,000	180,000,000
PetroVietnam Maintenance and Repair Corporation	160,000,000	85,000,000
PetroVietnam Chemical and Services Joint Stock Corporation	88,000,000	30,000,000
PetroVietnam Engineering Consultancy Corporation Joint Stock Company	46,000,000	15,500,000
PetroVietnam Manpower Training College	9,000,000	-
PetroVietnam University	3,400,000	-
PVChem - Tech Company Limited	-	120,000,000

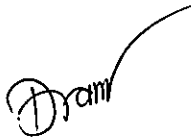
S/C
 N
 TE
 M
 HA



34. SUPPLEMENTAL DISCLOSURE OF CASH FLOW INFORMATION

Supplemental non-cash disclosures

Cash outflows for purchases of fixed assets and construction in progress during the year exclude VND 29,836,190,106 (2022: VND 19,229,958,082), representing an addition in fixed assets and construction in progress during the year that has not yet been paid. Consequently, increases, decreases in payables have been adjusted by the same amount.



Le Thi Hong Tram
Preparer



Bach Duc Long
Chief Accountant



Bui Ngoc Duong
Chief Executive Officer

15 March 2024

N.H.H. ★

9-C.T.C.P
S





**BINH SON REFINING AND PETROCHEMICAL
JOINT STOCK COMPANY**
(Incorporated in the Socialist Republic of Vietnam)

**AUDITED CONSOLIDATED
FINANCIAL STATEMENTS**
For the year ended 31 December 2023

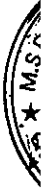


TABLE OF CONTENTS

<u>CONTENTS</u>	<u>PAGE(S)</u>
STATEMENT OF THE BOARD OF MANAGEMENT	1 - 2
INDEPENDENT AUDITORS' REPORT	3 - 4
CONSOLIDATED BALANCE SHEET	5 - 6
CONSOLIDATED INCOME STATEMENT	7
CONSOLIDATED CASH FLOW STATEMENT	8 - 9
NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS	10 - 44

1918
C
KI
DE
VI
ONG

BINH SON REFINING AND PETROCHEMICAL JOINT STOCK COMPANY

208 Hung Vuong Avenue, Quang Ngai City
Quang Ngai Province, S.R. Vietnam

STATEMENT OF THE BOARD OF MANAGEMENT

The Board of Management of Binh Son Refining and Petrochemical Joint Stock Company (the "Company") presents this report together with the Company's consolidated financial statements for the year ended 31 December 2023.

BOARDS OF DIRECTORS AND MANAGEMENT

The members of the Boards of Directors and Management of the Company during the year and to the date of this report are as follows:

Board of Directors

Mr. Nguyen Van Hoi	Chairman
Mr. Bui Ngoc Duong	Member
Mr. Ha Dong	Member
Mr. Khuong Le Thanh	Member
Mr. Hang Anh Minh	Independent Member (Appointed on 13 April 2023)
Mr. Nguyen Ba Phuoc	Independent Member (Resigned on 13 April 2023)
Mr. Nguyen Hai Au	Independent Member (Resigned on 13 April 2023)

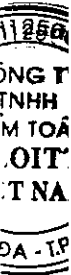
Board of Management

Mr. Bui Ngoc Duong	Chief Executive Officer
Mr. Nghiem Duc Duong	Executive Officer
Mr. Nguyen Viet Thang	Executive Officer
Mr. Pham Minh Nghia	Executive Officer
Mr. Mai Tuan Dat	Executive Officer
Mr. Tran Thai Bao	Executive Officer (Appointed on 01 August 2023)
Mr. Tran Doan Thinh	Executive Officer (Resigned on 15 August 2023)
Mr. Nguyen Ngoc Anh	Executive Officer (Retired from 01 July 2023)

BOARD OF MANAGEMENT'S STATEMENT OF RESPONSIBILITY

The Board of Management of the Company is responsible for preparing the consolidated financial statements, which give a true and fair view of the consolidated financial position of the Company as at 31 December 2023 and its consolidated financial performance and its consolidated cash flows for the year then ended, in accordance with Vietnamese Accounting Standards, accounting regime for enterprises and legal regulations relating to consolidated financial reporting. In preparing these consolidated financial statements, the Board of Management is required to:

- Select suitable accounting policies and then apply them consistently;
- Make judgments and estimates that are reasonable and prudent;
- State whether applicable accounting principles have been followed, subject to any material departures disclosed and explained in the consolidated financial statements;
- Prepare the consolidated financial statements on the going concern basis unless it is inappropriate to presume that the Company will continue in business; and
- Design and implement an effective internal control system for the purpose of properly preparing and presenting the consolidated financial statements so as to minimize errors and frauds.



STATEMENT OF THE BOARD OF MANAGEMENT (Continued)

The Board of Management is responsible for ensuring that proper accounting records are kept, which disclose, with reasonable accuracy at any time, the consolidated financial position of the Company and that the consolidated financial statements comply with Vietnamese Accounting Standards, accounting regime for enterprises and legal regulations relating to consolidated financial reporting. The Board of Management is also responsible for safeguarding the assets of the Company and hence for taking reasonable steps for the prevention and detection of frauds and other irregularities.

The Board of Management confirms that the Company has complied with the above requirements in preparing these consolidated financial statements.

For and on behalf of the Board of Management.



Bui Ngoc Duong
Chief Executive Officer

15 March 2024

C.T.C.P.
P.5
T. QUẢNG NGÃI



No.: 0516 /VN1A-HN-BC

INDEPENDENT AUDITORS' REPORT

**To: Shareholders
The Boards of Directors and Management
Binh Son Refining and Petrochemical Joint Stock Company**

We have audited the accompanying consolidated financial statements of Binh Son Refining and Petrochemical Joint Stock Company (the "Company"), prepared on 15 March 2024 as set out from page 05 to page 44, which comprise the consolidated balance sheet as at 31 December 2023, the consolidated statement of income and consolidated statement of cash flows for the year then ended, and a summary of significant accounting policies and other explanatory information.

The Board of Management's Responsibility for the Consolidated Financial Statements

The Board of Management is responsible for the preparation and fair presentation of these consolidated financial statements in accordance with Vietnamese Accounting Standards, accounting regime for enterprises and legal regulations relating to consolidated financial reporting, and for such internal control as the Board of Management determines is necessary to enable the preparation of consolidated financial statements that are free from material misstatement, whether due to fraud or error.

Auditors' Responsibility

Our responsibility is to express an opinion on these consolidated financial statements based on our audit. We conducted our audit in accordance with Vietnamese Standards on Auditing. Those standards require that we comply with ethical requirements and plan and perform the audit to obtain reasonable assurance about whether the consolidated financial statements are free from material misstatement.

An audit involves performing procedures to obtain audit evidence about the amounts and disclosures in the consolidated financial statements. The procedures selected depend on the auditors' judgment, including the assessment of the risks of material misstatement of the consolidated financial statements, whether due to fraud or error. In making those risk assessments, the auditors consider internal control relevant to the Company's preparation and fair presentation of the consolidated financial statements in order to design audit procedures that are appropriate in the circumstances, but not for the purpose of expressing an opinion on the effectiveness of the Company's internal control. An audit also includes evaluating the appropriateness of accounting policies used and the reasonableness of accounting estimates made by the Board of Management, as well as evaluating the overall presentation of the consolidated financial statements.

We believe that the audit evidence we have obtained is sufficient and appropriate to provide a basis for our audit opinion.

INDEPENDENT AUDITORS' REPORT (Continued)

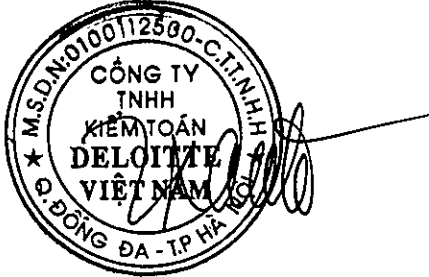
Opinion

In our opinion, the consolidated financial statements present fairly, in all material respects, the consolidated financial position of the Company as at 31 December 2023, its consolidated financial performance and its consolidated cash flows for the year then ended, in accordance with Vietnamese Accounting Standards, accounting regime for enterprises and legal regulations relating to consolidated financial reporting.

Emphasis of Matters

- As presented in Note 01 of the Notes to the consolidated financial statements, at the date of these consolidated financial statements, the competent authorities have not approved the equitization settlement at the time the Company was officially transformed into a joint stock company.
- As presented in Note 01 of the Notes to the consolidated financial statements, on 26 September 2023, a first-instance judgement was issued by the People's Court of Quang Ngai City relating to the partial approval on some banks' request of lawsuit and Central Petroleum Biofuel Joint Stock Company ("BSR-BF" - a subsidiary of the Company) shall be forced to continue being obliged to repay for these banks. On 22 February 2024, BSR-BF also submitted an application to the People's Court of Quang Ngai City on request to open bankruptcy proceedings. At the date of these consolidated financial statements, BSR-BF is waiting for the Court's decision on the opening of bankruptcy proceedings.

Our opinion is not modified in respect of these matters.



Tran Xuan Anh
Deputy General Director
Audit Practising Registration Certificate
No. 0723-2023-001-1

Do Trung Kien
Auditor
Audit Practising Registration Certificate
No. 1924-2023-001-1

DELOITTE VIETNAM AUDIT COMPANY LIMITED

15 March 2024
Hanoi, S.R. Vietnam

CONSOLIDATED BALANCE SHEET
As at 31 December 2023

Unit: VND

ASSETS	Codes	Notes	Closing balance	Opening balance
A. CURRENT ASSETS	100		68,680,527,655,901	58,471,339,394,419
I. Cash and cash equivalents	110	4	17,000,621,246,736	22,853,096,476,348
1. Cash	111		673,818,869,777	254,094,099,389
2. Cash equivalents	112		16,326,802,376,959	22,599,002,376,959
II. Short-term financial investments	120	5	21,121,666,010,000	2,172,266,010,000
1. Held-to-maturity investments	123		21,121,666,010,000	2,172,266,010,000
III. Short-term receivables	130		14,954,714,750,319	16,553,037,481,898
1. Short-term trade receivables	131	6	13,986,168,908,581	16,097,812,372,261
2. Short-term advances to suppliers	132	7	539,957,065,465	350,150,147,510
3. Other short-term receivables	136	8	431,901,998,970	105,438,184,824
4. Provision for short-term doubtful debts	137		(3,314,458,330)	(364,458,330)
5. Deficits in assets awaiting solution	139		1,235,633	1,235,633
IV. Inventories	140	9	15,530,866,954,976	16,809,029,395,688
1. Inventories	141		15,654,603,068,943	16,953,935,604,356
2. Provision for devaluation of inventories	149		(123,736,113,967)	(144,906,208,668)
V. Other short-term assets	150		72,658,693,870	83,910,030,485
1. Short-term prepayments	151	10	66,459,619,637	78,264,384,464
2. Taxes and other receivables from the State budget	153	16	6,199,074,233	5,645,646,021
B. NON-CURRENT ASSETS	200		17,914,133,338,509	20,016,589,667,431
I. Long-term receivables	210		548,632,960,657	534,035,547,749
1. Long-term advances to suppliers	212	7	548,106,960,657	533,509,547,749
2. Other long-term receivables	216	8	526,000,000	526,000,000
II. Fixed assets	220		16,071,414,023,409	18,075,350,073,228
1. Tangible fixed assets	221	11	15,826,906,360,099	17,885,159,850,501
- Cost	222		47,677,876,854,684	47,550,903,268,739
- Accumulated depreciation	223		(31,850,970,494,585)	(29,665,743,418,238)
2. Intangible assets	227	12	244,507,663,310	190,190,222,727
- Cost	228		974,578,237,134	842,287,871,122
- Accumulated amortisation	229		(730,070,573,824)	(652,097,648,395)
III. Long-term assets in progress	240		1,195,207,150,125	1,274,551,993,557
1. Construction in progress	242	13	1,195,207,150,125	1,274,551,993,557
IV. Long-term financial investments	250	5	9,751,222,366	9,957,778,066
1. Equity investments in other entities	253		11,244,000,000	11,244,000,000
2. Provision for impairment of long-term financial investments	254		(1,492,777,634)	(1,286,221,934)
V. Other long-term assets	260		89,127,981,952	122,694,274,831
1. Long-term prepayments	261	10	79,385,540,579	103,138,979,398
2. Deferred tax assets	262		9,742,441,373	19,555,295,433
TOTAL ASSETS (270=100+200)	270		86,594,660,994,410	78,487,929,061,850

The accompanying notes are an integral part of these consolidated financial statements



CONSOLIDATED BALANCE SHEET (Continued)

As at 31 December 2023

Unit: VND

RESOURCES	Codes	Notes	Closing balance	Opening balance
C. LIABILITIES	300		29,325,965,248,034	27,297,582,189,790
I. Current liabilities	310		28,442,061,214,665	26,015,466,987,812
1. Short-term trade payables	311	14	14,616,088,750,645	14,835,754,454,021
2. Short-term advances from customers	312	15	246,761,832,957	37,919,613,984
3. Taxes and amounts payable to the State budget	313	16	1,613,751,641,098	1,396,349,250,098
4. Payables to employees	314		231,737,932,390	225,004,801,795
5. Short-term accrued expenses	315	17	592,093,387,612	429,137,692,810
6. Short-term unearned revenue	318		964,004,965	144,071,146
7. Other current payables	319	18	56,503,530,792	32,684,869,220
8. Short-term loans and obligations under finance leases	320	19	10,970,334,445,963	8,954,405,974,915
9. Bonus and welfare funds	322		113,825,688,243	104,066,259,823
II. Long-term liabilities	330		883,904,033,369	1,282,115,201,978
1. Other long-term payables	337		66,000,000	100,000,000
2. Deferred tax liabilities	341		10,288,601,446	10,288,601,446
3. Scientific and technological development fund	343	20	873,549,431,923	1,271,726,600,532
D. EQUITY	400		57,268,695,746,376	51,190,346,872,060
1. Owners' equity	410	21	57,268,695,746,376	51,190,346,872,060
1. Owners' contributed capital	411		31,004,996,160,000	31,004,996,160,000
- Ordinary shares carrying voting rights	411a		31,004,996,160,000	31,004,996,160,000
2. Investment and development fund	418		10,047,967,778,589	5,598,760,740,080
3. Other reserves	420		106,709,914	106,709,914
4. Retained earnings	421		16,340,184,316,581	14,651,541,651,825
- Retained earnings accumulated to the prior year end	421a		7,691,912,833,228	(73,126,542,757)
- Retained earnings of the current year	421b		8,648,271,483,353	14,724,668,194,582
5. Non-controlling interests	429		(124,559,218,708)	(65,058,389,759)
TOTAL RESOURCES (440=300+400)	440		86,594,660,994,410	78,487,929,061,850



Le Thi Hong Tram
Preparer



Bach Duc Long
Chief Accountant



Bui Ngoc Duong
Chief Executive Officer

15 March 2024

The accompanying notes are an integral part of these consolidated financial statements



CONSOLIDATED INCOME STATEMENT
 For the year ended 31 December 2023

Unit: VND

ITEMS	Codes	Notes	Current year	Prior year
1. Gross revenue from goods sold and services rendered	01	24	147,423,365,943,576	167,126,456,807,653
2. Deductions	02	24	-	2,744,021,629
3. Net revenue from goods sold and services rendered (10=01-02)	10	24	147,423,365,943,576	167,123,712,786,024
4. Cost of sales	11	25	137,663,837,918,959	151,027,307,397,420
5. Gross profit from goods sold and services rendered (20=10-11)	20		9,759,528,024,617	16,096,405,388,604
6. Financial income	21	27	2,652,368,561,043	1,750,275,299,515
7. Financial expenses	22	28	1,154,774,797,936	923,195,487,108
- In which: Interest expense	23		287,654,759,616	252,789,589,546
8. Selling expenses	25	29	1,032,111,954,829	908,980,731,417
9. General and administration expenses	26	29	623,486,470,367	514,762,438,322
10. Operating profit (30=20+(21-22)-(25+26))	30		9,601,523,362,528	15,499,742,031,272
11. Other income	31	30	40,237,225,748	87,017,979,405
12. Other expenses	32		2,425,566,035	951,863,559
13. Profit from other activities (40=31-32)	40		37,811,659,713	86,066,115,846
14. Accounting profit before tax (50=30+40)	50		9,639,335,022,241	15,585,808,147,118
15. Current corporate income tax expense	51	31	1,036,943,196,170	890,394,134,163
16. Deferred corporate tax expense	52	32	9,812,854,060	26,077,223,876
17. Net profit after corporate income tax (60=50-51-52)	60		8,592,578,972,011	14,669,336,789,079
In which:				
17.1. Profit after tax attributable to equity holders of the Holding Company	61		8,649,771,483,353	14,725,833,852,993
17.2. (Loss) after tax attributable to non-controlling interests	62		(57,192,511,342)	(56,497,063,914)
18. Basic earnings per share	70	33	2,789	4,641

Dranh

Bach Duc Long



Le Thi Hong Tram
Preparer

Bach Duc Long
Chief Accountant

Bui Ngoc Duong
Chief Executive Officer

15 March 2024

The accompanying notes are an integral part of these consolidated financial statements

CONSOLIDATED CASH FLOW STATEMENT
For the year ended 31 December 2023

Unit: VND

ITEMS	Codes	Current year	Prior year
I. CASH FLOWS FROM OPERATING ACTIVITIES			
1. Profit before tax	01	9,639,335,022,241	15,585,808,147,118
2. Adjustments for:			
Depreciation and amortisation of fixed assets	02	2,270,282,119,116	2,192,063,673,295
Provisions	03	(18,013,539,001)	126,438,049,579
Foreign exchange gain arising from translating foreign currency items	04	(870,017,280,597)	(321,219,537,870)
Gain from investing activities	05	(1,601,232,707,839)	(907,169,854,145)
Interest expense	06	287,654,759,616	252,789,589,546
3. Operating profit before movements in working capital	08	9,708,008,373,536	16,928,710,067,523
Decrease/(increase) in receivables	09	1,891,888,380,800	(2,943,376,644,415)
Decrease/(increase) in inventories	10	1,299,332,535,413	(6,577,350,250,612)
Increases in payables (excluding accrued loan interest and corporate income tax payable)	11	585,397,290,797	882,945,737,345
Decreases in prepaid expenses	12	35,558,203,646	183,896,616,339
Interest paid	14	(233,996,226,319)	(199,126,404,950)
Corporate income tax paid	15	(886,536,010,557)	(917,746,993,486)
Other cash inflows	16	1,023,000,000	728,860,000
Other cash outflows	17	(727,342,206,159)	(270,921,657,661)
Net cash generated by operating activities	20	11,673,333,341,157	7,087,759,330,083
II. CASH FLOWS FROM INVESTING ACTIVITIES			
1. Acquisition and construction of fixed assets and other long-term assets	21	(229,573,163,895)	(219,560,369,638)
2. Proceeds from sale, disposal of fixed assets and other long-term assets	22	1,468,818,182	95,454,545
3. Cash outflow for lending, buying debt instruments of other entities	23	(29,789,400,000,000)	(7,826,100,000,000)
4. Cash recovered from lending, selling debt instruments of other entities	24	10,840,000,000,000	9,843,402,830,000
5. Interest earned, dividends and profits received	27	1,303,447,256,983	897,428,499,937
Net cash (used in)/generated by investing activities	30	(17,874,057,088,730)	2,695,266,414,844

The accompanying notes are an integral part of these consolidated financial statements

CONSOLIDATED CASH FLOW STATEMENT (Continued)

For the year ended 31 December 2023

Unit: VND

ITEMS	Codes	Current year	Prior year
III. CASH FLOWS FROM FINANCING ACTIVITIES			
1. Proceeds from borrowings	33	95,396,377,675,905	77,968,652,009,029
2. Repayment of borrowings	34	(93,407,413,272,657)	(79,886,258,019,843)
3. Dividends and profits paid	36	(2,165,547,068,085)	(1,346,931,938,679)
<i>Net cash used in financing activities</i>	40	<i>(176,582,664,837)</i>	<i>(3,264,537,949,493)</i>
Net (decrease)/increases in cash (50=20+30+40)	50	(6,377,306,412,410)	6,518,487,795,434
Cash and cash equivalents at the beginning of the year	60	22,853,096,476,348	16,345,674,140,133
Effects of changes in foreign exchange rates	61	524,831,182,798	(11,065,459,219)
Cash and cash equivalents at the end of the year (70=50+60+61)	70	17,000,621,246,736	22,853,096,476,348



Le Thi Hong Tram
Preparer



Bach Duc Long
Chief Accountant



Bui Ngoc Duong
Chief Executive Officer

15 March 2024

The accompanying notes are an integral part of these consolidated financial statements

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS

These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying consolidated financial statements

1. GENERAL INFORMATION**Structure of ownership**

Binh Son Refining and Petrochemical Joint Stock Company (the "Company") was formerly known as Binh Son Refining and Petrochemical Company Limited (a subsidiary of which Vietnam Oil and Gas Group holds 100% charter capital, was incorporated in Vietnam under the first Business Registration Certificate No. 3404000189 dated 05 June 2008).

The Company transformed its model into a joint stock company in accordance with Decision No. 1978/QĐ-TTg dated 08 December 2017 of the Prime Minister on approving the equitization plan of Binh Son Refining and Petrochemical Company Limited. The Company completed its initial public offering on 17 January 2018 and had its shares officially listed on UPCOM with the stock code of BSR. The first trading date was 01 March 2018.

Binh Son Refining and Petrochemical Company Limited was officially transformed into a joint stock company on 01 July 2018 with charter capital of VND 31,004,996,160,000 according to the 12th amended Enterprise Registration Certificate dated 01 July 2018 issued by Quang Ngai Department of Planning and Investment and amendments.

The parent company of the Company is Vietnam Oil and Gas Group.

The number of employees of the Company and its subsidiaries as at 31 December 2023 was 1,855 (31 December 2022: 1,836).

Operating industry and principal activities

Under the Business Registration Certificate, the operating industry of the Company comprises:

- Producing, processing, trading, importing-exporting, storing, transporting, distributing petroleum, products made from petroleum, intermediate products, bio-fuel, chemical products, additives, catalyst, fuels, materials for refining and petrochemical industry;
- Repairing and maintaining machinery and equipment in refining and petrochemical industry;
- Supervising construction for civil and industrial purposes; supervising installation of equipment of constructions; completing petroleum pipelines and petroleum storage warehouses;
- Providing human-resources training services and services of hiring and providing experts in management, operation, maintenance and repairing in refining and petrochemical industry and port services; scientific research, applications and repairing in refining and petrochemical industry;
- Providing services related to producing, processing, trading, importing-exporting, storing, transporting, distributing petroleum, products made from petroleum, intermediate products, bio-fuel, chemical products, additives, catalyst, machinery, equipment, spare parts, facilities and raw materials for refining and petrochemical industry;
- Providing analysis services for crude oil, petroleum products, chemical products, additives, catalyst, bio-fuel for refining and petrochemical industry;
- Providing port and seaport services for refining and petrochemical industry;
- Investing and developing refining and petrochemical projects and bio-fuel projects locally and internationally.

Normal production and business cycle

The Company's normal production and business cycle is carried out for the time period of 12 months or less.

Characteristics of the business activities in the fiscal year which have impact on the consolidated financial statements

According to Decision No. 7330/QD-BSR dated 28 December 2023 of the Board of Directors, the Company has established a branch of Binh Son Refining and Petrochemical Joint Stock Company in Hanoi with the main operating industry of wholesale of solid, liquid, gaseous fuels and related products.

The branch officially operates from 04 January 2024 under the Operation Registration Certificate No. 4300378569-002 dated 04 January 2024.

The Company's structure

As at 31 December 2023, the Company has 01 dependent accounting unit which is the Project Management Board of Dung Quat Oil Refinery Plant Upgrading and Expansion, located in Dung Quat Oil Refinery Plant, Dung Quat Economic Zone, Binh Thuan and Binh Tri communes, Binh Son district, Quang Ngai province, with the main function of investment in upgrading and expanding Dung Quat Oil Refinery Plant.

As at 31 December 2023, the Company has 02 subsidiaries as follows:

	<u>Place of incorporation and operation</u>	<u>Proportion of ownership interest</u>	<u>Proportion of voting power held</u>	<u>Princial activities</u>
PetroVietnam Building and Commercial Joint Stock Company	Quang Ngai	83.26%	83.26%	Packaging production, housing management and provision of services for residential and urban areas
PetroVietnam Central Biofuels Joint Stock Company	Quang Ngai	65.54%	61.00%	Production and import of biofuel products

PetroVietnam Central Biofuels Joint Stock Company ("BSR-BF" – a subsidiary of the Company) has temporarily recorded an increase in the cost of fixed assets under Dung Quat Bio-Ethanol Biofuel Plant project ("the Plant") in 2014 and BSR-BF's production has been halted. At the date of these consolidated financial statements, BSR-BF is carrying out procedures for finalization of the project's construction costs. The settlement value of the Plant may be subject to changes depending on the approval of the competent authorities.

In 2021, the banks providing credit to BSR-BF including Ocean Commercial One Member Limited Liability Bank, Vietnam Public Joint Stock Commercial Bank and Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam have filed a lawsuit against BSR-BF at the People's Court of Quang Ngai City related to overdue loans and measures to recover debts and interest on credit contracts to construct Dung Quat Biofuel Plant. On 26 September 2023, a first-instance judgement No. 08/2023/KDTM-ST was issued by the People's Court of Quang Ngai City relating to the partial approval on some banks' request of lawsuit and BSR-BF shall be forced to continue being obliged to repay for these banks with the total amount of about USD 58.7 million and about VND 140.9 billion up to 19 September 2023 and to continue to pay interest arising on late payment balance according to the interest rate agreed with the banks from 19 September 2023 until BSR-BF shall repay all debts. According to BSR-BF's financial statements, as at 31 December 2023, total outstanding balance of principal and interest was approximately VND 1,572.4 billion (as at 31 December 2022: approximately VND 1,472.5 billion), in which, overdue



loans was about VND 1,566.7 billion (as at 31 December 2022: VND 1,466.9 billion), the total carrying amount of tangible fixed assets used as collateral for the above loans was approximately VND 1,074.6 billion (as at 31 December 2022: approximately VND 1,146.1 billion).

As at 31 December 2023, the current liabilities of BSR-BF exceeded its current assets by about VND 1,532.3 billion, accumulated loss of BSR-BF was about VND 1,588 billion and overdue loans were about VND 1,566.7 billion. BSR-BF is in shortage of working capital to pay its due loans. Overdue loans as at 31 December 2023 mainly consist of (1) loan interest payable of about VND 439.6 billion, (2) loan principal balance of about VND 1,127.1 billion. On 22 February 2024, BSR-BF submitted an application to the People's Court of Quang Ngai City on request to open bankruptcy proceedings. At the date of these consolidated financial statements, BSR-BF is waiting for the Court's decision on the opening of bankruptcy proceedings.

Summary of operations of the subsidiaries during the year:

	<u>Current year</u>	<u>Prior year</u>
PetroVietnam Building and Commercial Joint Stock Company	Making profit	Making profit
PetroVietnam Central Biofuels Joint Stock Company	Reported loss	Reported loss

Disclosure of information comparability in the consolidated financial statements

Comparative figures are the figures of the Company's audited consolidated financial statements for the year ended 31 December 2022.

Equitization settlement

At the date of these consolidated financial statements, the competent authorities have not approved the equitization settlement at the time the Company was officially transformed into a joint stock company.

2. ACCOUNTING CONVENTION AND FINANCIAL YEAR

Accounting convention

The accompanying consolidated financial statements, expressed in Vietnam Dong (VND), are prepared under the historical cost convention and in accordance with Vietnamese Accounting Standards, accounting regime for enterprises and legal regulations relating to consolidated financial reporting.

The accompanying consolidated financial statements are not intended to present the consolidated financial position, consolidated results of operations and consolidated cash flows in accordance with accounting principles and practices generally accepted in countries and jurisdictions other than Vietnam.

Financial year

The Company's financial year begins on 01 January and ends on 31 December.

1125
 NG
 NH
 M TC
 .OIT
 TN
 A - 1



3. SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES

The significant accounting policies, which have been adopted by the Company in the preparation of these consolidated financial statements, are as follows:

Estimates

The preparation of consolidated financial statements in conformity with Vietnamese Accounting Standards, accounting regime for enterprises and legal regulations relating to consolidated financial reporting requires the Board of Management to make estimates and assumptions that affect the reported amounts of assets, liabilities and disclosures of contingent assets and liabilities at the date of the consolidated financial statements and the reported amounts of revenues and expenses during the financial year. Although these accounting estimates are based on the Board of Management's best knowledge, actual results may differ from those estimates.

Basis of consolidation

The consolidated financial statements incorporate the separate financial statements of the Company and the financial statements of enterprises controlled by the Company (its subsidiaries) which were prepared for the year ended 31 December 2023. Control is achieved where the Company has the power to govern the financial and operating policies of an investee enterprise so as to obtain benefits from its activities.

The results of subsidiaries acquired or disposed of during the year are included in the consolidated income statement from the effective date of acquisition or up to the effective date of disposal, as appropriate.

At the date of these consolidated financial statements, PetroVietnam Central Biofuels Joint Stock Company ("BSR-BF" - a subsidiary of the Company) submitted an application to the People's Court of Quang Ngai City to open bankruptcy proceedings and waiting for the Court's decision on the opening of bankruptcy proceedings. Accordingly, for the purpose of preparing and presenting financial statements in accordance with the law, the Board of Directors of BSR-BF has prepared and presented the financial statements for the fiscal year ending 31 December 2023 of BSR-BF on non-going concern basis. However, the consolidated financial statements of the Company are prepared on going concern basis, hence the financial statements of BSR-BF used for consolidation have been adjusted based on going concern.

Intragroup transactions and balances are eliminated in full on consolidation.

Non-controlling interests consist of the amount of those non-controlling interests at the date of the original business combination (see below) and the non-controlling interests' share of changes in equity since the date of the combination. Losses in subsidiaries are respectively attributed to the non-controlling interests even if this results in the non-controlling interests having a deficit balance.

Business combinations

On acquisition, the assets and liabilities and contingent liabilities of a subsidiary are measured at their fair values at the date of acquisition. Any excess of the cost of acquisition over the fair values of the identifiable net assets acquired is recognised as goodwill. Any deficiency of the cost of acquisition below the fair values of the identifiable net assets acquired is credited to profit and loss in the period of acquisition.

The non-controlling interests are initially measured at the non-controlling shareholders' proportion of the net fair value of the assets, liabilities and contingent liabilities recognised.

Cash and cash equivalents

Cash and cash equivalents comprise cash on hand, demand deposits and short-term, highly liquid investments (not exceeding 3 months) that are readily convertible to known amounts of cash and which are subject to an insignificant risk of changes in value.

Financial investments

Held-to-maturity investments

Held-to-maturity investments comprise investments that the Company has the positive intent or ability to hold to maturity, including term deposits held to maturity to earn periodic interest.

Held-to-maturity investments are recognised on a trade date basis and are initially measured at acquisition price plus directly attributable transaction costs.

Post-acquisition interest income from held-to-maturity investments is recognised in the consolidated income statement on accrual basis. Pre-acquisition interest is deducted from the cost of such investments at the acquisition date.

Held-to-maturity investments are measured at cost less provision for doubtful debts.

Provision for doubtful debts relating to held-to-maturity investments is made in accordance with the prevailing accounting regulations.

Equity investments in other entities

Equity investments in other entities represent the Company's investments in ordinary shares of the entities over which the Company has no control, joint control, or significant influence.

Equity investments in other entities are carried at cost less provision for impairment. Provisions for impairment of such investments are made when there is reliable evidence for decline in value of these investments at the consolidated balance sheet date.

11/11/2024 10:10



Receivables

Receivables represent the amounts recoverable from customers or other debtors and are stated at book value less provision for doubtful debts.

Provision for doubtful debts is made for receivables that are overdue for six months or more or when the debtor is in dissolution, in bankruptcy, or is experiencing similar difficulties and so may be unable to repay the debt.

Inventories

Inventories are stated at the lower of cost and net realizable value. Cost comprises direct materials and where applicable, direct labor costs and those overheads that have been incurred in bringing the inventories to their present location and condition. Cost is calculated using the weighted average method.

The Company applies the perpetual method of accounting for inventories.

The monthly production cost of each type of refined and petrochemical products is determined as follows: The cost of raw materials is determined by the actual materials consumed for each product; Labor costs and overhead costs are allocated based on the cost of materials attributable to each product.

The cost of work in progress at the end of each month is determined by the degree of completion of the work in progress.

The evaluation of necessary provision for inventory obsolescence follows current accounting regulations which allow provisions to be made for obsolete, damaged, or sub-standard inventories and for those which have costs higher than net realizable value as of the consolidated balance sheet date.

Net realizable value represents the estimated selling price less all estimated costs to completion and costs to be incurred in marketing, selling and distribution.

Net realizable value of inventories which are refined and petrochemical products and crude oil is determined as follows:

- Refined and petrochemical products: the Company determines net realizable value based on the estimated selling price less the costs to be incurred in marketing, selling and distribution.
- Work in progress in respect of refined and petrochemical products: the Company determines net realizable value based on converting work in progress to equivalent finished goods and its estimated selling price less all estimated costs to completion and costs to be incurred in marketing, selling and distribution.
- Crude oil: According to the guidance of Official Letter No. 2801/BTC-CDKT dated 02 March 2016 of the Ministry of Finance on accounting of inventories, in the case crude oil in stock has cost higher than net realizable value and selling prices of products made from crude oil decrease at the provision-making time, the Company shall make provision for devaluation of crude oil based on its net realizable value (estimated selling prices of crude oil).

Prepayments

Prepayments are expenses which have already been paid but relate to results of operations of multiple accounting periods. Prepaid expenses represent the cost of personal insurance, property-risk insurance, chemicals used and other types of prepayments.

Prepaid expenses relating personal insurance and property-risk insurance are allocated to the consolidated income statement using straight-line method in accordance with insurance period.

The cost of chemicals used is the cost of chemical batches for continuous catalytic reforming (CCR) to be allocated using straight-line method corresponding to their usage time.

Other types of prepayments comprise costs of small tools, supplies and spare parts issued for consumption, renovation expenses and other expenses which are expected to provide future economic benefits to the Company. These expenditures have been capitalized as prepayments, and are allocated to the consolidated income statement using the straight-line method in accordance with the prevailing accounting regulations.

Tangible fixed assets and depreciation

Tangible fixed assets are stated at cost less accumulated depreciation.

The costs of purchased tangible fixed assets comprise their purchase prices and any directly attributable costs of bringing the assets to their working conditions and locations for their intended use. The costs of self-constructed or manufactured assets are the actual construction or manufacturing cost plus installation and test running costs.

The costs of tangible fixed assets formed from construction investment by contractual mode or self-construction or self-generating process are the settled costs of the invested construction projects in accordance with the prevailing State's regulations on investment and construction management, directly related expenses and registration fee (if any). In the event the construction project has been completed and put into use but the settled costs thereof have not been approved, the cost of tangible fixed assets is recognised at the estimated cost based on the actual cost incurred. The estimated cost will be adjusted according to the settled costs approved by the Board of Directors or the Board of Management based on decentralization authority.

Tangible fixed assets are depreciated using the straight-line method over their estimated useful lives, details are as follows:

	<u>Years</u>
Buildings and structures	5 - 50
Machinery and equipment	3 - 20
<i>In which: Machinery and equipment in refinery and petrochemical industry</i>	<i>10 - 20</i>
Motor vehicles and transmission equipment	6 - 25
Office equipment	5 - 10
Other tangible fixed assets	4 - 5

In accordance with Decision No. 952/QĐ-TTg issued by the Prime Minister on 26 July 2012 ("Decision 952") concerning certain financial regulations of Binh Son Refining and Petrochemical Company Limited (currently known as Binh Son Refining and Petrochemical Joint Stock Company), the Company is allowed to depreciate fixed assets for the main equipment of Dung Quat Oil Refinery Plant over a maximum period of 20 years.

According to Official Letter No. 18327/BTC-CDKT dated 26 December 2016 of the Ministry of Finance on the accounting of inventories, for the purpose of financial reporting, the Company is allowed to recognize the net book value of fixed inventories as at 31 December 2015 to the historical cost of fixed assets. The provision for devaluation of inventories made up to 2016 will be reversed as regulated. Regarding provision amount and time of provision-making, the Company charges depreciation of the Plant based on the value which includes the value of fixed inventories maintained in pipelines as determined above from 01 January 2016 according to the remaining useful lives of the fixed asset (machinery and equipment for refinery and petrochemical industry).

Based on the fixed volume of inventory as crude oil, intermediate products and finished products fixed in the pipeline, equipment and tanks of the Company according to the fixed inventory assessment certificate No. 17631001 dated 12 January 2017 provided by Vietnam Energy Inspection Corporation, the Company determined the value of fixed inventories which were added to cost of fixed assets at their book values as at 31 December 2015 with an amount of approximately VND 1,007 billion and recognized a decrease in the value of inventories with the same amount. The adjustment and accounting for inventories as above were approved by the Board of Members of Binh Son Refining and Petrochemical Company Limited in Decision No. 905/QD-BSR dated 17 March 2017. The Company inherits and continues to monitor the above fixed inventory value.

Loss or gain resulting from sales and disposals of tangible fixed assets is the difference between profit from sales or disposals of assets and their residual values and is recognized in the consolidated income statement.

Intangible assets and amortization

Intangible assets are stated at cost less accumulated amortization.

The costs of intangible assets comprise their purchase prices and any directly attributable costs of bringing the assets to their working conditions for their intended use.

Intangible assets are amortized using the straight-line method over their estimated useful lives, details are as follows:

	<u>Years</u>
Patents and technological copyrights	15
Computer software	3
Other intangible assets	6

Construction in progress

Properties in the course of construction for production, rental and administrative purposes or for other purposes are carried at cost including any costs that are necessary to form the asset including construction cost, equipment cost, other directly attributable costs in accordance with the Company's accounting policies. Such costs will be included in the estimated costs of the fixed assets (if settled costs have not been approved) when they are put into use.

According to the State's regulations on investment and construction management, the settled costs of completed construction projects are subject to approval by appropriate level of competent authorities. The final costs of these completed construction projects may vary depending on the final approval by competent authorities.

Accrued expenses

Accrued expenses include accrued interest expense and other accrued expenses which have not been paid but have already been estimated and are recorded as expenses in the year.

Interest expenses are recognized based on loan principal and loan interest rate.

Other accruals are other expenses incurred during the year but the Company has not received invoices from suppliers.

Scientific and technological development fund

Scientific and technological development fund is appropriated to finance the Company's activities relating to science and technology. The fund is established based on a maximum 10% from taxable profit before calculating corporate income tax and recorded as expense in the year.

Investment and development fund

Investment and development fund is formed from profit after tax according to annual profit distribution resolutions that are approved by the Company's General Meeting of Shareholders. This fund is used to supplement the Company's charter capital and to conduct investment and development projects for main operating activities of the Company.

Revenue recognition

Revenue from the sale of goods:

Revenue from the sale of goods is recognized when all five (5) following conditions are satisfied:

- (a) the Company has transferred to the buyer the significant risks and rewards of ownership of the goods;
- (b) the Company retains neither continuing managerial involvement to the degree usually associated with ownership nor effective control over the goods sold;
- (c) the amount of revenue can be measured reliably;
- (d) it is probable that the economic benefits associated with the transaction will flow to the Company; and
- (e) the costs incurred or to be incurred in respect of the transaction can be measured reliably.

Revenue from rendering of services:

Revenue of a transaction involving the rendering of services is recognized when the outcome of such transactions can be measured reliably. Where a transaction involving the rendering of services is attributable to several periods, revenue is recognized in each period by reference to the percentage of completion of the transaction at the balance sheet date of that period. The outcome of a transaction can be measured reliably when all four (4) following conditions are satisfied:

- (a) the amount of revenue can be measured reliably;
- (b) it is probable that the economic benefits associated with the transaction will flow to the Company;
- (c) the percentage of completion of the transaction at the balance sheet date can be measured reliably; and
- (d) the costs incurred for the transaction and the costs to complete the transaction can be measured reliably.

Interest income is accrued on a time basis, by reference to the principal outstanding and at the applicable interest rate.

Dividend income from investments is recognized when the Company's right to receive payment has been established.

Foreign currencies

Transactions arising in foreign currencies are translated at exchange rates ruling at the transaction date. The balances of monetary items denominated in foreign currencies as of the balance sheet date are retranslated at the exchange rates of commercial bank where the Company usually transacts on the same date. Exchange differences arising from the translation of these accounts are recognized in the consolidated income statement.

Borrowing costs

Borrowing costs are recognised in the consolidated income statement in the year when incurred unless they are capitalised in accordance with Vietnamese Accounting Standard No. 16 "Borrowing costs". Accordingly, borrowing costs directly attributable to the acquisition, construction or production of qualifying assets, which are assets that necessarily take a substantial period of time to get ready for their intended use or sale, are added to the cost of those assets, until such time as the assets are substantially ready for their intended use or sale. Investment income earned on the temporary investment of specific borrowings pending their expenditure on qualifying assets is deducted from the cost of those assets. For specific borrowings for the purpose of construction of fixed assets and investment properties, borrowing costs are capitalised even when the construction period is under 12 months.

Taxation

Income tax expense represents the sum of the tax currently payable and deferred tax.

The tax currently payable is based on taxable profit for the year. Taxable profit differs from profit before tax as reported in the consolidated income statement because it excludes items of income or expense that are taxable or deductible in other years and it further excludes items that are never taxable or deductible.

The Company has tax incentives as follows:

- In accordance with Decision 952/QĐ-TTg dated 26 July 2012 of the Prime Minister, the Parent Company is obliged to pay corporate income tax at the rate of 10% of its taxable profit for 30 years from 2010 to 2039, entitled to corporate income tax exemption for 4 years since the Company starts to generate taxable profit from Dung Quat Oil Refinery Plant and a 50% reduction in tax payable for 9 years thereafter. In 2023, the Company has expired the period to receive a 50% reduction in the corporate income tax payable.
- PetroVietnam Central Biofuels Joint Stock Company (BSR-BF) is obliged to pay corporate income tax at the rate of 10% of its taxable profit for 15 years since the operation commencement of Dung Quat Bio-Ethanol Plant and at normal tax rate for the following years. BSR-BF is entitled to corporate income tax exemption for 4 years from the first taxable profit-making year and a 50% reduction in tax payable for 9 years thereafter.

- PetroVietnam Building and Commercial Joint Stock Company (PVBuilding) inherits investment incentives for the remaining duration of the Polypropylene Packaging Plant project and is obliged to pay corporate income tax at the rate of 10% of its taxable profit for 15 years since the operation commencement of Polypropylene Packaging Plant in 2011. PVBuilding is entitled to corporate income tax exemption for 4 years from the first taxable profit-making year (2011) and a 50% reduction in tax payable for 9 years thereafter. The year 2023 is the ninth (9th) year PV Building is entitled to a 50% reduction in tax payable.

Deferred tax is recognized on significant differences between carrying amounts of assets and liabilities in the consolidated financial statements and the corresponding tax bases used in the computation of taxable profit and is accounted for using balance sheet liability method. Deferred tax liabilities are generally recognized for all temporary differences and deferred tax assets are recognized to the extent that it is probable that taxable profit will be available against which deductible temporary differences can be utilized.

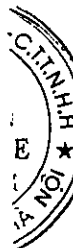
Deferred tax is calculated at the tax rates that are expected to apply in the year when the liability is settled or the asset realized. Deferred tax is charged or credited to profit or loss, except when it relates to items charged or credited directly to equity, in which case the deferred tax is also dealt with in equity.

Deferred tax assets and liabilities are offset when there is a legally enforceable right to set off current tax assets against current tax liabilities and when they relate to income taxes levied by the same tax authority and the Company intends to settle its current tax assets and liabilities on a net basis.

Other taxes are paid in accordance with prevailing tax laws in Vietnam with certain tax incentives applied to the Parent Company under Investment Certificate No.13/UDDT dated 15 February 2006 issued by the Management Board of Dung Quat Economic Zone as follows: exemption of land rental charges during the project life; exemption of land use fees; exemption of land use tax during the project life; exemption of import duty for materials for production purpose, components and semi-finished goods not yet to be locally produced or locally produced but not qualified for 5 years since production commencement; exemption of import duty for goods not yet to be locally produced or locally produced but not qualified.

According to Official Letter No. 520/CT-TTHT of Quang Ngai Tax Department dated 5 March 2018, Binh Son Refining and Petrochemical Company Limited (currently known as Binh Son Refining and Petrochemical Joint Stock Company) is enjoying corporate income tax incentives for meeting preferential conditions on area (the Dung Quat Economic Zone), then the income entitled to corporate income tax incentives shall be all income generated from production and business activities in the geographical area which is eligible for preferential treatment (including the excess of the deposit interest over loan interest, income from seaport services and income related to production and business activities in the preferential area).

The determination of the tax currently payable is based on the current interpretation of tax regulations. However, these regulations are subject to periodic variation and their ultimate determination depends on the results of the tax authorities' examinations.



4. CASH AND CASH EQUIVALENTS

	<u>Closing balance</u>	<u>Opening balance</u>
	VND	VND
Cash on hand	907,310,211	831,979,979
Bank demand deposits	672,911,559,566	253,262,119,410
Cash equivalents (*)	16,326,802,376,959	22,599,002,376,959
	<u>17,000,621,246,736</u>	<u>22,853,096,476,348</u>

(*) Cash equivalents represent deposits with original terms of 3 months or less at commercial banks.

As at 31 December 2023, the Company has 3-month deposits with the amount of VND 2,734,629,695,509 (as at 31 December 2022: VND 2,734,629,695,509) at Ocean Commercial One Member Limited Liability Bank - Quang Ngai Branch ("Oceanbank"). Following the direction of the State Bank of Vietnam ("SBV"), Oceanbank is temporarily suspending payment to institutional clients who are depositing at Oceanbank. On 14 December 2022, the Company sent Official Letter No. 7063/BSR-TCKT to SBV and Oceanbank regarding the release of the above deposits. On 27 December 2022, Oceanbank issued Official Letter No. 5003/2022/CV-OCEANBANK.01.01 in response to Official Letter No. 7063/BSR-TCKT of the Company, according to which, Oceanbank will make payment upon the direction of the competent authorities. On 12 December 2023, the Company kept sending Official Letter No. 7669/BSR-TCKT to SBV and Oceanbank regarding the release of the above deposits. However, the company has not yet received response from Oceanbank. Since Oceanbank is wholly owned by SBV, the Company's Board of Management believes that the above deposits will be transacted again in the future upon specific regulations of the SBV.



5. FINANCIAL INVESTMENTS

a) Short-term financial investments

	Closing balance		Opening balance	
	Cost	Carrying amount	Cost	Carrying amount
	VND		VND	
Held-to-maturity investments				
- Term deposits	21,121,666,010,000	21,121,666,010,000	2,172,266,010,000	2,172,266,010,000
	21,121,666,010,000	21,121,666,010,000	2,172,266,010,000	2,172,266,010,000

The short-term financial investments represent the amounts of time deposits at commercial banks with original terms of more than 3 months and remaining terms not exceeding 12 months at the balance sheet date.

As at 31 December 2023, the Company's term deposits include VND 2,000,000,000 (as at 31 December 2022: VND 2,000,000,000) which is the 12-month deposit at Ocean Commercial One Member Limited Liability Bank - Quang Ngai Branch ("Oceanbank"). Following the direction of the State Bank of Vietnam ("SBV"), Oceanbank is temporarily suspending payment to institutional clients who are depositing at Oceanbank. As presented in Note 4, the Company has sent official letters to Oceanbank and assessed that these deposits will be transacted again in the future upon specific regulations of the SBV.

b) Equity investments in other entities

	Closing balance			Opening balance		
	Cost	Proportion of ownership interest	Provision	Cost	Proportion of ownership interest	Provision
	VND	%	VND	VND	%	VND
PetroVietnam Maintenance Services Joint Stock Company	7,000,000,000	8.52%	-	7,000,000,000	8.75%	-
PetroVietnam Oil Stockpile Company Limited	4,244,000,000	5.03%	(1,492,777,634)	4,244,000,000	5.03%	(1,286,221,934)
	11,244,000,000		(1,492,777,634)	11,244,000,000		(1,286,221,934)

The Company has not assessed fair value of its financial investments as at the balance sheet date since there is no comprehensive guidance of relevant prevailing regulations on determination of fair value of these financial investments.



6. SHORT-TERM TRADE RECEIVABLES

	<u>Closing balance</u>	<u>Opening balance</u>
	VND	VND
a. Short-term trade receivables		
Vietnam National Petroleum Group	5,414,100,168,895	4,499,349,732,716
Vietnam Air Petro Company Limited	594,293,949,892	693,062,241,996
Military Petroleum Corporation	538,464,576,455	440,452,914,745
Petrolimex Aviation Fuel Joint Stock Company	423,154,934,245	635,261,008,679
Saigon Petro Co., Ltd.	400,719,751,518	302,193,361,989
Dong Thap Petroleum Trading Import Export Company Limited	265,105,762,035	450,784,915,653
Petroleum Department - General Department of Logistics	255,697,104,970	261,404,266,502
Hoa Khanh Trades and Services Co, Ltd	169,498,481,174	250,827,499,325
S.T.S Petroleum and Logistics Service Joint Stock Company	160,417,129,679	163,302,675,333
Hai Ha Waterway Transport Company Limited	-	1,048,186,574,589
Long Hung Trading and Service Co., Ltd	-	193,684,627,856
Nam Song Hau Trading Investing Petroleum Joint Stock Company	-	167,219,805,803
Others	1,085,023,590,992	1,710,067,008,651
b. Receivables from related parties (Details stated in Note 35)	4,679,693,458,726	5,282,015,738,424
	<u>13,986,168,908,581</u>	<u>16,097,812,372,261</u>

7. ADVANCES TO SUPPLIERS

	<u>Closing balance</u>	<u>Opening balance</u>
	VND	VND
a. Short-term advances to suppliers	539,957,065,465	350,150,147,510
a1. Advances to non-related parties	272,846,488,197	246,093,247,180
EXTAP A Division of ExxonMobil Asia Pacific Pte Ltd.	50,912,987,426	-
Energy Technical Service Joint Stock Company	49,675,476,132	8,662,133,689
Boilermaster Vietnam Co., Ltd.	19,463,971,486	3,351,714,000
Remosa SRL	10,749,879,563	6,866,018,897
SOCAR Trading Singapore Pte. Ltd.	-	104,110,692,473
Honeywell International Sdn Bhd	671,302,953	34,374,861,787
Others	141,372,870,637	88,727,826,334
b. Advances to related parties (Details stated in Note 35)	267,110,577,268	104,056,900,330
	267,110,577,268	104,056,900,330
b. Long-term advances to suppliers	548,106,960,657	533,509,547,749
The Management Board of Dung Quat Economic Zone (*)	548,106,960,657	533,509,547,749
	<u>1,088,064,026,122</u>	<u>883,659,695,259</u>

(*) Represent an advance payment made by the Company to the Management Board of Dung Quat Economic Zone for compensation and site clearance of Dung Quat Oil Refinery Plant Upgrade and Expansion Project.

09
 C
 E
 I
 I
 /
 //



8. OTHER RECEIVABLES

	Closing balance	Opening balance
	VND	VND
a. Other current receivables	431,901,998,970	105,438,184,824
a1. Other current receivables from non-related parties	406,390,422,355	102,400,612,841
Term deposit interest receivables	393,319,928,932	94,936,028,826
Receivable relating to equitisation	5,831,672,688	5,701,672,688
Advances to employees	3,058,840,906	422,297,449
Others	4,179,979,829	1,340,613,878
a2. Other current receivables from related parties (Details stated in Note 35)	25,511,576,615	3,037,571,983
	25,511,576,615	3,037,571,983
b. Other non-current receivables	526,000,000	526,000,000
Mortgage	526,000,000	526,000,000
	432,427,998,970	105,964,184,824

9. INVENTORIES

	Closing balance		Opening balance	
	Cost	Provision	Cost	Provision
	VND	VND	VND	VND
Goods in transit	6,002,961,899,100	-	7,548,846,630,556	(2,612,985,350)
Raw materials and consumables	4,882,087,403,721	(4,565,273,109)	3,931,925,426,124	(24,853,260,527)
Tools and supplies	2,203,656,114,285	(15,247,782,807)	1,767,219,787,499	(14,928,380,588)
Work in progress	1,191,303,209,647	(26,160,906,250)	1,522,384,532,641	(35,832,422,276)
Finished goods	1,374,594,442,190	(77,762,151,801)	2,181,174,035,827	(66,679,159,927)
Merchandise	-	-	2,385,191,709	-
	15,654,603,068,943	(123,736,113,967)	16,953,935,604,356	(144,906,208,668)

In 2023, the Company has reversed provision for devaluation of inventories with an amount of VND 21,170,094,701 (2022: made provision with an amount of VND 126,563,725,184) for devalued, slow-moving, sub-standard inventories and for those which have net realizable values lower than costs.

10. PREPAYMENTS

	Closing balance	Opening balance
	VND	VND
a. Current	66,459,619,637	78,264,384,464
Personal and property-risk insurance	49,146,092,449	49,983,334,084
Others	17,313,527,188	28,281,050,380
b. Non-current	79,385,540,579	103,138,979,398
Chemicals issued for consumption	64,864,183,491	89,221,618,650
Property repairing	1,866,904,021	2,282,458,625
Others	12,654,453,067	11,634,902,123
	145,845,160,216	181,403,363,862

11. INCREASES, DECREASES IN TANGIBLE FIXED ASSETS

	Buildings and structures	Machinery and equipment	Motor vehicles, transmission equipment	Office equipment	Other tangible fixed assets	Total
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
COST						
Opening balance	6,949,725,749,197	39,424,812,063,157	201,148,026,137	568,572,301,835	406,645,128,413	47,550,903,268,739
Additions during the year	-	85,552,678,153	14,918,332,118	16,094,158,932	186,000,000	116,751,169,203
Transfer from construction in progress	2,553,100,378	15,456,500,000	-	-	-	18,009,600,378
Reclassification	-	(2,654,000,000)	2,654,000,000	-	-	-
Disposals	-	-	(7,787,183,636)	-	-	(7,787,183,636)
Closing balance	<u>6,952,278,849,575</u>	<u>39,523,167,241,310</u>	<u>210,933,174,619</u>	<u>584,666,460,767</u>	<u>406,831,128,413</u>	<u>47,677,876,854,684</u>
ACCUMULATED DEPRECIATION						
Opening balance	3,535,440,574,252	25,348,841,431,728	149,017,026,858	486,925,490,097	145,518,895,303	29,665,743,418,238
Charge for the year	217,987,671,389	1,911,933,662,612	11,743,253,029	34,858,673,152	16,265,319,794	2,192,788,579,976
Other increases	-	-	-	66,260,316	-	66,260,316
Reclassification	-	(2,495,100,000)	2,495,100,000	-	-	-
Disposals	-	-	(7,627,763,945)	-	-	(7,627,763,945)
Closing balance	<u>3,753,428,245,641</u>	<u>27,258,279,994,340</u>	<u>155,627,615,942</u>	<u>521,850,423,565</u>	<u>161,784,215,097</u>	<u>31,850,970,494,585</u>
NET BOOK VALUE						
Opening balance	<u>3,414,285,174,945</u>	<u>14,075,970,631,429</u>	<u>52,130,999,279</u>	<u>81,646,811,738</u>	<u>261,126,233,110</u>	<u>17,885,159,850,501</u>
Closing balance	<u>3,198,850,603,934</u>	<u>12,264,887,246,970</u>	<u>55,305,558,677</u>	<u>62,816,037,202</u>	<u>245,046,913,316</u>	<u>15,826,906,360,099</u>

PetroVietnam Central Biofuels Joint Stock Company (a subsidiary) has used the entire buildings, structures, machinery, equipment and other tangible fixed assets formed from the Project of Investment and Construction of Dung Quat Bio-Ethanol Biofuel Plant with the carrying amount of approximately VND 1,074.6 billion as at 31 December 2023 (as at 31 December 2022: VND 1,146.1 billion) to secure bank loans (Note 19).

As at 31 December 2023, the cost of the Company's tangible fixed assets includes approximately VND 4,302 billion (as at 31 December 2022: approximately VND 4,162.8 billion) of assets which have been fully depreciated but are still in use.



12. INCREASES, DECREASES IN INTANGIBLE ASSETS

	Patents, copyrights VND	Computer software VND	Other intangible assets VND	Total VND
COST				
Opening balance	438,606,719,617	370,977,979,000	32,703,172,505	842,287,871,122
Additions during the year	-	30,872,291,001	-	30,872,291,001
Transfer from construction in progress	-	101,418,075,011	-	101,418,075,011
Closing balance	<u>438,606,719,617</u>	<u>503,268,345,012</u>	<u>32,703,172,505</u>	<u>974,578,237,134</u>
ACCUMULATED AMORTIZATION				
Opening balance	323,916,411,295	299,064,478,644	29,116,758,456	652,097,648,395
Charge for the year	15,481,495,021	61,532,541,874	479,502,245	77,493,539,140
Other increases	-	479,386,289	-	479,386,289
Closing balance	<u>339,397,906,316</u>	<u>361,076,406,807</u>	<u>29,596,260,701</u>	<u>730,070,573,824</u>
NET BOOK VALUE				
Opening balance	<u>114,690,308,322</u>	<u>71,913,500,356</u>	<u>3,586,414,049</u>	<u>190,190,222,727</u>
Closing balance	<u>99,208,813,301</u>	<u>142,191,938,205</u>	<u>3,106,911,804</u>	<u>244,507,663,310</u>

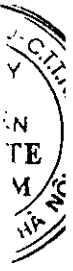
As at 31 December 2023, the cost of the Company's intangible assets includes VND 426.2 billion (as at 31 December 2022: VND 349.6 billion) of intangible assets which have been fully amortized but are still in use.

13. CONSTRUCTION IN PROGRESS

	Closing balance VND	Opening balance VND
Dung Quat Oil Refinery Plant Upgrade and Expansion Project (*)	1,150,516,054,349	1,125,719,428,132
ERP Implementation Project - Phase I	-	101,418,075,011
Other projects	44,691,095,776	47,414,490,414
	<u>1,195,207,150,125</u>	<u>1,274,551,993,557</u>

(*) According to Decision No. 482/QĐ-TTg dated 05 May 2023 of the Prime Minister on approval of the adjustment of investment policy on the project of upgrade and expansion of Dung Quat Oil Refinery Plant of Binh Son Refining and Petrochemical Joint Stock Company, the investment project of upgrade and expansion of the existing Dung Quat Oil Refinery Plant (the "Project") is adjusted to increase the processing capacity of the plant from 148,000 barrels per day to 171,000 barrels per day; to help products meet Euro V standards; to meet environmental standards according to the Government's mandatory roadmap; to improve the flexibility of crude oil selection in order to ensure a long-term and effective supply of crude oil for the Plant; to improve investment efficiency in Dung Quat Oil Refinery Plant; to contribute to promote the economic and social development of the whole country, especially the Central region.

Total adjusted investment capital is VND 31,255 billion, equivalent to USD 1.257 billion, according to the equity/loan capital structure of 40/60 (this structure is considered adjusting to be suitable for the reality of the resource balance ability and to bring higher efficiency). The project is expected to be put into operation in the first quarter of 2028. At the date of these consolidated financial statements, the Company has submitted a feasibility study report which has been in process of reviewing by relevant authorities.



14. SHORT-TERM TRADE PAYABLES

	Closing balance		Opening balance	
	Amount	Amount able to be paid off	Amount	Amount able to be paid off
	VND	VND	VND	VND
a. Short-term trade payables				
Novel Energy Trading Pte. Ltd.	2,029,287,334,325	2,029,287,334,325	-	-
Cuu Long Joint Operating Company	1,214,427,432,270	1,214,427,432,270	1,883,840,970,478	1,883,840,970,478
Hoang Long Joint Operating Company	1,050,987,900,855	1,050,987,900,855	507,041,790,209	507,041,790,209
Japan Vietnam Petroleum Co., Ltd.	844,776,948,044	844,776,948,044	-	-
BCP Trading Pte. Ltd.	602,312,809,408	602,312,809,408	-	-
SOCAR Trading Singapore Pte. Ltd.	-	-	4,614,980,523,717	4,614,980,523,717
Gunvor Singapore Pte. Ltd.	-	-	2,146,259,652,741	2,146,259,652,741
Vietsea Company Pte. Ltd.	-	-	830,026,300,223	830,026,300,223
Others	1,282,490,486,542	1,282,490,486,542	651,832,497,715	651,832,497,715
b. Trade payables to related parties (Details stated in Note 35)				
	7,591,805,839,201	7,591,805,839,201	4,201,772,718,938	4,201,772,718,938
	14,616,088,750,645	14,616,088,750,645	14,835,754,454,021	14,835,754,454,021

15. SHORT-TERM ADVANCES FROM CUSTOMERS

	Closing balance	Opening balance
	VND	VND
Truong An Investment Development Corporation Joint Stock Company	171,048,855,259	-
Anh Phat Petro Joint Stock Company	33,251,657,619	-
Hoa Khanh Trades and Services Co., Ltd.	15,272,029,167	19,346,007,708
Thanh Le General Import-Export Trading Corporation	14,087,418,501	-
Duong Dong Group Joint Stock Company	6,822,110,776	4,710,428,122
Hai Ha Waterway Transport Company Limited	-	7,458,546,106
Others	6,279,761,635	6,404,632,048
	246,761,832,957	37,919,613,984



16. TAXES AND OTHER RECEIVABLES FROM/PAYABLES TO THE STATE BUDGET

Items	Opening balance	Payable	Paid	Closing balance
	VND	during the year VND	during the year VND	VND
a. Receivables				
Corporate income tax	3,153,596,211	-	-	3,153,596,211
Personal income tax	278,829,044	50,946,603	-	227,882,441
Foreign contractor tax	2,076,535,352	16,183,259,228	16,391,403,477	2,284,679,601
- <i>Value added tax withheld</i>	2,076,535,352	16,183,259,228	16,183,259,228	2,076,535,352
- <i>Corporate income tax withheld</i>	-	-	208,144,249	208,144,249
Land rentals	136,685,414	847,240,053	1,243,470,619	532,915,980
	5,645,646,021	17,081,445,884	17,634,874,096	6,199,074,233
b. Payables				
Value added tax	619,059,931,275	9,690,780,999,704	9,684,238,244,950	625,602,686,029
- <i>Output VAT</i>	619,059,931,262	5,641,804,513,240	5,635,261,758,486	625,602,686,016
- <i>VAT on imported goods</i>	13	4,048,976,486,464	4,048,976,486,464	13
Import and export duties	-	54,915,650,931	54,915,650,931	-
Special consumption tax	586,085,496,439	6,284,957,207,902	6,220,845,829,544	650,196,874,797
Corporate income tax	138,997,620,343	1,049,745,846,170	886,536,010,557	302,207,455,956
Personal income tax	12,718,068,729	114,146,367,289	117,312,748,270	9,551,687,748
Foreign contractor tax	42,621,012	10,600,750,420	10,643,371,432	-
- <i>Corporate income tax withheld</i>	42,621,012	10,600,750,420	10,643,371,432	-
Land rentals	-	572,567,430	32,195,862	540,371,568
Environmental protection tax	39,445,512,300	195,442,663,880	209,235,611,180	25,652,565,000
Other taxes	-	1,665,171,649	1,665,171,649	-
	1,396,349,250,098	17,402,827,225,375	17,185,424,834,375	1,613,751,641,098

17. SHORT-TERM ACCRUED EXPENSES

	Closing balance	Opening balance
	VND	VND
Loan interest payable	450,398,215,529	387,064,322,774
Accrual of trademark fee	97,424,413,726	-
Expenses and supplies of operation, maintenance and repair of fixed assets	22,767,520,097	2,938,896,648
Expenses of transportation	2,693,862,440	5,403,024,216
Accrual of crude oil purchases	-	32,036,227,432
Other expenses and supplies	18,809,375,820	1,695,221,740
	592,093,387,612	429,137,692,810

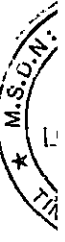
18. OTHER CURRENT PAYABLES

	<u>Closing balance</u>	<u>Opening balance</u>
	VND	VND
Short-term deposits received	14,867,494,879	12,879,181,499
Payable on equitization proceeds (i)	9,211,487,795	9,211,577,795
Dividends payable (ii)	7,995,956,115	-
Others	24,428,592,003	10,594,109,926
	<u>56,503,530,792</u>	<u>32,684,869,220</u>

In which:

Other payables to related parties	2,425,396,642	2,249,496,642
(Details stated in Note 35)		

- (i) Represent the amount retained by the Company, corresponding to the estimated cost of equitization from the proceeds from the public offering and the interest on bank deposits from 02 February 2018 to 09 February 2018 (earned before closing the escrow account). This equitization payable will be settled and subject to changes upon final approval by the competent authorities.
- (ii) Represent the amount of dividend payable to non-depository shareholders according to Resolution No. 2676/NQ-BSR of the Annual General Meeting of Shareholders on 13 April 2023.



19. SHORT-TERM LOANS AND OBLIGATIONS UNDER FINANCE LEASES

	Opening balance		In the year		Closing balance	
	Amount	Amount able to be paid off	Increases	Decreases	Amount	Amount able to be paid off
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Short-term loans (i)	6,882,000,000,000	6,882,000,000,000	95,396,377,675,905	92,435,212,992,657	9,843,164,683,248	9,843,164,683,248
Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam - Quang Ngai Branch	-	-	24,215,593,651,273	19,200,593,651,273	5,015,000,000,000	5,015,000,000,000
Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam - Quang Ngai Branch	2,000,000,000,000	2,000,000,000,000	31,418,784,024,632	31,698,619,341,384	1,720,164,683,248	1,720,164,683,248
Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade - Hanoi Branch	2,910,000,000,000	2,910,000,000,000	29,800,000,000,000	31,310,000,000,000	1,400,000,000,000	1,400,000,000,000
BNP Paribas - Hanoi Branch	-	-	1,492,000,000,000	697,000,000,000	795,000,000,000	795,000,000,000
Bangkok Bank Public Company Limited - Hanoi Branch	700,000,000,000	700,000,000,000	6,640,000,000,000	6,670,000,000,000	670,000,000,000	670,000,000,000
HSBC Bank (Vietnam) Limited - Hanoi Branch	1,250,000,000,000	1,250,000,000,000	243,000,000,000	1,250,000,000,000	243,000,000,000	243,000,000,000
Citibank - Hanoi Branch	-	-	1,570,000,000,000	1,570,000,000,000	-	-
Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam - Quang Ngai Branch	22,000,000,000	22,000,000,000	17,000,000,000	39,000,000,000	-	-
Current portion of long-term loans	2,072,405,974,915	974,698,760,000	29,462,547,800	974,698,760,000	1,127,169,762,715	-
Detailed current portion of long-term loans of:						
Binh Son Refining and Petrochemical Joint Stock Company (ii)	974,698,760,000	974,698,760,000	-	974,698,760,000	-	-
PetroVietnam Central Biofuels Joint Stock Company (iii)	1,097,707,214,915	(*)	29,462,547,800	-	1,127,169,762,715	(*)
	8,954,405,974,915	7,856,698,760,000	95,425,840,223,705	93,409,911,752,657	10,970,334,445,963	9,843,164,683,248

(i) Short-term loans represent facilities obtained from commercial banks in the form of letters of credit that might be withdrawn in Vietnam Dong based on each credit limit as contracted with banks. These loans are unsecured and subject to fixed interest rates that are stated in each loan acknowledgement. In 2023, the short-term loans bear interest at the rate ranging from 2.4% to 5.9% per annum. These loans are used to supplement the Company's working capital.

(ii) During this year, the Company has settled the unsecured credit facilities obtained from Vietnam Development Bank (VDB) Quang Ngai Branch in United States Dollar (USD). These loans bear interest at the rate of 3.6% p.a. and are used to finance construction of Dung Quat Oil Refinery Plant.



(iii) Details of current portion of long-term loans at PetroVietnam Central Biofuels Joint Stock Company according to the bank are as follows:

	Amount	Closing balance		Opening balance
		Current portion of long-term loans	Current portion of long-term loans	Current portion of long-term loans
	VND	VND	VND	VND
Vietnam Public Joint Stock Commercial Bank - Quang Ngai Branch	543,688,607,403	543,688,607,403	528,561,058,941	528,561,058,941
Ocean Commercial One Member Limited Liability Bank - Quang Ngai Branch	359,565,587,434	359,565,587,434	350,510,930,101	350,510,930,101
Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam - Dung Quat Branch	223,915,567,878	223,915,567,878	218,635,225,873	218,635,225,873
	1,127,169,762,715	1,127,169,762,715	1,097,707,214,915	1,097,707,214,915

These long-term loans are used for investment in Dung Quat Bio-Ethanol Biofuel Plant. Interest rates for the year were from 9.72% p.a to 14.58% p.a (including overdue interest) for VND and from 3.2% p.a to 4.8% p.a for USD.

(*) As at 31 December 2023, the overdue, unpaid loan principal balance is VND 68,277,000,000 and USD 43,973,952, total equivalent to approximately VND 1,127.1 billion (as at 31 December 2022: VND 68,277,000,000 and USD 43,973,952, total equivalent to about VND 1,097.7 billion).



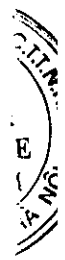
Long-term loans are classified according to the loan currency, security form, and loan interest rate as follows:

	<u>Closing balance</u>	<u>Opening balance</u>
	VND	VND
United States Dollar	1,127,169,762,715	2,004,128,974,915
Vietnam Dong	-	68,277,000,000
	<u>1,127,169,762,715</u>	<u>2,072,405,974,915</u>
	<u>Closing balance</u>	<u>Opening balance</u>
	VND	VND
Secured by assets (Note 11)	1,127,169,762,715	1,097,707,214,915
Unsecured	-	974,698,760,000
	<u>1,127,169,762,715</u>	<u>2,072,405,974,915</u>
	<u>Closing balance</u>	<u>Opening balance</u>
	VND	VND
Floating rate	1,127,169,762,715	1,097,707,214,915
Fixed rate	-	974,698,760,000
	<u>1,127,169,762,715</u>	<u>2,072,405,974,915</u>

20. SCIENTIFIC AND TECHNOLOGICAL DEVELOPMENT FUND

	<u>Current year</u>	<u>Prior year</u>
	VND	VND
Opening balance	1,271,726,600,532	1,338,485,323,433
Decreases in the year:	(398,177,168,609)	(66,758,722,901)
- Utilization	(35,877,168,609)	(66,758,722,901)
- Adjustment (*)	(362,300,000,000)	-
Closing balance	<u>873,549,431,923</u>	<u>1,271,726,600,532</u>

(*) During the year, the Company adjusted the Science and Technology Development Fund which had been allocated with an amount of VND 362,300,000,000 before the equitization according to the Conclusion of No. 1538/KL-TTCT the Government Inspectorate of Vietnam on 07 July 2023 regarding the restructuring of state-owned enterprises under the Ministry of Industry and Trade. As at 31 December 2023, the Company has remitted the above amount to Vietnam Oil and Gas Group.



21. OWNERS' EQUITY

Movement in owners' equity

	Owners' contributed capital	Investment and development fund	Other reserves	Retained earnings	Non-controlling interests	Total
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Prior year's opening balance	31,004,996,160,000	2,440,434,975	106,709,914	6,562,173,821,168	(5,912,133,946)	37,563,804,992,111
Profit/(loss) for the year	-	-	-	14,725,833,852,993	(56,497,063,914)	14,669,336,789,079
Allocation to bonus and welfare funds from 2021 profit	-	-	-	(108,830,174,021)	(399,879,371)	(109,230,053,392)
Temporary allocation to bonus and welfare funds from 2022 profit	-	-	-	(1,165,658,410)	(234,341,528)	(1,399,999,938)
Allocation to investment and development fund	-	5,596,320,305,105	-	(5,596,320,305,105)	-	-
2021 dividends declared	-	-	-	(930,149,884,800)	(2,014,971,000)	(932,164,855,800)
Current year's opening balance	31,004,996,160,000	5,598,760,740,080	106,709,914	14,651,541,651,825	(65,058,389,759)	51,190,346,872,060
Profit/(loss) for the year	-	-	-	8,649,771,483,353	(57,192,511,342)	8,592,578,972,011
Allocation to bonus and welfare funds and management bonus fund from 2022 profit (*)	-	-	-	(336,194,361,790)	(529,144,333)	(336,723,506,123)
Temporary allocation to bonus and welfare funds from 2023 profit	-	-	-	(1,248,919,726)	(251,080,274)	(1,500,000,000)
Allocation to investment and development fund (*)	-	4,450,872,238,509	-	(4,450,872,238,509)	-	-
2022 dividends declared (*)	-	-	-	(2,170,349,731,200)	(1,528,093,000)	(2,171,877,824,200)
Others	-	(1,665,200,000)	-	(2,463,567,372)	-	(4,128,767,372)
Current year's closing balance	31,004,996,160,000	10,047,967,778,589	106,709,914	16,340,184,316,581	(124,559,218,708)	57,268,695,746,376



(*) Allocation to funds during the year is as follows:

- According to Resolution No. 2676/NQ-BSR of the Annual General Meeting of Shareholders on 13 April 2023, the Company allocated to the bonus and welfare fund with the amount of VND 330,828,300,000; management bonus fund with the amount of VND 2,734,000,000; allocated to investment and development fund with the amount of VND 4,450,872,238,509 and declared cash dividend equivalent to 7% of charter capital with an amount of VND 2,170,349,731,200 from undistributed profit after tax in 2022.
- According to Resolution No. 01/NQ-PVBLD of the Annual General Meeting of Shareholders of PetroVietnam Building and Commercial Joint Stock Company ("PVBuilding") on 20 April 2023, PVBuilding allocated to the bonus and welfare fund with the amount of VND 4,239,165,970 (in 2022, PVBuilding has temporarily allocated an amount of VND 1,400,000,000, so the additional allocation in 2023 is VND 2,839,165,970), management bonus funds with the amount of VND 322,040,153 and declared dividend in cash with the amount of VND 9,129,109,964 from 2022 retained earnings.

Charter capital

According to the 15th amended Enterprise Registration Certificate dated 12 September 2023, the charter capital of the Company is VND 31,004,996,160,000. As at 31 December 2023, the charter capital contributed by shareholders is as follows:

	Contributed capital			
	Closing balance		Opening balance	
	VND	%	VND	%
Vietnam Oil and Gas Group	28,563,802,470,000	92.13%	28,563,802,470,000	92.13%
Other shareholders	2,441,193,690,000	7.87%	2,441,193,690,000	7.87%
	31,004,996,160,000	100%	31,004,996,160,000	100%

Shares

	Closing balance	Opening balance
Number of shares issued to the public	3,100,499,616	3,100,499,616
<i>Ordinary shares</i>	3,100,499,616	3,100,499,616
<i>Preference shares</i>	-	-
Number of outstanding shares in circulation	3,100,499,616	3,100,499,616
<i>Ordinary shares</i>	3,100,499,616	3,100,499,616
<i>Preference shares</i>	-	-

An ordinary share has par value of VND 10,000.

22. OFF BALANCE SHEET ITEMS

	Closing balance	Opening balance
Foreign currencies		
United States Dollar (USD)	5,054,962.33	1,642,565.01
Euro (EUR)	1.56	1.56
Bad debts written off		
Bad debts written off (VND)	504,814,246	504,814,246



23. BUSINESS AND GEOGRAPHICAL SEGMENTS

Business segment

Segment report is prepared for corporate management purposes. Currently, the Company has two subsidiaries. The segment operations of the Parent Company and those of its subsidiaries are the basis on which the Company's segment report is prepared because these business lines are relatively different:

- Parent Company ("Binh Son"): Performing activities related to refinery and petrochemical industry and trading of refined and petrochemical products;
- PV Building: Housing management and providing services for residential and urban areas and commercial services;
- BSR-BF: Production and trading of biofuel products.

Consolidated balance sheet as at 31 December 2023

Items	Refining and petrochemical products	Biofuels	Packing production, trading and services	Elimination	Total
	VND	VND	VND	VND	VND
Assets					
Segment assets	85,421,319,129,328	1,130,041,137,450	294,689,132,722	(251,388,405,090)	86,594,660,994,410
Total consolidated assets	85,421,319,129,328	1,130,041,137,450	294,689,132,722	(251,388,405,090)	86,594,660,994,410
Resources					
Segment liabilities	27,732,559,430,766	1,585,713,378,912	102,899,396,635	(95,206,958,279)	29,325,965,248,034
Segment equity	57,688,759,698,562	(455,672,241,462)	191,789,736,087	(156,181,446,811)	57,268,695,746,376
Total consolidated resources	85,421,319,129,328	1,130,041,137,450	294,689,132,722	(251,388,405,090)	86,594,660,994,410

Consolidated balance sheet as at 31 December 2022

Items	Refining and petrochemical products	Biofuels	Packing production, trading and services	Elimination	Total
	VND	VND	VND	VND	VND
Assets					
Segment assets	77,226,459,874,251	1,202,069,108,072	300,402,597,274	(241,002,517,747)	78,487,929,061,850
Total consolidated assets	77,226,459,874,251	1,202,069,108,072	300,402,597,274	(241,002,517,747)	78,487,929,061,850
Liabilities					
Segment liabilities	25,788,902,614,117	1,483,670,428,488	109,830,218,121	(84,821,070,936)	27,297,582,189,790
Segment equity	51,437,557,260,134	(281,601,320,416)	190,572,379,153	(156,181,446,811)	51,190,346,872,060
Total consolidated resources	77,226,459,874,251	1,202,069,108,072	300,402,597,274	(241,002,517,747)	78,487,929,061,850



BINH SON REFINING AND PETROCHEMICAL JOINT STOCK COMPANY
NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS (Continued)

FORM B 09-DN/HN

Consolidated income statement for the year ended 31 December 2023

Items	Refining and petrochemical products	Biofuels	Packing production, trading and services	Elimination	Total
	VND	VND	VND	VND	VND
Net sales	147,381,684,099,848	3,528,942,281	727,301,689,547	(689,148,788,100)	147,423,365,943,576
Operating expenses	139,216,861,744,533	75,934,325,498	715,392,681,943	(688,752,407,819)	139,319,436,344,155
- Cost of sales	137,565,521,429,176	73,578,136,886	688,821,117,741	(664,082,764,844)	137,663,837,918,959
- Selling expenses	1,027,620,437,609	-	4,491,517,220	-	1,032,111,954,829
- General and administration expenses	623,719,877,748	2,356,188,612	22,080,046,982	(24,669,642,975)	623,486,470,367
Segment result	8,164,822,355,315	(72,405,383,217)	11,909,007,604	(396,380,281)	8,103,929,599,421
Financial income					2,652,368,561,043
Financial expenses					1,154,774,797,936
Other profit					37,811,659,713
Accounting profit before corporate income tax					9,639,335,022,241
Current corporate income tax expense					1,036,943,196,170
Deferred corporate income tax expense					9,812,854,060
Net profit after corporate income tax					8,592,578,972,011

Consolidated income statement for the year ended 31 December 2022

Items	Refining and petrochemical products	Biofuels	Packing production, trading and services	Elimination	Total
	VND	VND	VND	VND	VND
Net sales	167,054,762,206,990	6,256,712,127	819,324,211,238	(756,630,344,331)	167,123,712,786,024
Operating expenses	152,321,189,388,915	78,135,065,487	808,725,823,800	(756,999,711,043)	152,451,050,567,159
- Cost of sales	150,890,770,221,298	76,308,271,769	786,290,808,977	(726,061,904,624)	151,027,307,397,420
- Selling expenses	914,030,757,052	-	4,266,354,163	(9,316,379,798)	908,980,731,417
- General and administration expenses	516,388,410,565	1,826,793,718	18,168,660,660	(21,621,426,621)	514,762,438,322
Segment result	14,733,572,818,075	(71,878,353,360)	10,598,387,438	369,366,712	14,672,662,218,865
Financial income					1,750,275,299,515
Financial expenses					923,195,487,108
Other profit					86,066,115,846
Accounting profit before corporate income tax					15,585,808,147,118
Current corporate income tax expense					890,394,134,163
Deferred corporate income tax expense					26,077,223,876
Net profit after corporate income tax					14,669,336,789,079



Reports by geographical segment

The business activities of the Company and its subsidiaries are carried out in the territory of Vietnam; thus, the Company does not present geographical segment reports.

24. REVENUE FROM GOODS SOLD AND SERVICES RENDERED

	<u>Current year</u>	<u>Prior year</u>
	VND	VND
Sales of goods sold and services rendered		
Diesel DO	57,735,683,572,524	66,717,251,601,041
Mogas 95	42,238,606,440,458	47,523,202,071,794
Mogas 92	19,899,692,819,647	24,088,284,208,856
Jet A1	10,572,138,762,814	10,854,804,732,706
LPG	7,450,804,640,137	9,292,539,523,199
Polypropylene	4,039,833,267,602	4,360,464,540,763
FO	1,893,059,210,866	2,419,150,646,293
Diesel DO L-62	907,295,061,260	268,932,939,600
Jet A-1K	904,665,488,438	348,599,031,343
Mogas E5	557,255,498,561	670,356,909,418
Kerosene	476,777,416,988	168,854,272,226
Mogas 83	265,468,420,173	218,559,681,175
RFCC Naphtha	257,044,184,144	-
Seaport services	144,611,011,133	135,457,079,915
Others	80,430,148,831	59,999,569,324
	<u>147,423,365,943,576</u>	<u>167,126,456,807,653</u>
Deductions		
Sales discount	-	2,744,021,629
	-	<u>2,744,021,629</u>
Net revenue from goods sold and services rendered	<u>147,423,365,943,576</u>	<u>167,123,712,786,024</u>
In which: Revenue from related parties (Details stated in Note 35)	33,766,632,623,221	35,646,059,613,691

25. COST OF SALES

	<u>Current year</u>	<u>Prior year</u>
	VND	VND
Diesel DO	50,865,267,262,375	57,327,901,938,071
Mogas 95	40,623,200,028,808	44,279,416,713,576
Mogas 92	19,421,790,838,487	22,482,588,147,171
Jet A1	8,596,973,043,840	9,281,053,753,077
LPG	7,980,490,963,947	8,641,681,830,038
Polypropylene	5,258,837,202,589	5,397,450,290,916
FO	1,703,889,304,362	1,754,524,284,027
Diesel DO L-62	754,622,493,593	243,092,814,909
Jet A-1K	726,631,871,122	308,594,631,802
Mogas E5	546,556,189,416	628,442,267,269
Kerosene	382,868,831,575	143,222,299,797
Mogas 83	248,225,056,809	245,138,653,856
RFCC Naphtha	237,419,425,296	-
Seaport services	47,563,718,646	48,364,831,059
Expenses for the period of operation halt of Bio-Ethanol Plant	73,267,131,088	75,615,620,626
(Reversal of)/Addition to provision for devaluation of inventories	(21,170,094,701)	126,563,725,184
Others	217,404,651,707	43,655,596,042
	<u>137,663,837,918,959</u>	<u>151,027,307,397,420</u>

26. PRODUCTION COST BY NATURE

	Current year	Prior year
	VND	VND
Raw materials and consumables	139,744,006,167,525	153,398,036,548,269
Tools and supplies	20,267,768,856	12,628,452,528
Labour	1,078,462,936,655	1,206,347,872,792
Depreciation and amortisation	2,269,535,008,488	2,257,922,390,183
Out-sourced services	1,734,111,464,517	1,722,241,291,947
Other monetary expenses	585,147,953,197	355,535,669,725
	<u>145,431,531,299,238</u>	<u>158,952,712,225,444</u>

27. FINANCIAL INCOME

	Current year	Prior year
	VND	VND
Bank interest	1,599,395,062,506	907,170,573,382
Foreign exchange gain	1,052,413,498,537	843,104,726,133
Dividends received	560,000,000	-
	<u>2,652,368,561,043</u>	<u>1,750,275,299,515</u>

28. FINANCIAL EXPENSES

	Current year	Prior year
	VND	VND
Interest expense	287,654,759,616	252,789,589,546
Foreign exchange loss	853,032,189,353	576,850,536,375
Payment discounts for buyers	6,959,456,060	3,632,634,013
Provision for impairment of long-term financial investments	206,555,700	21,829,498
Other financial expenses	6,921,837,207	89,900,897,676
	<u>1,154,774,797,936</u>	<u>923,195,487,108</u>

29. SELLING EXPENSES AND GENERAL AND ADMINISTRATION EXPENSES

	Current year	Prior year
	VND	VND
Selling expenses during the year	1,032,111,954,829	908,980,731,417
Labour	80,315,826,789	79,802,676,449
Depreciation and amortization	147,794,997,505	147,736,383,372
Shipping and insurance costs	372,843,352,213	366,673,684,302
Out-sourced services	174,143,054,291	241,493,629,017
Other monetary expenses	257,014,724,031	73,274,358,277
General and administration expenses during the year	623,486,470,367	514,762,438,322
Labour	212,917,228,940	245,627,832,864
Materials	1,273,288,468	1,301,228,240
Office equipment	6,894,710,195	4,800,572,813
Depreciation and amortization	70,893,581,527	28,895,057,337
Out-sourced services	129,638,474,794	107,196,559,841
Other monetary expenses	201,869,186,443	126,941,187,227
	<u>1,655,598,425,196</u>	<u>1,423,743,169,739</u>

30. OTHER INCOME

	<u>Current year</u>	<u>Prior year</u>
	VND	VND
Surplus upon physical count of finished goods	26,285,772,184	63,644,905,674
Income from bonus, compensation and contract penalties	11,715,649,955	12,863,967,141
Proceeds from disposals of fixed assets	1,234,080,899	-
Other income	1,001,722,710	10,509,106,590
	<u>40,237,225,748</u>	<u>87,017,979,405</u>

31. CURRENT CORPORATE INCOME TAX EXPENSE

	<u>Current year</u>	<u>Prior year</u>
	VND	VND
Binh Son Refining and Petrochemical Joint Stock Company	1,035,572,057,866	888,185,147,639
PetroVietnam Building and Commercial Joint Stock Company	1,371,138,304	2,208,986,524
	<u>1,036,943,196,170</u>	<u>890,394,134,163</u>

As at 31 December 2023, the Company has not recognized any deferred tax assets for accumulated tax losses from BSR-BF's operation due to uncertainty about future profitability.

32. DEFERRED CORPORATE TAX EXPENSE

	<u>Current year</u>	<u>Prior year</u>
	VND	VND
Deferred corporate income tax expense arising from reversal of deferred tax assets	9.812.854.060	26.077.223.876
Total deferred corporate income tax expense	<u>9.812.854.060</u>	<u>26.077.223.876</u>

33. BASIC EARNINGS PER SHARE

The calculation of the basic earnings per share is as follows:

	<u>Current year</u>	<u>Prior year</u>
		(Restated)
Profit after tax attributable to ordinary shareholders (VND)	8,649,771,483,353	14,725,833,852,993
Less: Allocation to bonus and welfare funds (VND)	1,248,919,726	337,360,020,200
Earnings for the purpose of calculating basic earnings per share (VND)	8,648,522,563,627	14,388,473,832,793
Weighted average number of ordinary shares to calculate basic earnings per share (share)	3,100,499,616	3,100,499,616
Basic earnings per share (VND/share)	<u>2,789</u>	<u>4,641</u>

As at the date of these consolidated financial statements, the Company is not able to estimate reliably the amount of profit that can be allocated to the bonus and welfare fund for the year ended 31 December 2023 as the Company's General Meeting of Shareholders has not yet decided on the rate of allocation to the bonus and welfare fund for 2023. If the Company allocates to the bonus and welfare fund, "Profit after tax attributable to ordinary shareholders" may be decreased, resulting in a corresponding decrease in "Basic earnings per share".

Adjustment in basic earnings per share in the prior year

During the year, the General Meeting of Shareholders decided to allocate to the bonus and welfare fund from retained earnings of the financial year ended 31 December 2022, which lead to an adjustment in basic earnings per share in the prior year as follows:

	Prior year	
	Reported amount	Restated amount
Profit after tax attributable to ordinary shareholders (VND)	14,725,833,852,993	14,725,833,852,993
Allocation to bonus and welfare funds from profits of the Parent Company and subsidiaries (VND)	337,360,020,200	-
Earnings for the purpose of calculating basic earnings per share (VND)	14,388,473,832,793	14,725,833,852,993
Weighted average number of ordinary shares (shares)	3,100,499,616	3,100,499,616
Basic earnings per share (VND/share)	<u>4,641</u>	<u>4,750</u>

34. COMMITMENTS

Commitment on Dung Quat Oil Refinery Plant's product consumption

Under the terms of the Contracts for Dung Quat Oil Refinery Plant's product consumption signed between the Company (Party A) and key buyers (Party B) such as PetroVietnam Oil Corporation (PV Oil), Vietnam National Petroleum Group (Petrolimex), PetroVietnam Gas Joint Stock Corporation (PV GAS), etc., in 2023, Party A provided Party B with Dung Quat Oil Refinery Plant's petroleum products at the price of FOB/Pipeline/FCA Dung Quat, LPG at the price of CIF/Pipeline, which is determined based on international reference prices plus market surcharges and taxes payable to the State budget (if any) to ensure the market competition.

35. RELATED PARTY TRANSACTIONS AND BALANCES

List of related parties with significant transactions and balances for the year:

Related parties	Relationship
Vietnam Oil and Gas Group	Owner
Other companies in the Group	Affiliates

During the year, the Company entered into the following significant transactions with its related parties:

	Current year	Prior year
	VND	VND
Revenue from sales of goods and services	33,766,632,623,221	35,646,059,613,691
PetroVietnam Oil Corporation	27,687,238,624,565	28,004,912,795,994
Branch of PetroVietnam Gas Joint Stock Coporation - PetroVietnam Gas Trading Company	4,865,000,969,895	5,894,143,710,815
PetroVietnam Southern Gas Joint Stock Company	751,934,164,855	963,293,505,035
PetroVietnam Chemical and Services Joint Stock Corporation	285,874,455,226	472,256,949,915
PetroVietnam LPG Joint Stock Company	85,327,574,480	224,383,470,171
Quang Ngai Petro Transportation Joint Stock Company	82,932,822,006	84,469,277,267
PTSC Quang Ngai Joint Stock Company	6,745,886,740	2,495,215,235
Nghi Son Refinery and Petrochemical LLC	1,517,040,000	-
Branch of PetroVietnam Fertilizer and Chemicals Coporation - Phu My Fertilizer Plant	61,085,454	-
PetroVietnam Camau Fertilizer Joint Stock Company	-	104,689,259

M.S.D.N.
★
C.Đ.
H

H
H
H



	Current year VND	Prior year VND
Purchases of goods and services	64,055,328,267,262	74,770,350,621,890
PetroVietnam Oil Corporation (*)	45,657,222,212,665	53,860,714,663,311
PetroVietnam Domestic Exploration Production Operating Company Limited - Block 05.1a PVOil Singapore Pte. Ltd.	5,164,767,728,332	7,019,547,517,160
Branch of PVN - Bien Dong Petroleum Operating Company (Block 05-2 & 05-3)	3,901,928,168,198	7,767,728,298,055
PetroVietnam Exploration Production Corporation Limited (Blocks 01 & 02 - Operator)	3,707,412,151,101	-
PetroVietnam Exploration Production Corporation Limited (Blocks 01 & 02 - Operator)	2,063,929,437,477	2,577,861,190,730
PetroVietnam Transportation Corporation	1,499,381,678,641	1,385,996,334,259
Nhat Viet Transportation Corporation	378,121,877,095	365,572,793,555
PTSC Quang Ngai Joint Stock Company	337,189,527,713	335,657,796,520
PVI Insurance Corporation	326,592,091,157	267,642,231,442
PetroVietnam Domestic Exploration Production Operating Company Limited - Song Doc Field	181,177,105,291	-
Vietnam Oil and Gas Group	254,638,403,451	70,163,075,940
PetroVietnam Maintenance Services Joint Stock Company	130,459,144,517	127,973,217,086
PetroVietnam Exploration Production Corporation Limited (Blocks 01/97 & 02/97)	108,818,281,096	241,053,972,288
Nghi Son Refinery and Petrochemical LLC	102,231,458,287	438,593,204,280
PetroVietnam Maintenance and Repair Corporation	70,298,321,284	114,314,635,301
PetroVietnam Security Joint Stock Company	62,483,205,385	63,825,928,134
PetroVietnam Chemical and Services Joint Stock Corporation	57,907,695,845	62,709,495,330
PetroVietnam Engineering Consultancy Corporation	16,057,898,519	4,308,708,714
Central Petro Vietnam Oil Joint Stock Company	11,308,508,445	14,426,434,004
PVD Trading and Technical Services Joint Stock Company	7,831,638,000	1,754,473,508
Vietnam Petroleum Institute	4,597,018,138	1,685,999,090
PetroVietnam Technical Services Corporation - PTSC Da Nang Company Limited	3,946,869,656	6,325,771,621
PVChem - Tech Company Limited	2,224,250,000	36,484,465,000
Indochina Petroleum Transportation Joint Stock Company	2,208,970,000	2,312,047,889
PetroVietnam University	1,612,320,000	2,075,554,000
Hanoi Petro Vietnam Oil Joint Stock Company	492,000,000	492,000,000
PetroVietnam Securities Incorporated	208,181,818	-
PetroVietnam Manpower Training College	185,000,000	594,800,000
PVD Technical Training & Certification Joint Stock Company	60,000,000	196,000,000
Vietnam Public Joint Stock Commercial Bank - Quang Ngai Branch	37,125,151	170,014,673
Vietnam Russia Joint Venture - Vietsovpetro	-	170,000,000
Dividends paid		
Vietnam Oil and Gas Group	362,300,000,000	417,747,535,419
Dividends declared		
Vietnam Oil and Gas Group	1,999,466,172,900	856,914,074,100

(*) Purchase from PetroVietnam Oil Corporation:

	Current year VND	Prior year VND
- Purchase of goods and services	82,139,043,380	80,903,209,838
- Purchase of commission crude oil	45,563,003,240,558	53,749,912,493,842
- Other commissions	12,079,928,727	29,898,959,631
	45,657,222,212,665	53,860,714,663,311

Remuneration and income of the Board of Directors, the Board of Management and other management levels during the year were as follows:

	<u>Current year</u>	<u>Prior year</u>
	VND	VND
Board of Directors		
Mr. Nguyen Van Hoi	2,134,511,000	2,065,765,000
Mr. Bui Ngoc Duong	2,106,341,000	2,053,725,000
Mr. Khuong Le Thanh	1,912,679,300	1,881,637,400
Mr. Ha Dong	1,882,501,000	1,824,977,000
Mr. Hang Anh Minh	1,351,111,000	-
Mr. Nguyen Ba Phuoc	609,990,000	1,831,207,000
Mr. Nguyen Hai Au	602,590,000	1,826,577,000
Board of Management		
Mr. Bui Ngoc Duong	(*)	(*)
Mr. Nguyen Viet Thang	1,838,146,000	1,789,046,000
Mr. Nghiem Duc Duong	1,834,951,000	1,781,695,000
Mr. Mai Tuan Dat	1,852,794,000	920,882,000
Mr. Pham Minh Nghia	1,842,701,000	900,946,000
Mr. Tran Doan Thinh	1,118,742,400	1,789,772,200
Mr. Nguyen Ngoc Anh	1,064,400,000	1,781,656,000
Mr. Tran Thai Bao	854,912,200	-
(*) Presented in the remuneration section of the Board of Directors above due to concurrent position		
Board of Supervisors		
Mr. Hoang Dinh Nhat	1,844,679,300	1,264,801,599
Mr. Hoang Ngoc Xuan	1,541,678,000	1,495,297,000
Ms. Vu Lan Phuong	294,400,000	194,300,000
Mr. Pham Ngoc Quy	-	532,706,000
Mr. Vu Le Huy	-	84,700,000
Chief accountant		
Mr. Bach Duc Long	1,787,311,000	1,727,565,000

Significant balances with related parties as of the consolidated balance sheet date were as follows:

	<u>Closing balance</u>	<u>Opening balance</u>
	VND	VND
Short-term trade receivables		
PetroVietnam Oil Corporation	4,679,693,458,726	5,282,015,738,424
Branch of PetroVietnam Gas Joint Stock Coporation - PetroVietnam Gas Trading Company	3,821,535,268,385	4,428,096,708,696
PetroVietnam Southern Gas Joint Stock Company	685,723,358,711	645,017,043,429
PetroVietnam Chemical and Services Joint Stock Corporation	115,773,578,056	111,855,181,545
Quang Ngai Petro Transportation Joint Stock Company	42,714,438,129	60,072,966,993
Nghi Son Refinery and Petrochemical LLC	12,221,218,245	8,654,934,540
Branch of PetroVietnam Fertilizer and Chemicals Coporation - Phu My Fertilizer Plant	1,638,403,200	-
PTSC Quang Ngai Joint Stock Company	67,194,000	-
PetroVietnam Camau Fertilizer Joint Stock Company	20,000,000	1,096,458,700
PetroVietnam LPG Joint Stock Company	-	113,064,400
	-	27,109,380,121

0112
 CÔNG
 TNH
 EM 1
 LO
 HẾT
 DA



	<u>Closing balance</u>	<u>Opening balance</u>
	VND	VND
Trade payables	7,591,805,839,201	4,201,772,718,938
PVOil Singapore Pte. Ltd.	4,285,348,533,695	-
PetroVietnam Oil Corporation	2,371,459,701,101	3,098,903,526,258
Branch of PVN - Bien Dong Petroleum Operating Company (Block 05-2 & 05-3)	407,833,843,448	459,274,781,589
PetroVietnam Transportation Corporation	244,896,330,944	250,857,407,807
PTSC Quang Ngai Joint Stock Company	95,655,670,925	59,419,108,884
PetroVietnam Maintenance Services Joint Stock Company	48,526,862,481	68,110,419,047
PetroVietnam Maintenance and Repair Corporation	43,014,221,104	49,135,837,167
PetroVietnam Chemical and Services Joint Stock Corporation	30,617,313,766	50,679,825,166
Nhat Viet Transportation Corporation	17,153,397,105	27,476,077,514
PVI Insurance Corporation	10,735,504,925	16,681,721,140
PetroVietnam Exploration Production Corporation Limited (Blocks 01/97 & 02/97)	8,473,696,273	17,607,380,190
PVD Trading and Technical Services Joint Stock Company	6,440,677,610	422,616,720
Mien Trung Petroleum Construction JSC	4,480,897,901	4,480,897,901
PetroVietnam Security Joint Stock Company	4,317,050,520	4,352,530,950
PetroVietnam Exploration Production Corporation Ltd. (Blocks 01 & 02)	3,164,419,108	6,583,950,200
PV Oil Mien Trung Joint Stock Company	2,172,183,100	2,255,356,410
Vietnam Petroleum Institute	1,938,686,994	647,302,909
PetroVietnam Engineering Consultancy Corporation	1,810,462,354	662,801,126
PetroVietnam University	1,268,780,000	340,000,000
PetroVietnam Technical Services Corporation - PTSC Da Nang Company Limited	1,188,645,847	3,280,566,904
Indochina Petroleum Transportation Joint Stock Company	777,600,000	394,621,200
PetroVietnam Oil Hanoi Joint Stock Company	531,360,000	531,360,000
PetroVietnam Domestic Exploration Production Operating Company Limited - Block 05.1a	-	75,070,109,256
PVChem - Tech Company Limited	-	4,065,720,600
Vietnam Petrochemical and Textile Fiber Joint Stock Company	-	200,000,000
PVD Technical Training and Certification JSC	-	196,000,000
PetroVietnam Manpower Training College	-	142,800,000

30-
 TY
 -
 DAN
 TT
 AM
 P.P.

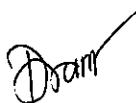


	<u>Closing balance</u>	<u>Opening balance</u>
	VND	VND
Advances to suppliers	267,110,577,268	104,056,900,330
PTSC Quang Ngai Joint Stock Company	173,046,421,779	70,982,298,458
PetroVietnam Maintenance and Repair Corporation	56,778,285,737	5,648,758,754
PetroVietnam Maintenance Services Joint Stock Company	11,548,227,101	6,951,334,055
PetroVietnam Transportation Corporation	9,226,541,390	6,808,912,347
PetroVietnam Chemical and Services Joint Stock Corporation	7,476,669,830	11,216,727,452
PVD Trading and Technical Services Joint Stock Company	3,934,474,170	-
PetroVietnam Oil Corporation	3,627,981,106	378,885,045
Vietnam Petroleum Institute	1,303,140,993	694,999,833
PetroVietnam Securities Incorporated	89,100,000	89,100,000
PetroVietnam Engineering Consultancy Corporation Joint Stock Company	79,735,162	79,735,162
PVI Insurance Corporation	-	754,000,000
PVChem - Tech Company Limited	-	292,604,400
Vietnam Oil and Gas Group	-	159,544,824
Other receivables	25,511,576,615	3,037,571,983
Vietnam Oil and Gas Group	21,698,429,270	1,118,996,642
Vietnam Public Joint Stock Commercial Bank - Quang Ngai Branch	2,985,301,346	1,918,575,341
PetroVietnam Transportation Corporation	827,845,999	-
Other payables	2,425,396,642	2,249,496,642
Dung Quat Oil Refinery Plant Project Management Board	1,118,996,642	1,118,996,642
Branch of PetroVietnam Gas Joint Stock Corporation - PetroVietnam Gas Trading Company	500,000,000	500,000,000
PetroVietnam LPG Joint Stock Company	500,000,000	500,000,000
PetroVietnam Maintenance and Repair Corporation	160,000,000	85,000,000
PetroVietnam Chemical and Services Joint Stock Corporation	88,000,000	30,000,000
PetroVietnam Engineering Consultancy Corporation Joint Stock Company	46,000,000	15,500,000
PetroVietnam Manpower Training College	9,000,000	-
PetroVietnam University	3,400,000	-

36. SUPPLEMENTAL DISCLOSURE OF CONSOLIDATED CASH FLOW INFORMATION

Supplemental non-cash disclosures

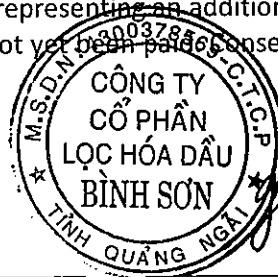
Cash outflows for purchases of fixed assets and construction in progress during the year exclude VND 29,836,190,106 (2022: VND 18,612,841,912), representing an addition in fixed assets and construction in progress during the year that has not yet been paid. Consequently, changes in payables have been adjusted by the same amount.



Le Thi Hong Tram
Preparer



Bach Duc Long
Chief Accountant




Bui Ngoc Duong
Chief Executive Officer

15 March 2024



Phụ lục số 07 - Tờ trình về phương án phân phối lợi nhuận năm 2023

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

Căn cứ Quyết định số 2710/QĐ-BSR ngày 17/04/2023 của Hội đồng quản trị về việc ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2023 như sau:

TT	Khoản mục	Giá trị (đồng)
I	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2023	16.636.570.994.948
	Trong đó:	
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước	7.881.456.525.320
	- Lợi nhuận sau thuế năm 2023	8.755.114.469.628
II	Phân phối lợi nhuận	3.900.362.825.688
1	Quỹ Khen thưởng, phúc lợi	343.678.600.000
	Trong đó: - <i>Quỹ Khen thưởng, Phúc lợi người lao động</i>	<i>340.787.100.000</i>
	- <i>Quỹ Thưởng người quản lý</i>	<i>2.891.500.000</i>
2	Chia cổ tức (3% VDL tương đương 300 đồng/cổ phiếu) (*)	930.149.884.800
3	Quỹ Đầu tư phát triển	2.626.534.340.888
III	LNST chưa phân phối năm 2023 chuyển sang năm 2024	12.736.208.169.260

(*) Vốn điều lệ: 31.004.996.160.000 đồng

Chi tiết số liệu trích quỹ:

- Quỹ Khen thưởng phúc lợi được trích theo Quỹ lương thực hiện năm 2023.
- Trích Quỹ Đầu tư phát triển và giữ lại lợi nhuận sau thuế chưa phân phối:

Ngày 05/5/2023, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 482/QĐ-TTg về việc chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án NCMR NMLD Dung Quất của Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn, trong đó cơ cấu Vốn chủ sở hữu/Vốn vay (VCSH/VV) là 40/60 và BSR được xem xét điều chỉnh cơ cấu cho phù hợp với thực tế khả năng cân đối nguồn và đảm bảo hiệu quả kinh tế của Dự án.

Do Dự án không có bảo lãnh của Chính phủ, các tổ chức tín dụng sẽ rất thận trọng và chặt chẽ trong việc thẩm định hiệu quả dự án, yêu cầu tỷ số dòng tiền trả nợ của BSR đạt ở mức cao; hạn chế tín dụng về số tiền cho vay tối đa (room) của một Tổ chức tín dụng trong nước đối với BSR (không quá 15% vốn tự có của tổ chức tín dụng (TCTD), đối với nhóm khách hàng thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam không quá 25% vốn tự có

của TCTD. Căn cứ kết quả khảo sát sơ bộ về thị trường tín dụng tài trợ vốn vay của BSR trong thời gian qua cho thấy việc tiếp cận nguồn vốn vay từ các Tổ chức tín dụng xuất khẩu (ECA)/Ngân hàng quốc tế và Việt Nam cho dự án ngày càng khó khăn. Do đó, khả năng thu xếp đủ nguồn vốn vay theo phương án vay 50% hoặc 60% tổng mức đầu tư (theo FS tương ứng khoảng 745 hoặc 894 triệu USD) cũng gặp nhiều khó khăn.

Vì vậy, để đảm bảo đủ nguồn vốn cho Dự án NCMR NMLD cần xem xét đến việc tăng tỷ lệ VCSH trong cơ cấu VCSH/VV từ 40/60 thành 60/40 hoặc 70/30 hoặc 80/20, cụ thể như sau:

Cơ cấu vốn cho Dự án NCMR NMLD (VCSH/VV)	60/40	70/30	80/20
Tổng mức đầu tư là 1.489.859.448 USD theo FS, tỷ giá chuyển đổi là 24.430 VNĐ/USD			
Nhu cầu VCSH, triệu USD	893,9	1.042,9	1.191,9
Nhu cầu VCSH, tỷ đồng (<i>Quy đổi</i>)	21.838,36	25.478,09	29.111,81

Như vậy nhu cầu VCSH cho Dự án NCMR NMLD theo FS (chưa bao gồm các dự án mua sắm tài sản cố định và đầu tư khác) là 21.838 tỷ đồng - 29.112 tỷ đồng tùy thuộc vào khả năng thu xếp vốn vay.

Ngoài ra, theo Chiến lược phát triển đến năm 2030, thì nhu cầu vốn chủ sở hữu đầu tư cho các dự án khác và mua sắm tài sản cố định khoảng **4.023 tỷ đồng**.

Với nhu cầu vốn chủ sở hữu cho Dự án như trên và hoạt động đầu tư trong những năm tiếp theo, tính cấp thiết của Dự án NCMR NMLD nhằm đảm bảo an ninh năng lượng và đáp ứng nhu cầu thị trường. Nguồn vốn chủ sở hữu còn thiếu cần được bổ sung như sau:

- Trích 30% lợi nhuận sau thuế năm 2023 để bổ sung Quỹ Đầu tư phát triển tương ứng với số tiền là **2.627 tỷ đồng**. Số dư Quỹ Đầu tư phát triển sau khi trích bổ sung là **12.674 tỷ đồng**.

- Giữ lại lợi nhuận sau thuế chưa phân phối số tiền **12.736 tỷ đồng** để bổ sung vốn điều lệ dưới hình thức chia cổ tức bằng cổ phiếu hoặc chia cổ tức bằng tiền, tùy thuộc vào phương án thu xếp vốn thực tế cho dự án NCMR NMLD, chiến lược phát triển công ty và tình hình sản xuất kinh doanh trong các năm tiếp theo,.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình ĐHĐCĐ Công ty xem xét, thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2023 và giao cho Hội đồng quản trị tiếp tục hoàn thiện phương án tăng vốn điều lệ phù hợp với nhu cầu sử dụng vốn của Công ty và các quy định hiện hành, báo cáo cấp thẩm quyền xem xét, quyết định.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TV HĐQT, BKS;
- TGD;
- Ban TCKT, QTNL, KTKH;
- Lưu: VT, VP HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Phụ lục 08 - Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Danh sách doanh nghiệp kiểm toán đủ điều kiện hành nghề kinh doanh dịch vụ kiểm toán (cập nhật đến ngày 11/3/2024) trên trang thông tin điện tử Bộ Tài chính;

Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn ban hành kèm theo Nghị quyết số 2676/NQ-BSR ngày 13/04/2023 của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn;

Căn cứ Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn ban hành tại Quyết định số 2901/QĐ-BSR ngày 28/04/2023 của Ban kiểm soát Công ty;

Trên cơ sở xem xét, đánh giá năng lực, kinh nghiệm của các công ty kiểm toán, Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua và ủy quyền Hội đồng quản trị triển khai lựa chọn đơn vị thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024 từ các Công ty sau:

1. Công ty TNHH Deloitte Việt Nam;
2. Công ty TNHH PwC (Việt Nam);
3. Công ty TNHH KPMG.

Ban kiểm soát Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TV HĐQT, BKS;
- TGD;
- Lưu: BKS, VT, VPHĐQT.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Phụ lục 09 - Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ và các Quy chế của Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Khóa XIV thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật số 03/2022/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đầu tư công, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật đầu tư, Luật nhà ở, Luật đấu thầu, Luật điện lực, Luật doanh nghiệp, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật thi hành án dân sự được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV thông qua ngày 11/01/2022;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Khóa XIV thông qua ngày 26/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ hướng dẫn Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua các nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn như sau:

Một số nội dung của Điều lệ Công ty cần sửa đổi, bổ sung để phù hợp với quy định của Luật số 59/2020/QH13, Luật số 03/2022/QH15 và thực tế sản xuất kinh doanh của Công ty cụ thể như sau:

Điều		Nội dung sửa đổi, bổ sung	Cơ sở/ Lý do sửa đổi, bổ sung
1	Giải thích từ ngữ	Sửa đổi điểm i khoản 1 “i) “Ngày thành lập” là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu;	Bỏ cụm từ “dưới hình thức công ty cổ phần;” để đảm bảo phù hợp với Điều lệ mẫu
5	Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty	1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty. Đối với các ngành nghề đầu tư, kinh doanh có điều	Bổ sung nội dung “Đối với các ngành nghề đầu tư, kinh doanh có điều kiện, Công ty chỉ tiến hành đầu tư, kinh doanh khi đáp ứng đủ điều kiện dinh doanh theo quy định của Luật đầu tư và/hoặc quy định của pháp luật chuyên ngành” để phù

Điều		Nội dung sửa đổi, bổ sung	Cơ sở/ Lý do sửa đổi, bổ sung
		kiện, Công ty chỉ tiến hành đầu tư, kinh doanh khi đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật đầu tư và/hoặc quy định của pháp luật chuyên ngành.	hợp với Điều lệ mẫu
7	Chứng nhận cổ phiếu	Bỏ điểm b khoản 2 về “b) Số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;” và điểm f khoản 2 về “f) Tóm tắt về thủ tục chuyển nhượng cổ phiếu;”	Điểm a khoản 2 Điều này đã quy định về mã số doanh nghiệp, đồng thời phù hợp với Điều lệ mẫu
10	Chào bán cổ phần	2. Chào bán cổ phần có thể thực hiện theo một trong các hình thức sau đây: a) Phát hành quyền mua cổ phần cho cổ đông hiện hữu; b) Chào bán thêm cổ phần ra công chúng.	Sửa đổi khoản điểm a khoản 2 để phù hợp với quy định tại điểm a khoản 2 Điều 10 Nghị định 155/2020/NĐ-CP quy định việc chào bán cổ phần của công ty đại chúng.
13	Quyền của cổ đông	1. Cổ đông có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.	Bỏ cụm từ “là người chủ sở hữu Công ty” để phù hợp với quy định tại Điều 115 Luật Doanh nghiệp
		2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau: c) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định các quy định khác của pháp luật có liên quan;	Bỏ dẫn chiếu đến khoản 3 Điều 120 Luật Doanh nghiệp do Công ty không còn cổ đông sáng lập
15	Đại hội đồng cổ đông	6. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều này thì cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại điểm d khoản 5 Điều này có quyền đại diện Công ty triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp.	Bỏ cụm từ “yêu cầu” để đảm bảo phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 140 Luật Doanh nghiệp
19	Triệu tập Đại hội đồng cổ	- Sửa đổi khoản 3 “Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi	Để đảm bảo phù hợp với quy định tại khoản



Điều		Nội dung sửa đổi, bổ sung	Cơ sở/ Lý do sửa đổi, bổ sung
	đồng, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông	cho tất cả các cổ đông bằng phương thức đảm bảo đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông,...” như sau: “Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông,...”	2 Điều 143 Luật Doanh nghiệp và phù hợp trong trường hợp ĐHĐCĐ được tổ chức dưới hình thức trực tuyến (nếu có).
		Bãi bỏ khoản 4 Điều 19	Trùng với khoản 3 Điều này
22	Điều kiện để nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua	Sửa đổi điểm e khoản 1 như sau: “e) Quyết định việc chia tách, hợp nhất, sáp nhập, mua lại, chuyển đổi hình thức sở hữu hoặc yêu cầu phá sản Công ty;” như sau: “e) Quyết định việc chia tách, hợp nhất, sáp nhập, mua lại, chuyển đổi hình thức sở hữu Công ty;”	Yêu cầu phá sản được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 30 thuộc thẩm quyền của HĐQT
23	Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	Sửa đổi khoản 2 như sau: “2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi chậm nhất là 21 (hai mươi một) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3, 4, 5 Điều 19 Điều lệ này.”	Sửa đổi để thống nhất với khoản 3 Điều 19
25	Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	Sửa đổi đoạn đầu Điều 25 như sau: “Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết	Để đảm bảo phù hợp với quy định tại Điều 151 Luật Doanh nghiệp

Điều		Nội dung sửa đổi, bổ sung	Cơ sở/ Lý do sửa đổi, bổ sung
		<p>quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 13 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:”</p> <p>(Bãi bỏ các chủ thể: thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc)</p>	
26	Hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	Sửa đổi khoản 3 như sau: “3. Trường hợp cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 25 Điều lệ này thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực , trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.”	Sửa đổi để phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 152 Luật Doanh nghiệp
28	Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	Bãi bỏ khoản 1 “1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.”	Được quy định tại Điều 30 Quyền hạn và nghĩa vụ của HĐQT
30	Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	Bãi bỏ điểm c khoản 2 “c. Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp khác;”	Được quy định điểm k khoản 2 Điều này
Khác	Chỉnh sửa một số từ tại: khoản 2 Điều 17, khoản 1, 7, 8, 9 Điều 19, khoản 3 Điều 20, khoản 7 Điều 21, khoản 1 Điều 23, đoạn đầu Điều 25, khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 42.		Lỗi kỹ thuật, in ấn. Không làm thay đổi nội dung điều/khoản.

(Chi tiết xin xem Dự thảo Điều lệ đính kèm)

Dự thảo Điều lệ Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn (sau khi sửa đổi, bổ sung) tuân thủ quy định tại Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Luật số 03/2022/QH15, Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và mẫu Điều lệ ban hành tại



Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP, vì vậy, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông:

Thông qua dự thảo Điều lệ Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn (sau khi sửa đổi, bổ sung).

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn kính trình.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TV HĐQT;
- Ban kiểm soát;
- Ban Tổng Giám đốc;
- Ban PCRR;
- Lưu: VT, VPHĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



TỔNG HỢP SO SÁNH CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI/BỔ SUNG ĐIỀU LỆ

Điều lệ: 21 Chương, 64 Điều và 01 Phụ lục (giữ nguyên bố cục như Điều lệ hiện hành)

STT	Điều	Điều lệ/Quy chế hiện hành	Nội dung sửa đổi/bổ sung tại dự thảo Điều lệ/Quy chế (sửa đổi)	Ghi chú
1	Điều 1	Giải thích thuật ngữ	Giải thích từ ngữ	
		1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau: i) “Ngày thành lập” là ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu dưới hình thức công ty cổ phần;	1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau: i) “Ngày thành lập” là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu;	Bỏ cụm từ “dưới hình thức công ty cổ phần;”
2	Điều 5	Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty	Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty	
		1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.	1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty. Đối với ngành nghề đầu tư, kinh doanh có điều kiện, Công ty chỉ tiến hành hoạt động đầu tư, kinh doanh khi đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật đầu tư và/hoặc quy định của pháp luật chuyên ngành liên quan.	Bổ sung nội dung "Đối với ngành nghề đầu tư, kinh doanh có điều kiện, Công ty chỉ tiến hành hoạt động đầu tư, kinh doanh khi đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật đầu tư và/hoặc quy định của pháp luật chuyên ngành liên quan."
3	Điều 7	Chứng nhận cổ phiếu	Chứng nhận cổ phiếu	



STT	Điều	Điều lệ/Quy chế hiện hành	Nội dung sửa đổi/bổ sung tại dự thảo Điều lệ/Quy chế (sửa đổi)	Ghi chú
		2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần do Công ty phát hành. Cổ phiếu do Công ty phát hành bao gồm các thông tin chủ yếu sau: a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của Công ty; b) Số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; f) Tóm tắt về thủ tục chuyển nhượng cổ phiếu;	Bãi bỏ điểm b, điểm f khoản 2	Điểm a khoản 2 Điều này đã quy định về mã số doanh nghiệp. Thủ tục chuyển nhượng cổ phiếu đã được quy định cụ thể tại Điều 9 Điều lệ
4	Điều 10	Chào bán cổ phần	Chào bán cổ phần	
		2. Chào bán cổ phần có thể thực hiện theo một trong các hình thức sau đây: a) Chào bán cho các cổ đông hiện hữu; b) Chào bán ra công chúng; c) Chào bán cổ phần riêng lẻ.	2. Chào bán cổ phần có thể thực hiện theo một trong các hình thức sau đây: a) Phát hành quyền mua cổ phần cho cổ đông hiện hữu; b) Chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng;	Sửa đổi điểm a khoản 2 để phù hợp với quy định tại điểm a khoản 2 Điều 10 Nghị định 155/2020/NĐ-CP
5	Điều 13	Quyền của cổ đông	Quyền của cổ đông	
		1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.	1. Cổ đông có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.	Bỏ cụm từ “là người chủ sở hữu Công ty,”
		2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau: c) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;	2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau: c) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định các quy định khác của pháp luật có liên quan;	Bỏ dẫn chiếu đến khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp vì BSR không có cổ đông sáng lập.
6	Điều 15	Đại hội đồng cổ đông	Đại hội đồng cổ đông	

STT	Điều	Điều lệ/Quy chế hiện hành	Nội dung sửa đổi/bổ sung tại dự thảo Điều lệ/Quy chế (sửa đổi)	Ghi chú
		6. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều này thì cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm d khoản 5 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp.	6. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản này thì cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại điểm d khoản 5 Điều này có quyền đại diện Công ty triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp.	Bỏ cụm từ "có yêu cầu" vì theo khoản 4 Điều 140 Luật Doanh nghiệp: nếu BKS không triệu tập thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông có quyền đại diện Công ty triệu tập họp.
7	Điều 19	Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông	Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông	
		3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức đảm bảo đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 (hai mươi một) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ).	3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất (21 ngày) trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ).	Theo quy định tại khoản 2 Điều 143 Luật Doanh nghiệp
		4. Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông; đồng thời đăng trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty và công bố theo quy định của pháp luật.	Bãi bỏ	Trùng với khoản 3 Điều này
8	Điều 22	Điều kiện để nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua	Điều kiện để nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua	

STT	Điều	Điều lệ/Quy chế hiện hành	Nội dung sửa đổi/bổ sung tại dự thảo Điều lệ/Quy chế (sửa đổi)	Ghi chú
		1. Nghị quyết của ĐHĐCĐ về các nội dung sau đây được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả các cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.	1. Nghị quyết của ĐHĐCĐ về các nội dung sau đây được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả các cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.	
		e) Quyết định việc chia tách, hợp nhất, sáp nhập, mua lại, chuyển đổi hình thức sở hữu hoặc yêu cầu phá sản Công ty;	e) Quyết định việc chia tách, hợp nhất, sáp nhập, mua lại, chuyển đổi hình thức sở hữu Công ty;	Yêu cầu phá sản Công ty trùng thẩm quyền của HĐQT tại điểm b khoản 2 Điều 30
9	Điều 23	Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.	Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.	
		2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi chậm nhất là 21 (hai mươi một) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3, Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông; đồng thời đăng trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty, 5 Điều này.	2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi chậm nhất là 21 (hai mươi một) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3, 4, 5 Điều 19 Điều lệ này.	Theo quy định tại khoản 2 Điều 143 Luật Doanh nghiệp
10	Điều 25	Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	

STT	Điều	Điều lệ/Quy chế hiện hành	Nội dung sửa đổi/bổ sung tại dự thảo Điều lệ/Quy chế (sửa đổi)	Ghi chú
		Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc , cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ năm phần trăm (05%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau: Điều 13 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:	Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 13 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:	Bãi bỏ các chủ thể: thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc để phù hợp với quy định tại Điều 151 Luật Doanh nghiệp
11	Điều 26	Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	
		3. Trường hợp cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 25 Điều lệ này thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.	3. Trường hợp cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 25 Điều lệ này thì nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực , trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.	Sửa đổi để phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 152 Luật Doanh nghiệp
12	Điều 28	Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	
		1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.	Bãi bỏ	Trùng với quy định tại khoản 1 Điều 30 của Điều lệ
13	Điều 30	Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	
		2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp và Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:	2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp và Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:	

STT	Điều	Điều lệ/Quy chế hiện hành	Nội dung sửa đổi/bổ sung tại dự thảo Điều lệ/Quy chế (sửa đổi)	Ghi chú
		c) Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp khác;	Bãi bỏ	Trùng với quy định tại điểm k khoản 2 Điều này
14	Khác		- Điều chỉnh số thứ tự các điểm, khoản sau khi đã bãi bỏ các điểm, khoản để phù hợp. - Điều chỉnh, chỉnh sửa một số từ tại khoản 2 Điều 17, khoản 1, 7, 8, 9 Điều 19, khoản 3 Điều 20, khoản 7 Điều 21, khoản 1 Điều 23, đoạn đầu Điều 25, khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 42.	Lỗi kỹ thuật, in ấn. Không làm thay đổi nội dung.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỰ THẢO

ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN LỘC HÓA DẦU BÌNH SƠN

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /NQ-BSR ngày / /2024 của
Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Lộc hóa dầu Bình Sơn)

Quảng Ngãi, ngày tháng năm 2024

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	5
CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ.....	5
Điều 1. Giải thích từ ngữ	5
CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	7
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty.....	7
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty	7
CHƯƠNG III. MỤC TIÊU VÀ NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH	8
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty	8
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty	8
CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN	9
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần	9
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu	9
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác.....	10
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần	10
Điều 10. Chào bán cổ phần.....	10
Điều 11. Mua lại cổ phiếu.....	11
CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT.....	12
Điều 12. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát.....	12
CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	12
Điều 13. Quyền của cổ đông.....	12
Điều 14. Nghĩa vụ của cổ đông.....	14
Điều 15. Đại hội đồng cổ đông	15
Điều 16. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	16
Điều 17. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	18
Điều 18. Thay đổi các quyền	18
Điều 19. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.....	19
Điều 20. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	21
Điều 21. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	21
Điều 22. Điều kiện để nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua.....	23
Điều 23. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	23
Điều 24. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	25
Điều 25. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	26
Điều 26. Hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	26



CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	27
Điều 27. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị.....	27
Điều 28. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	28
Điều 29. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị.....	28
Điều 30. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	29
Điều 31. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	30
Điều 32. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	30
Điều 33. Cuộc họp của Hội đồng quản trị	31
Điều 34. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	33
Điều 35. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị.....	33
Điều 36. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị	33
Điều 37. Người phụ trách quản trị Công ty	34
CHƯƠNG VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY	35
Điều 38. Tổ chức bộ máy quản lý.....	35
Điều 39. Người điều hành doanh nghiệp	35
Điều 40. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc	35
Điều 41. Thư ký Công ty	36
CHƯƠNG IX. BAN KIỂM SOÁT.....	37
Điều 42. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên.....	37
Điều 43. Thành phần Ban kiểm soát.....	37
Điều 44. Trưởng Ban kiểm soát.....	37
Điều 45. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát.....	38
Điều 46. Cuộc họp của Ban kiểm soát.....	39
Điều 47. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát.....	39
CHƯƠNG X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP KHÁC.....	39
Điều 48. Trách nhiệm cẩn trọng	39
Điều 49. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	40
Điều 50. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	41
CHƯƠNG XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	41
Điều 51. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ.....	41
CHƯƠNG XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	42
Điều 52. Công nhân viên và công đoàn.....	42
CHƯƠNG XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.....	42
Điều 53. Phân phối lợi nhuận	42



CHƯƠNG XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN.....	43
Điều 54. Tài khoản ngân hàng	43
Điều 55. Năm tài chính	43
Điều 56. Chế độ kế toán	43
CHƯƠNG XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG.....	43
Điều 57. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý.....	43
Điều 58. Báo cáo thường niên	44
CHƯƠNG XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY	44
Điều 59. Kiểm toán.....	44
CHƯƠNG XVII. CON DẤU	44
Điều 60. Con dấu	44
CHƯƠNG XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY	45
Điều 61. Giải thể Công ty	45
Điều 62. Thanh lý	45
CHƯƠNG XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	46
Điều 63. Giải quyết tranh chấp nội bộ	46
CHƯƠNG XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	46
Điều 64. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ	46
CHƯƠNG XXI. NGÀY HIỆU LỰC.....	46
Điều 65. Ngày hiệu lực	46
PHỤ LỤC - NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN LỘC HÓA DẦU BÌNH SƠN	48



PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết số _____ ngày tháng năm 2024 của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn.

CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích từ ngữ

1. Trong Điều lệ này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a) “Cổ đông” là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty;
- b) “Cổ tức” là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác;
- c) “Công ty” là Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn;
- d) “Đại hội đồng cổ đông” là Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn, cơ quan quyết định cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết;
- e) “Hội đồng quản trị” là Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn;
- f) “Luật Doanh nghiệp” là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;
- g) “Luật số 03/2022/QH15” là Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật thi hành án dân sự, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 03 năm 2022;
- h) “Luật chứng khoán” là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;
- i) “Ngày thành lập” là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu;
- j) “Người quản lý doanh nghiệp” là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Người phụ trách quản trị Công ty;
- k) “Người điều hành Công ty” là Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quyết định của Hội đồng quản trị;
- l) Người nội bộ của Công ty: Người nội bộ của Công ty là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật, Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm; Trưởng Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát; thành viên Ban kiểm toán nội bộ; thư ký công ty, người phụ trách quản trị công ty, người được ủy quyền công bố thông tin;
- m) Người có quan hệ gia đình bao gồm: vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột,

chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng;

n) “Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với doanh nghiệp được quy định như sau:

i. Công ty mẹ, người quản lý công ty mẹ, người đại diện theo pháp luật của công ty mẹ và người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý của công ty mẹ;

ii. Công ty con, người quản lý và người đại diện theo pháp luật của công ty con;

iii. Cá nhân, tổ chức hoặc nhóm cá nhân tổ chức có khả năng chi phối hoạt động của Công ty thông qua sở hữu, nắm giữ cổ phần, phần vốn góp hoặc thông qua việc ra quyết định của Công ty;

iv. Người quản lý doanh nghiệp, người đại diện theo pháp luật, kiểm soát viên;

v. Vợ, chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý công ty, người đại diện theo pháp luật, Trưởng ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát, thành viên và cổ đông sở hữu phần vốn góp hay cổ phần chi phối;

vi. Cá nhân là người đại diện theo ủy quyền của công ty, tổ chức quy định tại điểm i, ii, iii khoản này;

vii. Doanh nghiệp trong đó cá nhân, công ty, tổ chức quy định tại các điểm i, ii, iii, iv, v và vi khoản này có sở hữu đến mức chi phối việc ra quyết định của Công ty;

viii. Các tổ chức, cá nhân là Người có liên quan khác theo quy định tại Luật Chứng khoán;

o) Giấy tờ pháp lý cá nhân là một trong các loại giấy tờ sau: Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu, giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác;

p) Giấy tờ pháp lý của tổ chức là một trong các loại giấy tờ sau: Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, tài liệu tương đương khác;

q) “Pháp luật” là các quy định pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam bao gồm Hiến pháp, các bộ luật/luật và các văn bản dưới luật do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam ban hành; các Điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia/ký kết;

r) “Thời hạn hoạt động” là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này;

s) “Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành” là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định tại Điều lệ này;

t) “Việt Nam” là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

u) “Vốn điều lệ” là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và quy định tại Điều 6 Điều lệ này.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

4. Các từ ngữ đã được định nghĩa trong Luật doanh nghiệp nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này. Các từ ngữ không được định nghĩa trong Điều lệ này được giải thích theo quy định pháp luật.

CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

a) Tên tiếng Việt:

CÔNG TY CỔ PHẦN LỘC HÓA DẦU BÌNH SƠN

b) Tên tiếng Anh:

BINH SON REFINING AND PETROCHEMICAL JOINT STOCK COMPANY

c) Tên viết tắt: BSR

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

d) Địa chỉ: số 208 đại lộ Hùng Vương, phường Trần Phú, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam.

b) Điện thoại: 84-255- 3825825; Fax: 84-255- 3825826.

c) Website: <http://www.bsr.com.vn>.

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 61 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Công ty có một (01) người đại diện theo pháp luật. Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách người yêu cầu giải quyết vụ việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty theo quy định tại Điều lệ này phải cư trú ở Việt Nam, việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật khi vắng mặt thực hiện theo quy định Luật Doanh nghiệp.

2. Quyền của người đại diện theo pháp luật

a) Ký kết các hợp đồng nhân danh/đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty;

b) Đại diện cho Công ty làm việc với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, đại diện cho Công ty trong các quan hệ quốc tế, tố tụng, tranh chấp, giải thể, phá sản;



c) Ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền, nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật trong trường hợp vắng mặt theo quy định của pháp luật và Điều lệ;

d) Các quyền khác theo quy định Điều lệ, quy định nội bộ Công ty và pháp luật.

3. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật của Công ty

a) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Công ty;

b) Trung thành với lợi ích của Công ty; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về doanh nghiệp mà mình, người liên quan của mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

Người đại diện theo pháp luật chịu trách nhiệm cá nhân đối với những thiệt hại cho Công ty do vi phạm nghĩa vụ quy định tại khoản a, b và c Điều này;

d) Các trách nhiệm khác theo quy định Điều lệ, quy định nội bộ Công ty và pháp luật.

CHƯƠNG III. MỤC TIÊU VÀ NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty

Ngành nghề kinh doanh của Công ty được nêu tại Phụ lục kèm theo Điều lệ này. Việc sửa đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty

– Kinh doanh có lãi, bảo toàn và phát triển vốn do các Cổ đông đầu tư tại Công ty và vốn của Công ty đầu tư tại doanh nghiệp khác; hoàn thành các nhiệm vụ khác do Đại hội đồng cổ đông giao;

– Tối đa hóa hiệu quả hoạt động của Công ty.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty. Đối với ngành nghề đầu tư, kinh doanh có điều kiện, Công ty chỉ tiến hành hoạt động đầu tư, kinh doanh khi đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật đầu tư và/hoặc pháp luật chuyên ngành liên quan.

2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần

1. Vốn điều lệ của Công ty là 31.004.996.160.000 đồng (bằng chữ: ba mươi một nghìn, không trăm lẻ bốn tỷ, chín trăm chín mươi sáu triệu, một trăm sáu mươi nghìn đồng).

2. Công ty có thể tăng, giảm vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật. Công ty sẽ tiến hành sửa đổi nội dung tại Điều lệ và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đảm bảo việc tăng, giảm vốn Điều lệ.

3. Các hình thức tăng, giảm Vốn điều lệ thực hiện theo Điều lệ này và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4. Cổ phần

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 3.100.499.616 cổ phần với mệnh giá một cổ phần là mười nghìn (10.000) đồng Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm ban hành Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông thông qua được chia thành 3.100.499.616 cổ phần (Bằng chữ: ba tỷ, một trăm triệu, bốn trăm chín mươi chín nghìn, sáu trăm mười sáu cổ phần).

5. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này toàn bộ là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông được quy định tại Điều lệ này.

6. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật. Cổ phần phổ thông không thể chuyển đổi thành cổ phần ưu đãi.

7. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

8. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

9. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần do Công ty phát hành. Cổ phiếu do Công ty phát hành bao gồm các thông tin chủ yếu sau:

- Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của Công ty;
- Số lượng cổ phần và loại cổ phần;



c) Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên Chứng nhận cổ phiếu;

d) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý cá nhân của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức;

e) Chữ ký của người đại diện theo pháp luật;

f) Số đăng ký tại Sở đăng ký cổ đông và ngày phát hành cổ phiếu;

g) Đối với cổ phiếu của cổ phần ưu đãi biểu quyết, ngoài những thông tin trên còn phải ghi rõ mức được biểu quyết và thời hạn hiệu lực ưu đãi biểu quyết theo quy định tại Điều lệ này;

h) Các nội dung khác theo quy định của pháp luật.

3. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu hủy, người sở hữu cổ phiếu đó có thể được cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau:

a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;

b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có dấu và chữ ký của đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần phổ thông được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu đăng ký giao dịch, niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Chào bán cổ phần

1. Chào bán cổ phần là việc Công ty tăng thêm số lượng cổ phần được quyền chào bán và bán các cổ phần đó trong quá trình hoạt động để tăng vốn điều lệ.

2. Chào bán cổ phần có thể thực hiện theo một trong các hình thức sau đây:

a) Phát hành quyền mua cổ phần cho cổ đông hiện hữu;

b) Chào bán thêm cổ phần ra công chúng;

3. Chào bán cổ phần ra công chúng, chào bán cổ phần của Công ty thực hiện theo các quy định của pháp luật về chứng khoán.

4. Công ty thực hiện đăng ký thay đổi vốn điều lệ theo thời hạn pháp luật quy định.

5. Điều kiện và trình tự thực hiện chào bán cổ phần theo các hình thức trên được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Mua lại cổ phiếu

1. Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Có quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua việc mua lại cổ phiếu để giảm vốn điều lệ, phương án mua lại, trong đó nêu rõ số lượng, thời gian thực hiện, nguyên tắc xác định giá mua lại;

b) Có đủ nguồn để mua lại cổ phiếu từ các nguồn sau đây: thặng dư vốn cổ phần, quỹ đầu tư phát triển, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ theo quy định của pháp luật;

c) Có công ty chứng khoán được chỉ định thực hiện giao dịch;

d) Đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật trong trường hợp Công ty thuộc ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện;

đ) Không thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.

2. Việc mua lại cổ phiếu được miễn trừ điều kiện quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều này trong các trường hợp sau đây:

a) Mua lại cổ phiếu theo yêu cầu của cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

b) Mua lại cổ phiếu của người lao động theo quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động của công ty, mua lại cổ phiếu lẻ theo phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu;

3. Công ty không được mua lại cổ phiếu của chính mình trong các trường hợp sau đây:

a) Đang có nợ phải trả quá hạn căn cứ vào báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán; trường hợp thời điểm dự kiến mua lại cổ phiếu quá 06 tháng kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính, việc xác định nợ quá hạn được căn cứ vào báo cáo tài chính 06 tháng gần nhất được kiểm toán hoặc soát xét;

b) Đang trong quá trình chào bán, phát hành cổ phiếu để huy động thêm vốn;

c) Cổ phiếu của công ty đang là đối tượng chào mua công khai, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này;

d) Đã thực hiện việc mua lại cổ phiếu của chính mình trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày báo cáo kết quả mua lại hoặc vừa kết thúc đợt chào bán, phát hành cổ phiếu để tăng vốn không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, phát hành, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Trừ trường hợp mua lại cổ phiếu tương ứng với tỷ lệ sở hữu trong Công ty hoặc mua lại cổ phiếu theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, quyết định



của Trọng tài hoặc mua lại cổ phiếu thông qua giao dịch thực hiện theo phương thức khớp lệnh, Công ty không được mua lại cổ phiếu của các đối tượng sau đây:

- a) Người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ theo quy định của Luật Chứng khoán;
- b) Người sở hữu cổ phiếu có hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- c) Cổ đông lớn theo quy định của Luật Chứng khoán.

5. Công ty thực hiện mua lại cổ phiếu của chính mình theo quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều này phải làm thủ tục giảm vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị tính theo mệnh giá số cổ phiếu được công ty mua lại trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phiếu.

6. Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của người lao động theo quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động của Công ty thì thực hiện theo quy định sau đây:

- a) Tổng số lượng cổ phiếu của người lao động đã được công ty mua lại để giảm vốn điều lệ phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên;
- b) Công ty phải làm thủ tục giảm vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị tính theo mệnh giá số cổ phiếu được công ty mua lại trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định tại điểm a khoản này.

7. Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình được bán ra cổ phiếu ngay sau khi mua lại trong các trường hợp:

- a) Công ty mua lại cổ phiếu lẻ theo phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, phương án phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu;
- c) Công ty mua lại cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của cổ đông.

8. Công ty phải thực hiện việc báo cáo mua lại cổ phiếu, công bố thông tin và thực hiện việc mua lại cổ phiếu theo quy định của Luật Chứng khoán và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 12. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Tổng Giám đốc.

CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 13. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:



a) Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện theo uỷ quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa (khi Công ty thực hiện việc bỏ phiếu từ xa). Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết. Cổ đông có quyền gửi ý kiến biểu quyết bằng văn bản theo thẩm quyền và thể thức quy định tại Điều lệ này;

b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại các quy định khác của pháp luật có liên quan;

d) Được ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;

e) Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác về mình;

f) Tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

g) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

h) Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;

i) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình trong các trường hợp quy định tại Điều 132 của Luật Doanh nghiệp;

j) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Quyền và nghĩa vụ của các loại cổ phần ưu đãi (nếu có) phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông biết;

k) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

l) Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ năm phần trăm (05%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:

– Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;

– Các trường hợp quy định tại Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

b) Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông;

c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ

đồng là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hàng năm, báo cáo của Ban Kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và các tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

e) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là năm (05) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

f) Các quyền khác được quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.

5. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 14. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông có các nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

2. Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

3. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.

4. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a) Vi phạm pháp luật;

b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

7. Bảo mật mọi thông tin được Công ty cung cấp; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác;

8. Thông báo chính xác, kịp thời thông tin cá nhân, trong đó có địa chỉ liên hệ và khi có sự thay đổi các thông tin trên với cơ quan có thẩm quyền đăng ký lưu ký chứng khoán (đối với cổ đông đã thực hiện lưu ký chứng khoán tập trung) hoặc với Công ty (đối với cổ đông chưa thực hiện lưu ký chứng khoán).

9. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 15. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, hoạt động thông qua cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, Đại hội đồng cổ đông bất thường và thông qua việc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam

3. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ này, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán.

4. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty;

5. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Bảng cân đối kế toán năm, các báo cáo sáu (06) tháng hoặc quý hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;

c) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

d) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 13 Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc



văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản, trong đó mỗi bản phải có chữ ký của tôi thiếu một cổ đông có liên quan;

e) Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành doanh nghiệp khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 165 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;

f) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại như quy định tại điểm c khoản 5 Điều này hoặc nhận được yêu cầu triệu tập họp quy định tại điểm d, e khoản 5 Điều này hoặc xảy ra sự kiện quy định tại điểm b khoản 5 Điều này;

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Điều lệ này và các quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản này thì cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại điểm d khoản 5 Điều này có quyền ~~yêu cầu~~ đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d) Thủ tục đề tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 16. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;

b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;

c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;

e) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;

g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại theo quy định tại Điều 11 Điều lệ này và Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;

i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;

k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

l) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị Công ty; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị; Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;

m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

a) Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;

b) Báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán;

c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc;

đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;

e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

k) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;

l) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;

n) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

o) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

p) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

q) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại theo nguyên tắc quy định tại Điều 11 Điều lệ này và Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

r) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

s) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

t) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;

u) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 17. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp. Cổ đông là tổ chức có sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có thể ủy quyền từ 3 đến 5 người đại diện theo ủy quyền.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện nêu trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

4. Trường hợp Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và áp dụng hình thức bỏ phiếu điện tử, việc ủy quyền tham dự họp sẽ được quy định cụ thể tại thông báo mời họp và gửi đến tất cả các cổ đông theo đúng quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

Điều 18. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của



tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 21, Điều 22 và Điều 23 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 19. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 15 Điều lệ này.

2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông; Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b) Chuẩn bị chương trình và nội dung đại hội;

c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

e) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

f) Thông báo và gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty;

g) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

h) Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 (hai mươi một) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.

4. Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:

a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;

b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;

c) Phiếu biểu quyết;

5. Việc gửi tài liệu họp theo thông báo mời họp quy định tại Khoản 3 Điều này có thể thay thế bằng đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty. Trường hợp này, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp cho các cổ đông để có thể tiếp cận.

6. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý cá nhân của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.

7. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại khoản 3 Điều 13 Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải được làm bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý cá nhân của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số lượng từng loại cổ phần của cổ đông và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại Khoản 7 Điều này trong các trường hợp sau:

a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 7 Điều này;

b) Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 05% cổ phần phổ thông theo quy định tại khoản 3 Điều 13 Điều lệ này;

c) Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

9. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 7 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp



quy định tại khoản 8 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 20. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được ủy quyền dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần ba phải được gửi trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 21. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của Ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.



c) Chủ tọa cuộc họp cử một hoặc một số người làm Thư ký lập Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự: Bố trí chỗ ngồi, bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm họp, tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập đại hội có toàn quyền thay đổi các biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết khác phù hợp.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau:

- Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

- Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp.

8. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết trong các trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

Đại hội họp lại vẫn phải đủ số lượng cổ đông có quyền biểu quyết như quy định tại Điều lệ này và sẽ chỉ xem xét các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại Đại hội bị trì hoãn trước đó.

Thời gian hoãn tối đa không quá 03 (ba) ngày kể từ ngày dự định khai mạc đại hội. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định nêu trên, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp đến lúc kết thúc và tất cả các nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.



9. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 22. Điều kiện để nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các nội dung sau đây được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả các cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

- a) Sửa đổi, bổ sung nội dung Điều lệ;
- b) Loại cổ phần và tổng số cổ phần từng loại;
- c) Thay đổi ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- d) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- e) Quyết định việc chia tách, hợp nhất, sáp nhập, mua lại, chuyển đổi hình thức sở hữu Công ty;
- f) Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) trở lên tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính năm gần nhất của Công ty;
- g) Tổ chức lại, giải thể Công ty.

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số cổ phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này và khoản 3, 4, 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

Điều 23. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, bao gồm cả các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 22 Điều lệ này và khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp. Tỷ lệ biểu quyết thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản theo quy định tại khoản 9 Điều này.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi chậm nhất là 21 (hai mươi một) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3, 4, 5 Điều 19 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý cá nhân của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý cá nhân đối với đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;

e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

f) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị;

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được uỷ quyền.

5. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty theo một trong các hình thức sau:

a) Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử, nội dung phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

c) Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử đều không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

6. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban Kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý của Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và của người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

9. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản theo quy định sau:

a) Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 22 Điều lệ này được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành;

b) Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về việc bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát được thông qua theo cách tính dồn phiếu như quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp;

c) Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi được thông qua khi được các cổ đông có cổ phần ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi cùng loại đó trở lên tán thành;

d) Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các nội dung khác ngoài nội dung tại điểm a, b, c khoản này được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.

Điều 24. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi hình và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

c) Chương trình và nội dung cuộc họp;

d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;

e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;

f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;



g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả các thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính Công ty.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.

Điều 25. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 13 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 26 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Điều 26. Hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua trừ trường hợp thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó quy định khác.

2. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng quy định.

3. Trường hợp cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 25 Điều lệ này thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa

án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 27. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười ngày (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác;
- e) Các lợi ích liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- f) Thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, chức danh quản lý khác và các lợi ích liên quan tới công ty của ứng cử viên (nếu có);
- g) Các thông tin cần thiết khác theo yêu cầu của Công ty.

2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% trở lên được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Điều lệ này, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.



Điều 28. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị của Công ty gồm 5 đến 7 thành viên. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nếu Công ty có thành viên độc lập Hội đồng quản trị thì một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

2. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

a) Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;

b) Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty và được chấp thuận;

c) Mất năng lực hành vi dân sự hoặc chết;

d) Thành viên đó không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng, trừ trường hợp bất khả kháng;

e) Thành viên đó bị bãi nhiệm, miễn nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

f) Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;

g) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty.

4. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

5. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 29. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và pháp luật liên quan;

2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 của công ty khác.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác của Công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ.



5. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị (nếu có) phải đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định của Điều lệ này và pháp luật liên quan.

Điều 30. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp và Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại Điều 11 Điều lệ này và Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

f) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp; hợp đồng, giao dịch quy định tại khoản 5 Điều 293 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong Công ty theo thẩm quyền được quy định tại Điều lệ này và quy định nội bộ của Công ty; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của người đó;

j) Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh của Công ty;

k) Quyết định cơ cấu tổ chức, các quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

l) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

m) Trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán;



- n) Kiến nghị mức cổ tức được trả, mức trích lập các Quỹ; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- o) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
- p) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- q) Quyết định việc gia hạn hợp Đại hội đồng cổ đông thường niên khi xét thấy cần thiết nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính;
- r) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Điều lệ này.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 31. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị có thể được trả thêm thù lao theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, khoản thù lao này phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ này.

Điều 32. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc của Công ty.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 33. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản theo quy định tại Điều 158 Luật Doanh nghiệp.

Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả các thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 158 Luật Doanh nghiệp thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với Công

ty do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật số 03/2022/QH15, Điều lệ này và pháp luật có liên quan.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- b) Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty;
- e) Các trường hợp khác theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ Công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác quy định tại Điều lệ này hoặc quy chế nội bộ của Công ty.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 34. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định tối thiểu là ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành có thể chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban .

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành, Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

Điều 35. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý các đơn vị trong Công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do quy chế nội bộ Công ty quy định.

Điều 36. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau đây:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều lệ và pháp luật Việt Nam;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;



c) Trường hợp khác được quy định Quy chế nội bộ về quản trị, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty và pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau đây:

a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

b) Các trường hợp khác được quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty và pháp luật.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài các trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty;

b) Số lượng thành viên không điều hành Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại Điều lệ này.

Trường hợp quy định tại điểm a và b khoản này, Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông hoặc tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm. Các trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị bị mất tư cách, bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Điều 37. Người phụ trách quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị Công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Người phụ trách quản trị Công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định tại Điều lệ này và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị Công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.

2. Người phụ trách quản trị Công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị Công ty tùy từng thời điểm.

4. Người phụ trách quản trị Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

- d) Tham dự các cuộc họp;
- e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;
- g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
- h) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- i) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- j) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

CHƯƠNG VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY

Điều 38. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trực thuộc sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty.

Công ty có một (01) Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, một (01) Kế toán trưởng và các chức danh khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thực hiện bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 39. Người điều hành doanh nghiệp

1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và Người được Tổng Giám đốc ủy quyền điều hành Công ty;

2. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

3. Tổng Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 40. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng Giám đốc.

2. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.



3. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng Giám đốc không được là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật.

4. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc;

g) Tuyển dụng lao động;

h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu. Trường hợp điều hành Công ty trái với quy định tại Điều lệ này, Tổng Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty.

6. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế.

Điều 41. Thư ký Công ty

Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) hoặc nhiều người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:

1. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản;

2. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao;

3. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;

4. Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;

5. Hỗ trợ Công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công bố thông tin và thủ tục hành chính;

6. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty.

Thư ký Công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ này.

CHƯƠNG IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 42. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên

1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, 2 Điều 27 Điều lệ này.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ này, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 43. Thành phần Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

- a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó.

3. Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Các trường hợp khác theo quy định tại Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;
- d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 44. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán,



kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông;

d) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát.

Điều 45. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông: phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty, quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác.

4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.

5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

10. Có quyền tham dự hoặc tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty;



11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;

12. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu (06) tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông;

13. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát.

Điều 46. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 47. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

CHƯƠNG X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP KHÁC

Điều 48. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách cẩn trọng, trung thực vì lợi ích cao nhất của Công ty.

Điều 49. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp khác của Công ty có trách nhiệm công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng các thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

4. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý doanh nghiệp khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật chứng khoán.

5. Công ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Người điều hành, Người quản lý doanh nghiệp khác không phải là cổ đông Công ty và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp các khoản vay hoặc bảo lãnh nêu trên đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành doanh nghiệp khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành doanh nghiệp khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hóa trong các trường hợp sau:

– Đối với giao dịch có giá trị từ dưới ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính năm gần nhất, những nội dung quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Người điều hành doanh nghiệp khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

– Đối với những hợp đồng có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) trở lên hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành doanh nghiệp khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.



Điều 50. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty uỷ quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, Người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo uỷ quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

4. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất một phần trăm (1%) tổng số cổ phần phổ thông có quyền tự mình hoặc nhân danh Công ty khởi kiện trách nhiệm cá nhân trách nhiệm liên đới đối với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc để yêu cầu hoàn trả lợi ích hoặc bồi thường thiệt hại cho Công ty hoặc người khác trong các trường hợp quy định tại Điều 166 Luật Doanh nghiệp.

CHƯƠNG XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 51. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được uỷ quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.



4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ Công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

CHƯƠNG XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 52. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành của Công ty.

2. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 53. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức, mức trích lập quỹ đầu tư phát triển, mức trích lập quỹ khen thưởng, mức trích lập quỹ phúc lợi và mức trích lập các quỹ khác theo quy định của pháp luật.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.



6. Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc trích lập các Quỹ từ lợi nhuận của Công ty, trong đó bao gồm Quỹ đầu tư phát triển và các Quỹ khác theo quy định của pháp luật.

7. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 54. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản theo quy định.

Điều 55. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm (01/01) và kết thúc vào ngày thứ Ba mươi một của tháng Mười hai (31/12). Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ Ba mươi một của tháng Mười hai (31/12) của năm mà Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Điều 56. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù khác được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

CHƯƠNG XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điều 57. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 58. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 59. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo kiểm toán được gửi đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

CHƯƠNG XVII. CON DẤU

Điều 60. Con dấu

1. Dấu của Công ty bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng quản trị quyết định về hình thức, số lượng và nội dung con dấu của Công ty. Công ty có hai (02) con dấu giống nhau, hình tròn, mực màu đỏ. Một (01) con dấu được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty, một (01) con dấu được lưu giữ tại văn phòng điều hành nhà máy tại Nhà máy Lọc dầu Dung Quất, xã Bình Trị, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Nội dung con dấu: Chính giữa con dấu là tên doanh nghiệp; vành dấu có mã số doanh nghiệp và địa chỉ nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính.

4. Trước khi sử dụng, Công ty có thể thông báo mẫu con dấu với cơ quan đăng ký kinh doanh để đăng tải công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

5. Người đại diện theo pháp luật của Công ty có trách nhiệm quản lý, sử dụng con dấu theo đúng quy định nội bộ của Công ty và quy định pháp luật. Con dấu phải được lưu giữ tại các địa điểm nêu tại khoản 2 Điều này và phải được quản lý chặt chẽ. Trường hợp cần thiết để giải quyết công việc ngoài các địa điểm nêu trên thì người đại diện theo pháp luật Công ty có thể mang con dấu đi theo và phải chịu trách nhiệm về việc mang con dấu ra khỏi Công ty.



6. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc sử dụng con dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định nội bộ của Công ty và tuân thủ pháp luật hiện hành.

7. Các con dấu được sử dụng trong các trường hợp theo quy định của pháp luật hoặc các bên giao dịch có thỏa thuận về việc sử dụng con dấu.

CHƯƠNG XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 61. Giải thể Công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

- a) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
 - c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty thực hiện theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp.

Điều 62. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên: hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

- a) Các chi phí thanh lý;
- b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
- c) Thuế và các khoản nộp cho Nhà nước;
- d) Các khoản nợ khác của Công ty;
- e) Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) khoản này được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi hoàn lại được ưu tiên thanh toán trước.



CHƯƠNG XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 63. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp, các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định giữa:

a) Cổ đông với Công ty;

b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc hay người điều hành doanh nghiệp khác.

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng, hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng mười (10) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Ban kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hoà giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài thương mại hoặc Toà án nhân dân có thẩm quyền.

3. Các bên tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Toà án được thực hiện theo phán quyết của Toà án.

CHƯƠNG XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 64. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 65. Ngày hiệu lực

1. Bản Điều lệ này gồm 21 Chương 65 Điều và 01 Phụ lục kèm theo được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn nhất trí thông qua ngày tháng năm 2024 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ này được lập thành 05 bản, có giá trị pháp lý như nhau và được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.



4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC**



**PHỤ LỤC - NGÀNH NGHỀ KINH DOANH
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN LỘC HÓA DẦU BÌNH SƠN**

(Phụ lục kèm theo Điều lệ Công ty cổ phần Lộc hóa dầu Bình Sơn)

STT	Tên ngành nghề kinh doanh	Mã ngành
1	Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế <i>Chi tiết: Sản xuất, chế biến dầu mỏ, các sản phẩm từ dầu mỏ, sản phẩm trung gian, nhiên liệu sinh học, hóa phẩm, phụ gia, xúc tác, nguyên nhiên vật liệu phục vụ công nghiệp lọc - hoá dầu.</i>	1920
2	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên <i>Chi tiết: Đầu tư và phát triển các dự án lọc - hóa dầu, nhiên liệu sinh học trong và ngoài nước.</i>	0910
3	Cung ứng và quản lý nguồn lao động <i>Chi tiết:</i> - <i>Cung cấp và cho thuê chuyên gia về quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa trong công nghiệp lọc - hóa dầu và cảng biển, nghiên cứu khoa học, ứng dụng, sửa chữa trong công nghiệp lọc - hóa dầu;</i> - <i>Cung cấp và cho thuê nhân sự vận hành phòng thử nghiệm, phân tích thử nghiệm; an toàn vệ sinh lao động, phòng cháy chữa cháy, môi trường, y tế và sức khỏe nghề nghiệp;</i> - <i>Cung cấp và cho thuê nhân sự về đánh giá hệ thống đảm bảo chất lượng và kiểm soát chất lượng, Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001, Hệ thống quản lý năng lực phòng thử nghiệm theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025.</i>	7830
4	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan <i>Chi tiết: Kinh doanh, phân phối dầu mỏ, các sản phẩm từ dầu mỏ, sản phẩm trung gian, nhiên liệu sinh học, hóa phẩm, phụ gia, xúc tác, nguyên nhiên vật liệu phục vụ công nghiệp lọc - hoá dầu.</i>	4661
5	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu <i>Chi tiết:</i> - <i>Đào tạo nguồn nhân lực về quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa trong công nghiệp lọc - hóa dầu và cảng biển, nghiên cứu khoa học, ứng dụng, sửa chữa trong công nghiệp lọc - hóa dầu;</i> - <i>Đào tạo nhân lực về xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng và kiểm soát chất lượng, Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001, Hệ thống quản lý năng lực phòng thử nghiệm theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025;</i>	8559



STT	Tên ngành nghề kinh doanh	Mã ngành
	- Đào tạo, huấn luyện nhân lực về an toàn vệ sinh lao động, phòng cháy chữa cháy, môi trường, y tế và sức khỏe nghề nghiệp.	
6	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ <i>Chi tiết: Vận chuyển dầu mỏ, các sản phẩm từ dầu mỏ, sản phẩm trung gian, nhiên liệu sinh học, hóa phẩm, phụ gia, xúc tác, vật tư máy móc, thiết bị, phụ tùng, phương tiện, nguyên nhiên vật liệu phục vụ công nghiệp lọc - hoá dầu.</i>	4933
7	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa <i>Chi tiết: Lưu giữ dầu mỏ, các sản phẩm từ dầu mỏ, sản phẩm trung gian, nhiên liệu sinh học, hóa phẩm, phụ gia, xúc tác, vật tư máy móc, thiết bị, phụ tùng, phương tiện, nguyên nhiên vật liệu phục vụ công nghiệp lọc - hoá dầu.</i>	5210
8	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu <i>Chi tiết: Cung cấp các dịch vụ trong lĩnh vực sản xuất, chế biến, kinh doanh dầu mỏ, các sản phẩm từ dầu mỏ, sản phẩm trung gian, nhiên liệu sinh học, hóa phẩm, phụ gia, xúc tác phục vụ công nghiệp lọc - hoá dầu.</i>	4669
9	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác <i>Chi tiết: Cung cấp các vật tư máy móc, thiết bị, phụ tùng, phương tiện, nguyên nhiên vật liệu phục vụ công nghiệp lọc - hoá dầu.</i>	4659
10	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu <i>Chi tiết: Xuất nhập khẩu dầu mỏ, các sản phẩm từ dầu mỏ, sản phẩm trung gian, nhiên liệu sinh học, hóa phẩm, phụ gia, xúc tác, nguyên nhiên vật liệu phục vụ công nghiệp lọc - hoá dầu.</i>	8299
11	Sửa chữa thiết bị khác <i>Chi tiết: Sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị khác trong ngành lọc - hóa dầu; Sửa chữa, bảo dưỡng máy móc thiết bị phòng thử nghiệm.</i>	3319
12	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật <i>Chi tiết: Cung cấp các dịch vụ phân tích dầu thô, sản phẩm dầu mỏ và các hóa chất, phụ gia, xúc tác, nhiên liệu sinh học liên quan đến lĩnh vực lọc - hóa dầu.</i>	7120
13	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan <i>Chi tiết: Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp - Giám sát lắp TBCT, D.Dựng-H.Thiện hệ thống đường ống dầu khí, kho chứa dầu khí.</i>	7110



STT	Tên ngành nghề kinh doanh	Mã ngành
14	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải <i>Chi tiết: Dịch vụ hàng hải, cảng biển liên quan đến ngành lọc - hóa dầu.</i>	5229
15	Sửa chữa máy móc, thiết bị <i>Chi tiết: Sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị trong ngành lọc - hóa dầu.</i>	3312
16	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống <i>Chi tiết: Bán buôn nông lâm sản nguyên liệu (ngô, sắn).</i>	4620
17	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác. <i>Chi tiết: Cho thuê thiết bị phòng thử nghiệm, thiết bị đo lường, điều khiển; thiết bị máy móc công nghiệp.</i>	7730